

SỐNG ĐẠO KỶ TỚI

Sống Đạo số Đồng Tân Sứ – 2021 với lễ các đấng và kỷ niệm:

- Thánh Đản Đức Vô Cực Từ Tôn (15/08)
- Kỷ Niệm Đức Lý Giáo Tông (18/08)
- Kỷ Niệm Đức Trần Tổng Lý (20/08)
- Kỷ Niệm Lập Tịch Đạo (23/08)
- Kỷ Niệm Đức Khổng Tử (28/08)
- Mùa Hội Tĩnh (01/09)
- Kỷ Niệm Bảo Thọ Thánh Nương (09/09)
- Kỷ Niệm Chơn Giác Nương Nương (12/10)
- Kỷ Niệm Đầu Sư Ngọc Quế Thanh và Chức Sắc Cửu Trùng Đài (14/10)
- Ngày Khai Đạo/Hạ Ngươn (15/10)
- Kỷ Niệm Bảo Ngươn Chơn Tiên Trần Nguyên Chi
- Kỷ Niệm Đức Jesus Christ (25/12/DL)
- Kỷ Niệm Giám Đản Thiên Quân Lê Tri Hiến (06/12)
- Kỷ Niệm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài (08/12) & Bảo Pháp Thanh Long Lương Vĩnh Thuật

Danh nhân văn hóa:

- Mahatma Gandhi (12/10/DL)
- Đoàn Thị Điểm (11/09/AL)
- Thomas Edison (18/10/DL)
- Nguyễn Bình Khiêm (11/DL)
- Trương Vĩnh Ký (06/12/DL)
- Phật Hoàng Trần Nhân Tông (16/12/DL)
- Phan Bội Châu (26/12/DL)
- Vua Duy Tân (26/12/DL)
- Nguyễn Bình Khiêm (28/11/AL)
- Martin Luther King (15/01/DL)
- Alfred Nobel (10/12/DL)

Mời quý huynh tỷ viết bài và đón xem.

Hạn nhận bài: 01/07/Tân Sứ

ISBN 978-604-61-7919-1



SÁCH ÁN TỔNG

Thu Tân Sứ 2021 • 3

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SỐNG ĐẠO

Thu Tân Sứ 2021 • 3

SỐNG ĐẠO .3



TG



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Thu Tân Sửu 2021 • 3

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO

Thư từ bài viết xin gửi:

Email: **songdao@gmail.com**

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống Sống Đạo chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số tài khoản 100077429, Ngân Hàng Thương Mại Á Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904 780 384

Quý vị vui lòng gửi danh sách công quả ấn tống Sống Đạo về chị NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918 705 268. Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi Sống Đạo không gửi đến các nơi khác và đã gửi nơi khác không gửi Sống Đạo.

Quý bạn cần đọc Sống Đạo qua email vui lòng thông báo địa chỉ cho Sống Đạo: **songdao@gmail.com**.

Đặt và nhận, tặng hay giảm số lượng Sống Đạo, liên hệ NGUYỄN THÀNH MẬN.

ĐT: 0908 152 988

Sống Đạo



 NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
TIẾN TRIỀU

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN

Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 1.650 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com

Số ĐKXB: 2490-2021/CXBIPH/12-73/TG

Mã ISBN: 978-604-61-7919-1

QĐXB: 348/QĐ-NXBTG ngày 14/7/2021

In xong và nộp lưu chiểu quý III/2021.

Mục lục

Thánh giáo.

5 Mùa thu xây dựng các con nữ hiền.

Huệ Khải chủ thích - Lê Anh Minh hiệu đính

13 Thánh truyền Trung Hưng giáo pháp dạy về sám hối.

Phạm Sĩ Dũng st

15 Sự tôn thờ Thượng Đế Chí Tôn và Điều Trị

Kim Mẫu.

Di cáo của ĐT. Huệ Minh

19 Vượt qua khổ nạn.

Đại Cơ Bác

29 "Thượng Đế trong tất cả" dưới góc nhìn khoa học

Minh Tú

38 Tâm Đức Đạo Hạnh người Phổ tế.

GS Thượng Văn Thanh

44 Tu tập công quả

Nguyễn Công Khánh

53 Nói chuyện đạo. Giáo hữu Thượng Thuần Thanh

60 Trung Hòa - Đức tin mạnh mẽ.

Vô Nhai Tử

66 Tống Phước Hậu vui cảnh đại thừa. *Tùng Nguyễn*

69 Lòng tốt.

Trần Quốc Huân

74 Mẹ Teresa.

Phạm Sĩ Dũng st

79 Suy nghiệm từ truyện Kiều của người học đạo.

Ngọc Anh

86 Ý nghĩa kinh Nhập hội.

Tùng Nguyễn

94 Một chuyến Liên Tôn của khóa học Liên Tôn.

Nghê Dũ Lan

102 Nghiên cứu văn hóa sử Cao Đài.

Đạt Tường

107 Buông.

Đại Cơ Minh

Sáng tác:

110 Truyện ngắn: Có dòng sông bất tận.

Trương Duy

116 Thơ: Mai Hậu • Nguyễn Quốc Huân • Đỗ Thị Kết

• Huỳnh Văn Mười • Lê Hoàng Nguyên • Trần Dã

Sơn • Hàn Nguyên Trinh

123 Thông tin – Tư liệu:

128 Danh sách công quả ấn tống Sống đạo kỳ 3/2021
Tân Sửu.

Ảnh bìa: **Nhạc Chủ Hòa.** Ảnh: Trần Đức.



*“Người hiền đức không cần danh vọng,
Làm thì ưa công cộng hiệp hòa.
Kính người quên phứt đến ta,
Tự nhiên thanh tịnh giọng tà bất sinh”.*

Ngọc Hoàng Thượng Đế,
Đại Thừa Chơn Giáo, 04/9/Bính Tý – 1936.

Mùa thu xây dựng các con nữ hiền

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 15-8 Giáp Thìn (Chủ Nhật 20-9-1964)

THI

BẢO trợ tình thân thẳng bước đường,
THỌ nguồn ân điển thấm lòng thương;
THÀNH tâm rèn đức cơ xây dựng,
NƯONG hiệp Trung Hưng cảnh thánh đường.

Tệ Nữ chào chư chức sắc Lưỡng Đài. Chào quý đạo tử, đạo muội.

Tệ Nữ mong quý đạo tử, đạo muội chung lo trách nhiệm tương lai mà công việc trước hết là kêu gọi chị em hiệp về Hội Thánh, chung sức xây dựng một *Liên Đoàn Nữ Phái Phục Sinh*,⁽¹⁾ phát động phong trào

⁽¹⁾ **Liên Đoàn Nữ Phái** (*Nữ Phái Liên Đoàn* 女派聯團: *Women's League*): Lập tại Trung Châu cuối tháng 10-1938 theo thánh lệnh của Đức Mẹ Điều Tri. Thành phần lãnh đạo gồm có: *Chánh Hội Trưởng* (tiền bối Lê Chơn Giác, tức bà Lê Trí Hiền); *Phó Hội Trưởng* (tiền bối Lê Thị Tịnh, tức bà Xã Nho); *Chánh Thư Ký* (tiền bối Trương Thị Ngọc Dung, tức bà Cửu Đô); *Thủ Bổng* (tiền bối Phan Thị Chuyên, tức bà Chánh Diễm, là thân mẫu Giáo Sư Nguyễn Quang Châu); *Nghị Viên* (tiền bối Nguyễn Thị Hiền, tức bà Trần Cộng Ban); *Liên Giao* (tiền bối Trần Thị Tuyết); *Phụ Tá Phó Hội Trưởng* (tiền bối Nguyễn Điều Trinh, tức Thanh San, gốc Hội Thánh Minh Chơn Đạo, và tiền bối Võ Thị Yển). Cuối năm 1938, thành lập được tám chi đoàn ở thánh tịnh Thanh Quang và bảy thánh thất là Linh Bửu, Nam Trung Hòa, Trung An, Trung Hòa, Trung Quang, Trung Thành, Từ Quang. Về sau, danh xưng Liên Đoàn Nữ Phái đổi thành *Tân Nữ Lưu Đạo Đức Đoàn* 新女流道德團. Năm 1941, lại đổi tên là *Thanh Xuân Tân Sinh Hoạt Đoàn* 青春新生活團, và mỗi đoàn viên gọi là *Nữ Thanh Tân* 女清新. - **Liên Đoàn Nữ Phái Phục Sinh** tức là Liên Đoàn Nữ Phái tái lập, sau khi tổ chức cũ ngưng hoạt động.

phái nữ, gây lại sự sống, tình thương, sức mạnh; chinh đồn các dòng tu nữ phái để huấn luyện một nhóm nữ tu sĩ có căn bản lập trường, cứu cánh ⁽²⁾ hầu ⁽³⁾ đảm đương trách nhiệm ở các cơ quan bác ái xã hội theo lập trường của Hội Thánh xưa nay đã hoạch định sẵn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy nhiều.

Hỡi chư tử muội! Dĩ vãng đã để lại cho chúng ta những bài học đắng cay gian khổ. Tương lai trông cậy ở chúng ta sự nghiệp vẻ vang, huy hoàng; nên hiện tại ta đừng chán nản, đừng kinh cụ, ⁽⁴⁾ đừng nghĩ xa thực tế, đừng lo chuyện bao đồng.

Đạo lý trong nhật dụng thường hành. ⁽⁵⁾ Tùy căn cơ duyên phận, kẻ buôn gánh bán bưng, ⁽⁶⁾ người cày sâu cuốc bẫm. ⁽⁷⁾ Đạo lý vốn sẵn có trong nghề nghiệp, hoàn cảnh của mỗi mỗi.

Biết chân chính là Phật, không chân chính là ma nên suốt đời Không Tử không bao giờ nói đến quái, lực, loạn, thần. ⁽⁸⁾

Tệ Nữ muốn nói nhiều nhưng Đức Kim Mẫu sắp giá lâm. Tệ Nữ xin hẹn lại dịp khác.

⁽²⁾ **cứu cánh** 究竟 (*final aim*): Mục đích sau cùng.

⁽³⁾ **hầu** (*so as to, in order to*): Ngõ hầu, để mà, nhằm để.

⁽⁴⁾ **kinh cụ** 驚懼 (*panic, fright*): Sợ hãi, hoảng sợ.

⁽⁵⁾ **nhật dụng thường hành** 日用常行 (*daily ordinary activities*): Những sinh hoạt bình thường trong đời sống hằng ngày.

⁽⁶⁾ **buôn gánh bán bưng** (*pedlary*): Buôn thúng bán mẹt, buôn bán hàng rong vất vả với vốn liếng ít ỏi.

⁽⁷⁾ **cày sâu cuốc bẫm** (*tinh canh tế tác 精耕細作: intensive and meticulous farming*): Cày cuốc rất kỹ; làm ruộng rất cực khổ.

⁽⁸⁾ **quái, lực, loạn, thần** 怪, 力, 亂, 神 (*strange things, violence, political disruptions, and spirits*): Quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần. *Luận Ngữ* (7:21): Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần. 子不語怪, 力, 亂, 神. *The Master did not speak of strange things, violence, political disruptions, and spirits.* (Đức Không chẳng nói tới những việc quái dị, bạo lực, phản loạn, và quỷ thần.) Giảng câu này cho rõ, Chu Hy 朱熹 (1130-1200) dẫn lời họ Tạ 謝 viết: *Thánh ngữ thường nhi bất ngữ quái, ngữ đức nhi bất ngữ lực, ngữ trị nhi bất ngữ loạn, ngữ nhân nhi bất ngữ thần.* 聖語常不語怪, 語德不語力, 語治不語亂, 語人不語神. (Thánh nhân nói về việc bình thường chứ không nói về việc quái dị, nói về đạo đức chứ không nói về bạo lực, nói về yên bình chứ không nói về phản loạn, nói về con người chứ không nói về quỷ thần.)

THI

*Tâm sự đêm khuya tạm mấy dòng
Chớ nào kể hết nỗi hoài mong
Mong sao Nữ Phái Liên Đoàn lại
Để khỏi nhìn chung cảnh nào nùng.
Tệ Nữ xin kiếu.*

TIẾP DIỄN

LONG NỮ ĐỒNG TỬ

Chào chư chức sắc Lương Đài.

THI

*Nương ánh mây lành tới điện trung
Chị em nữ phái hiệp nhau cùng
Thành tâm tiếp giá Từ Tôn Mẫu
Giáo đạo Trung Hưng chí nữ hùng.
Thành tâm tiếp Giá. Bần Nữ xin kiếu.*

THI

*DIÊU TRÌ Cung hội cúc đơm hoa
KIM MẪU vì con giáng Bửu Tòa
Giáo đạo cho con tường lý Đạo
Trung Hưng nữ phái biết gần xa.*

Mẹ mừng các con chức sắc Lương Đài, chư nữ tu sĩ, giáo sĩ và toàn thể các con.

Mẹ ban ơn lành chung cho các con và tất cả các con đàn này vắng mặt. Mẹ sẽ dành mọi ân huệ thiêng liêng cho các con vững bước theo đường tu trong con khảo đảo.

Hỡi các con nữ phái! Mỗi độ thu về, lòng Mẹ bùi ngùi nghĩ đến các con trần gian đang dạt dào trong muôn ngàn đau khổ. Đứa khóc đã khổ, đứa cười cũng chẳng vui chi, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh ly loạn.

Mẹ miễn lễ. Các con an tọa.

Hỡi các con nữ phái! Giờ này Mẹ đến trần gian với các con trong cảnh mưa thu ảm đạm, gió thu thê lương. Mẹ cảm thấu hằng triệu trái tim của các con trong khắp các thánh thất, thánh đường đang rộn rịp dâng lên đón chờ tin Mẹ. Mẹ chứng kiến lòng con những nỗi hãi hùng kinh sợ, những buồn tủi lo âu bởi đời chiến tranh, đạo tương tranh, thảm cảnh cốt nhục tương tàn, đồng đạo tương khuynh⁽⁹⁾ mà các con là nạn nhân của bối cảnh.⁽¹⁰⁾

Ôi! Lịch sử nhơn loại không bao giờ viết xuôi thuận một dòng như lòng con tưởng, thẳng tắp một đường như ý con mơ, mà chính cái lẽ tán tỵ, cùng thông, thẳng trầm, bỉ thái là lẽ dĩ nhiên bởi nghiệp quả, số kiếp, duyên phận của con người.

Trước hoàn cảnh chiến tranh tang tóc, nhơn loại đương đầy đầy đày đọa, rên than, bởi bệnh kia sẽ trầm kha, thêm vào những con số chiến tranh trầm trọng phát lên từng hồi từng chập, mà các sứ giả hòa bình đến để cứu nguy nhơn loại lại bận tranh nhau quyền pháp, giành nhau địa vị, không khéo rồi sẽ lôi cuốn nhơn loại vào con đường đấu tranh không ngày kết liễu. Thiệt thảm thay!

Hỡi các con nữ phái! Ngày nay các con phải tự thấy sứ mệnh càng quan trọng hơn. Phải lấy tình yêu thương, đức nhu thuận để san bằng mọi mâu thuẫn, hòa đồng mọi dị biệt, hàn gắn mọi đổ vỡ. Các con là sinh lực của bác ái, của hòa bình, của gia đình cũng như xã hội. Các con phải hăng hái tiến lên. Đừng rụt rè e ngại. Các con dù ở đâu, ở nhà, ở xã đạo, ở thánh thất, ở Hội Thánh, các con [dù] là tín đồ, là chức sắc, là chức việc, là nữ tu sĩ, giáo sĩ cũng đều có thể làm tròn bổn phận của người phụ nữ trong sứ mệnh trung hưng.

Trung thu Giáp Thìn, Mẹ muốn đặt các con trong mùa thu xây dựng. Xây dựng bản thân, gia đình, thánh thất, Hội Thánh, và xã hội, gây nên phong trào phụ nữ xây dựng toàn đạo. Mẹ sẽ cầu xin Chí Tôn dành mọi sự nâng đỡ cho các con. Rồi đến mùa thu sau Mẹ sẽ chăm công.

⁽⁹⁾ **tương khuynh** 相傾 (*competing with each other; overwhelming each other*): Tranh giành nhau; áp đảo nhau.

⁽¹⁰⁾ **bối cảnh** 背景 (*situation, circumstances*): Hoàn cảnh 環境.

THI

*Dặn dò con cố nhớ, con ơi!
Đạo lý nghìn thu chẳng đổi dời
Vốn sẵn tâm con không vọng động
Thánh Hiền, Tiên Phật thế mà thôi.*

BÀI

*Đêm trung thu Mẹ để ngọc bút
Nơi Bửu Tòa ban phước nữ nam
Trăng thu ản bóng cung Hằng
Gió thu thổi nhẹ, hương trầm ngát bay.
Mùa thu đến trong ngày tao loạn
Mùa thu sang cảnh trạng bi thương
Đời chiến họa, đạo tranh đương ⁽¹¹⁾
Bút nào tả hết tang thương cảnh trần.
Đành rằng luật xoay vần Tạo Hóa
Đành rằng điều nhơn quả trả vay
Nhân kia ai sắp ai bày
Ngày nay thế giới họa tai dập dồn.
Vì tham vọng, quốc hồn ⁽¹²⁾ điên đảo
Vì vô minh cơ đạo khuynh nguy ⁽¹³⁾
Thương thay số kiếp tu trì
Của con nữ phái nhiều khi nã nùng.
Nổi chiến tranh hãi hùng tan tác
Nổi thiên thời bất trắc phong vân ⁽¹⁴⁾
Tai xa rồi đến họa gần
Thân hình tiêu tụy, tinh thần tiêu hao.*

⁽¹¹⁾ **tranh đương** 爭當 (*struggling with each other*): Đấu tranh với nhau.

⁽¹²⁾ **quốc hồn** 國魂 (*national spirit*): Tinh thần cao quý của dân tộc un đúc qua nhiều thời đại.

⁽¹³⁾ **khuynh nguy** 傾危 (*in danger of collapse*): Có nguy cơ nghiêng đổ.

⁽¹⁴⁾ Câu này ý nói: Thời cuộc biến động và không sao lường trước những thay đổi bất lợi. – **thiên thời** 天時 (*weather*): Thời tiết; ở đây có thể hiểu như *thời cuộc* 時局 (*current political situation*). – **bất trắc phong vân** 不測風雲 (*unable to predict unfavourable changes*): Không thể lường trước những thay đổi bất lợi.

Mẹ nhìn con, khổ đau vui dập
Lòng mẹ thêm tràn ngập tình thương
Trung thu giáng bút canh trường ⁽¹⁵⁾
Dặn dò con trẻ mọi đường tu công.
Mẹ nhắc lại cũng không xa mấy
Đạo Trời khai mới mấy mươi thu
Người chết chóc, kẻ tội tù
Ai đem thân đạo ⁽¹⁶⁾ đến bù nước non?
Dòng máu đỏ, ngòi son ⁽¹⁷⁾ cũng đỏ
Cảnh đoạn trường thêm tỏ can trường ⁽¹⁸⁾
Chí hùng lẫn với đau thương
Nắm mồ thiên cổ soi gương đạo đồng ⁽¹⁹⁾
Những thảm trạng đau lòng dĩ vãng
Kết tinh thần cho vạn tượng lai
Giục lòng nữ kiệt, anh tài
Xây nền thánh địa Cao Đài trung hưng.
Rồi con biết bao lần thu đến
Mà mấy lần sứ mệnh Mẹ trao
Phải làm sao? Phải tính sao?
Trung hưng cho đáng nhịp cầu Bắc, Nam.
Sao con mãi khổ tâm vì đạo
Sao con còn sầu não vì đời
Phải chăng thảm cảnh đến nơi
Nỗi đời nỗi đạo, toi bời rẽ chia.
Người hướng đạo hướng về bản ngã ⁽²⁰⁾

⁽¹⁵⁾ **canh trường** (*far into the night*): Canh chày, canh khuya, canh thâm, đêm khuya.

⁽¹⁶⁾ **thân đạo** (*life of a disciple*): Mạng sống người tu.

⁽¹⁷⁾ **ngòi son** (*pen recording heroic history*): Bút chép những trang sử oanh liệt.

⁽¹⁸⁾ **can trường** 肝腸 (*liver and intestines; fig., courage*): Gan và ruột; lòng can đảm.

⁽¹⁹⁾ **nắm mồ thiên cổ** (*graves of martyrs*): Mộ những vị tử đạo. – **đạo đồng**: Đồng đạo (*co-religionist*). – **soi gương đạo đồng**: Làm gương cho đồng đạo (*as an exemplar for co-religionists*).

⁽²⁰⁾ Câu này ý nói: Người hướng đạo ích kỷ, không có lòng vị tha vô ngã (*unselfish, non-egoistical*) lo lắng cho chúng sanh.

Giục ⁽²¹⁾ tín đồ rời rã ly tan
 Chiến tranh, dân chịu cơ hàn ⁽²²⁾
 Chia ly, đạo phải làm than ⁽²³⁾ như đời.
 Hồi nữ phái! Con ơi ghi nhớ
 Nhớ Mẹ hằng nâng đỡ cho con
 Tình em chị, dạ sắt son ⁽²⁴⁾
 Hiệp về một mối lo tròn phận tu.
 Hồi nữ phái cần cù học tập
 Tập cho nên các cấp giáo đồ ⁽²⁵⁾
 Dắt dìu em chị ra vô
 Trăm hoa đua nở, điểm tô thánh đường.
 Hồi nữ phái! Tình thương cao cả
 Tình thương là pháp lạ vô biên
 San bằng mọi lẽ chinh nghiêng
 Lấp bằng những hố tư riêng trong lòng.
 Nữ giáo sĩ, khoan dung đức độ
 Nữ tín đồ cần cố ⁽²⁶⁾ đạo tâm
 Dẫu bao nhiêu cảnh thăng trầm
 Mối giếng đạo đức vững cầm chừng sai.
 Thu Giáp Thìn sắp bày mọi lẽ
 Một tình thương san sẻ cho con
 Con ôi! Sứ mệnh lo tròn
 Mùa thu xây dựng các con nữ hiền. ⁽²⁷⁾
 Đạo lý vốn không riêng không biệt
 Đạo lý là lẽ thiệt trên đời

⁽²¹⁾ **giục** (*urging sb*): Xui khiến, thúc đẩy.

⁽²²⁾ **cơ hàn** 飢寒 (*hungry and cold*): Đói lạnh.

⁽²³⁾ **lâm than** (*miserable, wretched*): Vất vả, cơ cực, khổ sở.

⁽²⁴⁾ **sắt son** (*faithful*): Trung trinh bền vững. (Son: màu đỏ thắm khó phai. Sắt: Kim loại cứng bền.)

⁽²⁵⁾ **giáo đồ** 教徒 (*adherents, disciples, followers*): Tín đồ 信徒, môn đồ 門徒 của một tôn giáo.

⁽²⁶⁾ **cố** 固 (*consolidating sth, strengthening sth*): Củng cố 鞏固, làm cho vững chắc.

⁽²⁷⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

*Pháp môn vô lượng,⁽²⁸⁾ con ôi!
Từ từ mà bước, khỏi nơi lạc lằm.
Lời Mẹ dạy canh thâm con nhớ
Chị em cùng nâng đỡ với nhau
Nữ lưu⁽²⁹⁾ xây dựng phong trào⁽³⁰⁾
Trung hưng quả kết vườn đào Nam bang.*

Mẹ ban ơn các con nữ phái. Mẹ đem mối tình thương san sẻ cho tất cả các con, không trừ một con nào. Mẹ sẽ dành mọi ân huệ để các con vững bước trong mọi bối cảnh.

(...)

Mẹ ban ơn các con. Mẹ hồi Diêu Điện. ☯

HUỆ KHẢI chú thích
LÊ ANH MINH hiệu đính



⁽²⁸⁾ **pháp môn vô lượng** 法門無量 (*dharma methods are innumerable*): Pháp môn nhiều vô kể, không thể đếm được.

⁽²⁹⁾ **nữ lưu** 女流 (*women, the fair sex*): Nữ phái 女派, nữ giới 女界, tiếng gọi chung phụ nữ.

⁽³⁰⁾ **phong trào** 風潮 (*movement*): Hoạt động lôi cuốn đông đảo người theo.

THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG GIÁO PHÁP *dạy về sám hối*

Phạm Sĩ Dũng st
(Tiếp theo SD số 2-2021)

Này Chư Hiền ôi! Sống giữa cõi đời mạt pháp ma cường, bao nhiêu nghiệp lực chồng chất từ xưa không mấy ai là không có tội lỗi. Phật đã nói tất cả chúng sinh dở chân cất bước là có lỗi, huống chi con người của các hiền mang nặng tám vạn bốn nghìn trần lao nặng nề ở bên mình. Thân, khẩu, ý hằng ngày tạo ra đầy đủ tội lỗi, tội lỗi đã gây ra rồi dù cho cố trốn tránh hoang dã dưới bể sâu cũng không thể nào tránh được. Chỉ nhờ có phương pháp sám hối mới có thể cứu độ được, nhưng sám hối phải hiểu cái ý nghĩa của nó thế nào cho đúng. Sám nghĩa là

rửa lòng trong sạch nguyện chừa bỏ tất cả những tội lỗi từ bao đời đã gây ra. Phải một lòng dạ chí thành van xin như người bị đắm ở dưới nước trông được một ít không khí, phải có cảm ứng với nhau, nơi Thiên Cung thường mở cửa để đón rước những ai là kẻ biết ăn năn sám hối. Sở dĩ sự sám hối không thành là tại lòng người còn đảo điên xao lãng, chưa hết dạ chí thành. Hối nghĩa là sao? Là nguyện từ nay bao nhiêu những lỗi cũ không còn vấp phạm nữa, phải luôn luôn tư thiết với tội lỗi của mình. Như Lâm Thâm Huyền, như Lý Bạc Băng, phải lo sợ cái ngày chết nó kẻ một

bên, Phật đã nói như bị kiếp hại khổ, tuy *nhứt thế ngũ căn tặc họa uơng cập luy thế, vi hại thâm trọng bất khả bất thận*. Người sở dĩ gây ra tội lỗi là bởi không làm chủ được lục căn, để cho lục căn dấy loạn, mở cửa để rước lấy tội lỗi vào mình, mãi kiếp phải chịu trầm luân trong bể khổ, khó có ngày thoát thân ra được. Sách đã nói “*nhơn sanh thùy vô quá, hữu vô quá tặc cải*”. Ở đời không ai là không tội lỗi nhưng có lỗi mà biết ăn năn sám hối thì tội lỗi đâu còn. Kinh nói: “*bất ứng tham sân khởi duy khùng tại giác tri*”. Hễ mê là chúng sanh, giác là Phật, sám hối là lòng giác ngộ của con người, giác ngộ được rồi thì tội lỗi đâu còn có nữa. Chỉ ngặt cho đa số chúng sanh chưa nhận thấy được tội lỗi của mình, đã không chịu bỏ mà cứ gây ra mãi. Bởi thế cho nên diễn ra cái tuồng máu sông xương núi, cái mạng chết kè bên mà lòng người còn chưa tỉnh ngộ cái nghiệp ác nó ở mãi bên người. Phương pháp gỡ nó ra chỉ có đạo đức tinh thần mà thôi, thế mà có mấy người biết noi theo đó mà thi hành. Mỗi khi có bom đạn, lo tìm hang vào núp nhưng có ngờ đâu bom đạn bởi nghiệp

mà đến, thì có trốn ở nơi nào mà thoát được. Bây giờ chỉ có pháp tu hành biết ăn năn sám hối, có sám hối thì tội lỗi mới được giảm tiêu, oan khiên mới được tận giải, Trời Phật hằng để lòng từ bi bác ái mong sự giác ngộ của chúng sanh, chúng sanh có được lòng giác ngộ thì Trời Phật sẵn sàng đưa tay cứu độ như vớt người rớt giếng té sông.

(Tịnh Đường, 24/12/Giáp Thìn-
ĐĐ39)-TTTHGP II, tr.172)



Sự tôn thờ

Thượng Đế Chí Tôn và Diêu Trì Kim Mẫu

Di cáo của ĐT. HUỆ MINH

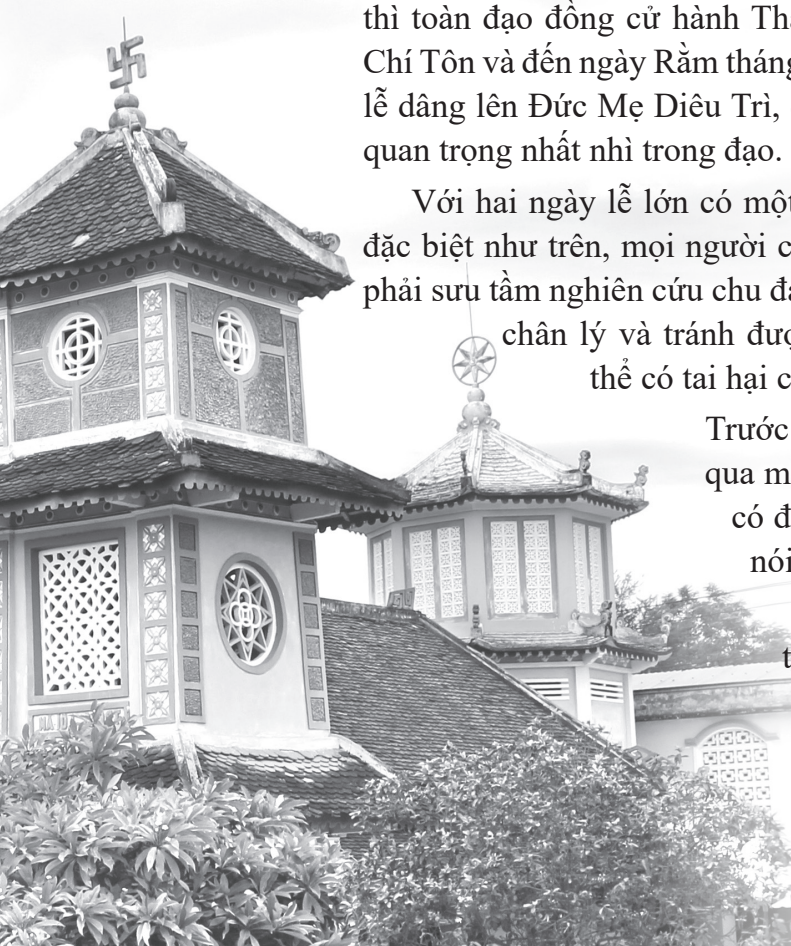
Trong đạo Cao Đài ngoài sự tôn thờ một đấng cao trọng tuyệt đối là Thượng Đế Chí Tôn, giáo chủ nền đạo, chúng ta còn có thêm sự kính ngưỡng long trọng khác đối với Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, tức là Mẹ linh hồn của chúng ta.

Do đó, mỗi năm cứ đến ngày mừng 9 tháng Giêng thì toàn đạo đồng cử hành Thánh lễ dâng lên Đức Chí Tôn và đến ngày Rằm tháng 8 thì cử hành Thánh lễ dâng lên Đức Mẹ Diêu Trì, đó là hai ngày lễ lớn quan trọng nhất nhì trong đạo.

Với hai ngày lễ lớn có một sắc thái tín ngưỡng đặc biệt như trên, mọi người chúng ta có bốn phận phải sưu tầm nghiên cứu chu đáo để có thể phát huy chân lý và tránh được những lầm lẫn có thể có tai hại cho tư tưởng đạo lý.

Trước hết, chúng ta hãy nói qua một vài quan niệm sẵn có đối với các sự tôn thờ nói trên.

Là theo quan niệm thông thường thì cho rằng Đức Thượng là Cha linh hồn,



vì Thượng Đế là Thái Cực Thánh Hoàng, Đấng sinh ra muôn vật, chương quản kiền khôn, còn Đức Diêu - Kim Mẫu là Mẹ, vì theo kinh Kim Bàn Ngọc Lộ thì từ thuở an bài vũ trụ, Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã cho xuống thế 96 ức nguyên nhân để tạo thành thế giới nhân loại. Như quan niệm này thì hai Đấng ấy chẳng khác gì song thân của mình tại thế gian. Người ta đã tôn hai Đấng này là Cha và Mẹ với một tinh thần kính ngưỡng thiêng liêng. Nhưng ở đó, người ta ý niệm như là một ông cha và một bà mẹ có sự phân ngôi định vị rõ ràng y như cách suy tưởng thông thường.

Một quan niệm thứ hai thì cho rằng, khi trời đất chưa phân thì ngôi Vô Cực có trước, và ngôi Thái Cực sinh sau, nghĩa là có Vô Cực rồi mới có Thái Cực, có Thái Cực mới có âm dương hóa sinh trời đất và muôn vật.

Vì vậy, quan niệm này cho rằng: Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn là Mẹ của tất cả, vì Vô Cực có trước vũ trụ. Do đó mới có sự phân biệt như thờ Đức Vô Cực ngồi trên và thờ Đức Thượng Đế ngồi dưới, lấy nghĩa là Vô Cực sanh Thái Cực, mà Thượng Đế là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng.

Với hai quan niệm kể trên thiết tưởng sự tín ngưỡng có vẻ mơ hồ bất nhất, làm sao sáng tỏ được chân lý?

Nay thử đặt câu hỏi:

Con người là phạm phu thì làm sao có thể phân ngôi định vị cho Đức Thượng Đế và Đức Diêu Trì Kim Mẫu là phẩm thiêng liêng cao trọng tuyệt đối.

Dựa vào yếu tố nào để phân biệt một cách quả quyết rằng Thượng Đế là Cha và Diêu Trì là Mẹ.

Nếu không phân định được thì quyền năng chủ tể tại đâu. Sự thống ngự càn khôn hóa sinh muôn vật do đâu và phẩm vị tôn thờ phải như thế nào?

Chúng ta hãy lần lượt tìm trong các luận cứ sau đây những chân lý khả dĩ thích đáng cho tín ngưỡng của chúng ta, hầu giải đáp những thắc mắc kể trên.

Trước hết, thấy cần phải nắm vững đầu mối tư duy về đạo sinh hóa và cái lý chủ tể của đạo ấy.

Sinh, nghĩa là khai sinh, tức là nói về nguyên lý khởi thủy.

Hóa, nghĩa là trưởng thành, tức là nói về công đức hóa dục.

Tóm lại, là “sinh thành vũ trụ, hóa dục quần linh”.

Theo quan niệm Dịch học thì Vô Cực nhi Thái Cực, nghĩa là ở thời kỳ hỗn mang chưa phân định trời đất thì trong cõi Thiên Không này vốn là một trạng thái mờ mờ mịt mịt, bát ngát, mênh mông chưa có dấu hiệu hoặc hình tích gì cả, nên gọi là Vô Cực.

Vô là không, Cực là tuyệt mức, một cái không tuyệt mức lặng lẽ, thanh thang dày đặc bao quát. Từ trạng thái Vô Cực đó bỗng nhiên có sự biến động để tác thành trạng thái hiện hữu. Hiện hữu là hình tích của sự khởi thủy, cho nên gọi là Thái Cực. Thái là to lớn, cao tột đầu tiên, Cực là tuyệt mức. Một cái Có đầu tiên, to lớn tuyệt mức gọi là Thái Cực. Thế rồi từ đó mà phân định các hình tích tương đối xung động và đi đến hình thành vũ trụ vạn vật.

Theo luận cứ trên đây, ta thấy rằng: Vô Cực không phải là Đấng Vô Cực. Từ ngữ Vô Cực là sự hình dung về trạng thái chưa hiện hữu. Nhưng nếu nói Vô Cực là hư không giống như trạng thái vô ký thì càng không đúng. Vì nếu quả như thế thì tất nhiên không thể có trạng thái hiện hữu đầu tiên gọi là Thái Cực được.

Cũng thế, Thái Cực cũng không phải là Đấng Thái Cực. Bởi vì, cả trong Vô Cực và Thái Cực đều đã có một Tự Hữu chủ quan, Cho nên ta có thể miễn cưỡng mà nói là: Ngôi Vô Cực hay Ngôi Thái Cực. Vì tiếng Ngôi tạm thời diễn tả cho từng giai đoạn của mỗi trạng thái, còn về bản thể thì Vô Cực và Thái Cực là Một, đó là tánh thể Chơn Như.

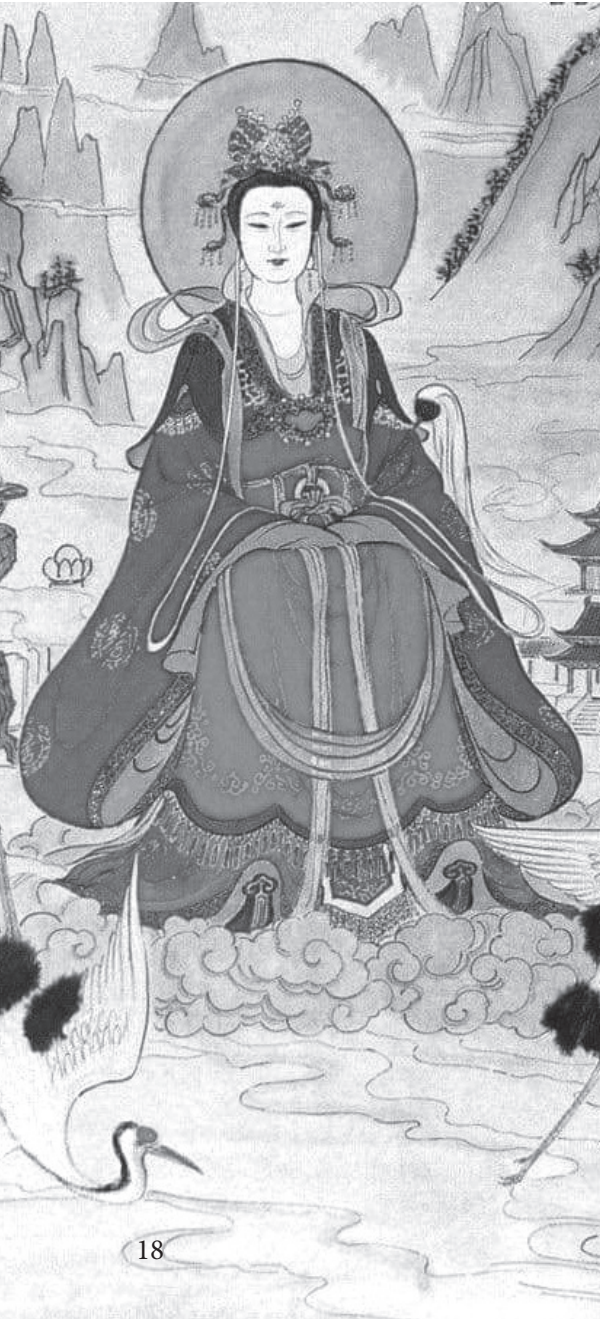
Thật vậy, trong cái bản thể Vô Cực đã sẵn có cái Có. Do cái Có đó mà khởi thủy, mệnh danh là Thái Cực. Có Thái Cực mới có phân định và hóa sinh kiển khôn vũ trụ.

Vậy thì, Cái CÓ bằng lặng bất động im lìm trong Vô Cực để rồi có trong khởi thủy của hiện hữu vốn là Một vậy.

Vậy thử hỏi cái CÓ đó là gì? - Giống như trong thuật ngữ của nhà Phật hai trạng thái này là “Chơn không diệu hữu”.

Chơn không tức là hình tích tuy không, nhưng trong ấy có cái CÓ chơn thật, im lìm mật nhiệm nhưng hiển hóa vô cùng, nên gọi là diệu hữu. Nếu chưa đến lúc hiện hữu thì Tự Tánh im lìm lặng lẽ. Nhưng khi đã đến lúc hiện hữu thì hình hiện và biến hóa vô cùng.

Cái Chơn không diệu hữu đó tức là cái CỐ của Tự tánh giữa Vô Cực và Thái Cực. Cái CỐ đó tuy được diễn tả ở 2 trạng thái, nhưng vẫn đồng một thể. Thể này tức là Lý Tánh Chủ Tể, là năng lực khởi đầu của sinh hóa.



Đạo Cao Đài quan niệm về cái CỐ đó là Thủy tổ vô đối, Chủ tể toàn năng khởi đầu của sinh hóa, cho nên tôn vinh là Thượng Đế Chí Tôn, cai quản toàn diện vũ trụ vạn vật.

Vậy, khi chúng ta tưởng niệm về công đức khai sinh nguyên thủy thì tụng lên tiếng CHA. Còn khi tưởng niệm về công đức hàm tàng hóa dục thì tụng lên tiếng MẸ. Hai tiếng Cha và Mẹ chỉ là sự biểu lộ lòng ngưỡng vọng vô biên đối với công đức sinh thành hóa dục. Công đức đó là cái “Cố uy linh duy hất” trong bản thể Lý Tánh nói trên.

Vì hai tiếng Cha và Mẹ là hai từ riêng biệt của thế gian, nhưng trong nguyên lý siêu việt vẫn là Một mà thôi.

Cho nên thể tánh chân như không có hai Ngôi hay hai Đấng, mặc dù trong danh xưng có hai tiếng, do ý niệm phân biệt bởi hai cách suy diễn của tâm tư con người.

Tóm lại, trong danh xưng tuy phân biệt là Cha và Mẹ, Thái Cực và Vô Cực, nhưng trong ý nghĩa là một, hay Thái Cực và Vô Cực cũng là một. Một bản thể chân như Tự tánh, Chí Cực, Chí Tôn, Tự hữu và Hằng hữu.





Vượt qua khổ nạn

Đại Cơ Bác



I. Năm 2020 đánh dấu một năm đầy thảm họa trên toàn cầu:

Thiên tai, ôn dịch, cháy rừng ở Mỹ Châu, Úc Châu; lũ lụt ở Ý, Tây Ban Nha, Pháp, Phi Luật Tân, Việt Nam...

Dịch Coronas virus lan khắp hoàn cầu. Hầu hết các quốc gia bị lây nhiễm.

Cháy rừng làm cho 4.697.200 hecta rừng bị mất.

Đất mất do bị sụt, chuồi, lở là 6.323.815 hecta.

Theo các chuyên gia về Lâm nghiệp Việt Nam, đất bị sụt lở là do mất rừng. Cũng vì nạn mất rừng, miền Trung và rất nhiều nước khác vừa qua đã chịu nhiều thảm cảnh rất đau lòng.

Rừng nhiệt đới có nhiều tầng, có cây cao 40m – 50m, dưới có thảm thực vật và các tầng cây khác. Nếu lượng nước mưa không lớn, nước chỉ ở trên tầng lá cây, thậm chí không rơi xuống đất, nếu như nước mưa rơi xuống đất đã có cành cây lá mục giữ nước tới 80 – 90 phần trăm, còn lại thì ngấm vào đất tạo thành mạch nước ngầm. Một khi rừng bị mất, lượng nước mưa khổng lồ từ trời trực tiếp đổ xuống mặt đất, khiến cho đất ngậm nước quá tải, trở nên lỏng lẻo và dễ bị sụt lở. Điều này cho thấy sự hiện diện của rừng là vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ và cung cấp nhiều nguồn tài nguyên cho đời sống con người.

II. Hệ quả mà con người phải gánh chịu từ đại dịch Covid-19 trên toàn cầu:

Từ cuối tháng 11/2019 bệnh do virus Coronas bắt đầu ở tỉnh Vũ Hán bên Trung Quốc cho đến nay đã trở thành một đại dịch, lan rộng trên toàn cầu với hơn 200 quốc gia bị lây nhiễm, con số người chết đã hơn một triệu sáu trăm ngàn người. Ngoài sự thương vong covid còn gây sốc và nổi kinh hoàng vì sự khởi phát đột ngột của nó và sự lây nhiễm không phải tiệm tiến mà theo cấp số nhân.

Hệ quả gây cho con người nỗi sợ hãi, giận dữ, buồn bã, hoảng loạn và tuyệt vọng và cũng từ đó chúng ta thấy con người như một hạt sương trên ngọn cỏ, như một lượn sóng trên trùng dương thoát còn, thoát mất, yếu ớt đến nỗi một chủng virus đi ngang qua tiêu diệt hàng triệu người. Covid nhiễm không chữa một ai, không phân biệt giai cấp,

chúng tộc, từ hạng vua chúa, đến hạng cùng đinh, từ trẻ cho tới già, nhất là người lớn tuổi chiếm đại đa số trong thống kê tử vong, có người đau xót nói rằng một người già chết đi y như một thư viện bị đốt cháy.

Để tránh sự lây nhiễm, con người phải chịu cách ly, tức là không còn tiếp xúc gần với nhau nữa, người Tây phương khi gặp nhau họ bắt tay, ôm nhau hôn, bây giờ là phải chấp tay chào nhau như người Châu Á. Người Tây phương cũng còn chấp cái gọi là tự do của họ. Họ phản đối, biểu tình cho việc chính phủ bắt cách ly, bắt mang khẩu trang, cách ly là làm mất tự do cá nhân của họ, nhưng họ đâu biết rằng giữ khoảng cách an toàn cho xã hội là một cách bảo vệ mình và bảo vệ cho người chung quanh và ngược lại. Cũng vì không còn được tiếp xúc với nhau, bị gò bó trong nhà, hay trong căn phòng, một số người đã lo âu, mất ngủ, trầm cảm, rối loạn tinh thần nếu bị thất nghiệp hay việc làm ăn bị đình trệ có khi dẫn đến phải đóng cửa vĩnh viễn. Hiện tại nền kinh tế toàn cầu bị ngừng trệ, sút giảm, gây ra sự lo âu từ những nguyên thủ quốc gia cho tới người dân bình thường.

Nhưng mặt khác, từ sự cách ly do sự lây nhiễm của virus Coronas, con người có nhiều thời gian được ở nhà, được gần gũi nhiều hơn với cha mẹ con cháu, được dịp soát xét các suy nghĩ của mình, được học lại hay học thêm những điều mình ưa thích mà chưa có thời gian để học. Đối với người tu, việc cách ly đối với tôn giáo không có gì là chướng ngại vì có được thời gian học giáo lý, ngồi thiền, nhìn lại chính mình...

Và còn đối với những người có tâm làm lành, họ có dịp giúp đỡ những người khốn khó, làm tăng phước đức của mình như phát gạo, may khẩu trang, nấu thức ăn cho các chiến sĩ y tế ở tuyến đầu...

III. Nhận định:

1. Vì sao nhân loại bị ôn dịch, thiên tai, cội rễ của nó là ở đâu?

Có người cho đó là do Thượng Đế, do nghiệp quả của con người, điều nào đúng, điều nào sai?

Điểm qua các nạn dịch mà con người mắc phải từ bệnh Sida do loài vượn lây truyền, bệnh sốt xuất huyết Zika qua muỗi, bệnh virus SARs Truyền từ con cây hương, nguyên nhân là do phá rừng nguyên thủy, đẩy các loài thú hoang dã tiến gần vùng đồng bằng có người sinh sống,

hoặc do chính con người bắt các loài thú đó làm thức ăn, hay để làm đẹp. Ngoài ra sự phát triển của ngành hàng không, làm cho con người và con người tiếp xúc nhiều hơn, cộng thêm ngành du lịch phát triển kéo theo việc phá rừng để xây khách sạn, nhà hàng. Những nơi này cần được cung cấp thực vật, nên các nhà chăn nuôi, nhà trồng trọt lại phải phá rừng nuôi gia súc, trồng rẫy. Như muốn có 1 kg thịt bò phải tiêu xài 100.000 lít nước, 1kg thực vật cần 750 lít...

2. Về phía các nhà nghiên cứu:

- Giáo sư Rodolphe Gozlan giám đốc viện nghiên cứu của Pháp, trong cuốn Antropocène cho rằng con người tự cho mình có thể lực, có khả năng làm biến đổi sâu sắc toàn bộ hành tinh thì nguy cơ sẽ có nhiều bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện.

- Ông Alexander Benzin một học giả, giảng viên về Phật giáo nói, những chúng sinh luân hồi đã từng sống trong vô lượng hành tinh, vô lượng thế giới do bởi tham, sân, si, ám tích tập đã từng tàn phá môi trường sinh thái làm cho sức nóng tăng lên gây nên những chuyển động như động đất, những mảnh đất bị trượt gây sụt lở.

- Bà Goodall Jane nhà nhân chủng học, sử giả hòa bình của Liên Hiệp Quốc, là một trong 100 người có ảnh hưởng nhất đối với thế giới năm 2019, phát biểu: *Sự coi thường đối với thiên nhiên, sự thiếu tôn trọng đối với động vật là nguyên nhân gây ra đại dịch và thiên tai.*

Trong Meditation XVII John Donne nhà thơ người Anh theo trường phái siêu hình với những lời thuyết giáo nổi tiếng ở thế kỷ 17 viết: *Cái chết của bất kỳ ai cũng gây nên mất mát trong tôi vì tội thuộc loài người*, ông nhấn mạnh con người không phải là một hải đảo tự thân, mỗi con người là một mảnh đại lục.

3. Đối với TÔN GIÁO:

a) Họa phước tự con người chiều cảm: Tôi nhớ ai đó nói tiếng đập cánh của con bướm bên này đại dương cũng gây ra xáo động không khí bờ bên kia, điều đó không có gì khó hiểu nếu ta hiểu giáo lý duyên khởi, cái này có thì cái kia có, chúng ta hành động thế nào thì môi trường và thiên nhiên đáp trả chúng ta vậy.

*Đời này hung bạo ngổ ngang,
Lòng người bất chánh, dạ càng bất nhon.
Nên chi quỷ giận thần hờn,
Trời ghen đất ghét chịu cơn khổ sâu.
Họa tràn đầy khắp năm châu,
Thiên tai, địa ách khó hầu thoát thân.*

Đức Khổng Phu Tử (Đại Thừa Chơn Giáo, TN 15/8/1936)

- Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt nói về phước, họa như sau (Ngọc Minh Đài 9/6/1973):

“Mỗi việc mình làm đều có cái nhân, hoặc nhân lành hoặc nhân dữ. Trong việc làm đó có cả các phương diện như ý nghĩ, lời nói và hành động. Khi ý nghĩ như thế nào, tuy chưa thực hiện hành động đến ý nghĩ đó, nhưng cái họa hoặc phước đã tượng nguyên hình đi liền theo với ý nghĩ ấy. Khi biết được cái lý ấy rồi (họa, phước) mỗi người muốn cho đời mình được may mắn, được tốt, ngay từ bây giờ phải cố gắng gieo cái nhân lành trong tư tưởng, trong lời nói và trong việc làm... Chính cái tượng nguyên hình đó, nên sách tạm gọi là cái số như vậy, số đã định sẵn bởi ý nghĩ của mình tạo lấy cho mình, còn Trời, Phật là Đấng chỉ công, vô tư, không đem họa cho ai và cũng không đem phước cho ai”.

Như vậy không phải Thượng Đế giáng họa, mà do chính con người chiêu họa đến cho mình.

- Ngài Hưng Đạo Đại Vương dạy trong Thánh Ngôn ngày 17/01/2010: *“Trong mặt vô vi thấu suốt cuộc lễ trọng đại này⁽¹⁾ một tinh thần đại đồng xóa đi những hố sâu ngăn cách vì con người còn mang nặng thành kiến, bản sắc dân tộc, tạo nên một luồng họa nhiên bao phủ rộng khắp. Thiêng Liêng chứng giám và ban ơn lành cho toàn cầu bớt phần ác khí trước nhờ do tư tưởng của con người tạo ra làm cho bầu khí quyền trọng trước vô cùng”.*

- Theo Thông Thiên học thì những ý nghĩ tốt hay xấu sẽ tạo thành hình tư tưởng trên không trung, nơi nào có nhiều hình tư tưởng tốt thì vùng đó ít bị họa và ngược lại.

Vậy chúng ta phải làm gì để vượt qua cơn đại dịch này?

⁽¹⁾ Đại Hội tôn giáo thế giới tại Melbourne, nước Úc năm 2009

Còn về mặt tinh thần, Covid-19 gây cho con người nỗi lo sợ, mất bình tĩnh, hoảng hốt, làm sao chúng ta chế ngự được chúng?

- Chúng ta, những đạo hữu trong Tam Kỳ Phổ Độ tin có các Đấng Thiêng Liêng, các Ngài đã nhắc nhở chúng ta từ đầu thế kỷ 19 là những tai kiếp gây khổ đau cho toàn nhân loại sẽ xảy ra trong tương lai gần như:

- Trong Kinh Cầu Nguyên của Minh Lý có câu:

Hạ Ngươn mặt kiếp chập chồng tai ương.

- Hay Ngài Cái Thiên Cổ Phật dạy ngày 27-1-1931:

Đời mặt kiếp nạn tại chồng chất,

Người không duyên gặp phải nỗi phiền.

Trần ai, ai khỏi đảo điên,

Đảo điên tránh được nhờ Tiên hộ phò.

b) Tai trời ách nước trên toàn cầu được các Đấng Thiêng Liêng báo trước:

- Sắp tới hoàn cầu diễn tiến nhiều điều phức tạp, biến cố xảy ra, tai trời, nạn ách, ôn dịch hoành hành, lửa thiêu, hồng thủy dâng cao, bão táp, mưa dầu, nạn dịch, bão bùng, biến hóa nung nấu, địa thế đổi thay vô cùng cam go, không khỏi kinh hoàng. (Đức Bác Nhã Thiên Sư 27/7/2008 và Đức Hưng Đạo Đại Vương 18/10/2008, MLTH).

- Có những biến thiên của thời thế làm cho nhơn sanh tinh thần hỗn loạn, sống trong lo sợ cho ngày mai vì hiện nay toàn cầu đương sống trong một bối cảnh xáo trộn của tai kiếp, nạn ách đang hoành hành. Đời sống gặp nhiều trở ngại và tật bệnh lan tràn. Tầng khí quyển đã bị lung lay càng xấu đi, khiến cho thời tiết đảo lộn gây nên nắng lửa, mưa dầu, sẽ có một trận dịch lớn xảy đến toàn cầu. (Hưng Đạo Đại Vương, TN ngày 26/06/2009).

- Và Bác Nhã Thiên sư đau xót than rằng: Ôi nước mất thành biển, xương chát thành núi, ôi ghê rợn thay cho con tận diệt (14/3/2010 MLTH).

c) Con người có đủ ĐỨC TIN vào Thượng Đế, phải làm gì?

- Con người phải trở về với đạo đức, làm tròn bổn phận của một con người đối với chính mình trước, rồi đối với gia đình: trên có ông bà, cha mẹ, kế đó là anh em, các quyền thuộc, đối với xã hội, rộng ra đối với nước nhà.

Đó là đạo đức căn bản của con người. “Đạo đức là khuôn mẫu để cho loài người phải nương *theo* đó mà sửa mình dựng mở cái trí hóa cho thông minh, sáng suốt hoàn toàn tánh cách cho đến chí thiện, chí mỹ (Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo 27/8/1956).

- Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *Ai biết đạo là có duyên phận, ai vô đạo đức là số hình khổ, luân hồi*, (TNHT11/11/1926).

Ngài dạy tiếp: *Các con phải biết, hễ là người phải biết đạo, không biết đạo không phải là người*, TNHT 8/1/ 1927.

Hay Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh đế Quân dạy:

*Đức sáng từ lâu đã nhạt mờ,
 Khiến không còn biết thực hay mơ.
 Để bao tang tóc gây thương hải²,
 Mà dốc tâm tư những đợi chờ.*

Nhưng không phải ai cũng biết Đạo (nhất là các bạn trẻ) mà phần đông con người sinh ra đời chỉ để quanh quẩn với việc sinh sống, cơm áo, gạo tiền, danh lợi, để rồi chết đi với nắm tro tàn làm phân cho cây cỏ. Trần gian không phải là nơi để hưởng thụ mà là nơi để thọ hưởng những nghiệp quả tốt và trả những nghiệp xấu do chúng ta đã gieo từ bao nhiêu kiếp, là một trường thi công quả để tạo nghiệp tốt và cũng để trả những oan trái, để được tiến hóa theo luật tắc của Trời Đất. Luật đó Đức Lão Tử không biết gọi là gì, nên tạm gọi là Đạo, thể hiện qua tôn giáo và tôn giáo giúp con người hiểu Đạo là gì.

Để hiểu được điều này không phải là dễ, trừ phi con người có căn nguyên tốt, có nhiều phước lành, ví dụ như một người quá nghèo hay ở

(2) Thương hải: Trích trong câu “*Thương hải biến vị tang điền*”, nghĩa là biển xanh biến thành ruộng dâu, thường dùng để chỉ những sự thay đổi lớn lao trong thiên nhiên, trong cuộc sống mang lại nhiều ngậm ngùi, nuối tiếc..

một nơi hẻo lánh, chỉ lo việc ăn mặc là không đủ thời gian, nghe người ta đi chùa, thánh thất cũng không biết đó là gì và nó ở đâu, làm gì có thể hiểu tu là gì, sửa mình là sao? Ngoài ra cũng có rất nhiều người được đầy đủ mọi tiện nghi của đời sống, ở thị tứ, nhưng họ cũng chẳng biết gì về Đạo, biết gì về tôn giáo.

- Con người cần phải biết tu, nương theo tôn giáo để rõ biết luật Trời, sáng suốt về mặt tâm linh, biết hướng thiện và chính cái thiện này, chúng ta được mang theo khi bỏ cái xác, để rồi có một cuộc sống hạnh phúc, an bình ở kiếp lai sinh. Ngoài ra nếu biết tu chân chính còn được Ôn Trời che chở trong đời này vì: *“Các vật đã la liệt bày khắp trên mặt địa cầu này thì chẳng bao lâu nó phải rã rời, dời đổi, chẳng khác nào như mù tan, như sương rã, như khói tỏa, như mây bay, nên cuộc đời nào có bền vững đâu, chỉ là giấc mộng huỳnh lương, một cơn hồ điệp”* (Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 22/9/1936).

*Lo tu thân nhờ Trời che chở,
Lo tu Tâm có thuở thanh nhàn.
Đời người mai khốc, chiều than,
Phù sinh mộng ảo tro tàn chórchì.*

Thật vậy, bệnh Covid, lũ lụt, cuồng phong, sạt lở bờ cho chúng ta thấy cuộc đời vô thường, khổ, mới thấy đó, mất đó, sum họp rồi chia ly.

Nhưng tu cách nào để cho con người được bình tĩnh, không bấn loạn không lo âu mà còn giúp cho người chung quanh cũng an ổn như mình khi gặp một biến cố, tai họa.

Theo truyền thống của Phật giáo chúng ta có thể tự theo đức tin, giữ chánh niệm và thiền định:

- Về Đức tin, bên Phật giáo cũng như các đạo khác, các tín đồ tin vào Phật, vào Chúa vào Đức Allah, người ta niệm hồng danh của các Đấng, lần chuỗi, cầu nguyện với Chúa với Đức Mẹ Maria và tin rằng các Đấng sẽ bảo hộ cho mình và với lòng tin tưởng như thể họ an tâm, bình tĩnh, thanh thân.

- Về tu Chánh Niệm, bất cứ lúc nào: khi đi, đứng, nằm, ngồi, đang nghỉ ngơi hay làm việc, chúng ta cố gắng nhớ mình ở ngay lúc bấy giờ,

không nghĩ về tương lai, không nhớ về dĩ vãng, khi niệm khởi lên chúng ta nhận biết rõ, không thêm một ý nghĩ nào khác, thì chúng sẽ biến mất, nó đến rồi sẽ đi. Nếu ý tưởng đó quá mạnh làm cho chúng ta chao đảo, có thể chúng ta dùng hơi thở để giữ chánh niệm. Như vậy khi giữ được chánh niệm chúng ta không còn suy nghĩ lung tung, bớt để ý đến những gì xảy ra ở chung quanh, do đó không bị ảnh hưởng, không bị xúc động đối với các hiện tượng đang diễn ra bên ngoài.

Thiền sư Pomnym, một thiền sư nổi tiếng ở Đại Hàn, khuyên mỗi người trong khi bị nạn tai, ôn dịch, hãy làm điều tốt nhất và phù hợp nhất trong khả năng của mình. Dành thời gian quý báu thực hành thiền chánh niệm, và duy trì chánh niệm trong đời sống hằng ngày.

Về Thiền, ở Pháp mới đây có một nhóm người lớn tuổi đã về hưu, rủ nhau cùng tập thiền vào mỗi sáng thứ bảy, tự họ cùng nhau soạn thảo các tài liệu về thiền để học và hành trong nội bộ. Sau một thời gian dài họ thấy có kết quả vô cùng tốt là tâm luôn luôn an tĩnh ít hoặc không dao động trong nạn Covid-19, hay trong những biến động về xã hội, về chính trị trong ngoài nước Pháp. Vì có kết quả tốt nên họ biên tập lại tài liệu và phổ biến để chia sẻ với mọi người bằng cách xuất bản cuốn sách *Thiền Đạo Tu Tập*.

Chúng ta những đạo hữu ở Tam kỳ Phở Độ đã hiểu rất rõ công dụng của Thiền Tịnh chẳng những giúp chúng ta gột rửa các nghiệp tiền khiên, sống giác ngộ, tỉnh thức mà còn có năng lực giải các nạn ách và cứu độ sanh linh bằng sự thanh tịnh vô vi.

Bác Nhã Thiền Sư trong bài đàn ngày 27/7/2008 dạy: *Sắp tới toàn cầu gặp nhiều biến cố, phải nhờ chư đệ muội và toàn đạo nỗ lực hóa giải bằng vô vi thanh tịnh, tổ chức cầu nguyện, tịnh tập thể, cầu nguyện cho bá tánh giảm bớt cơn thống khổ, tai kiếp này, công đức đó không gì sánh bằng.*

- Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy ngày 21/2 /2009: *Năm nay là năm có nhiều biến cố lớn cho toàn cầu. Sanh chúng bước vào đen tối của nghiệp quả, chúng ta có phận sự giải nạn cho nhân loại. Muốn giải bớt nạn tai chỉ có cách là thanh tịnh vô vi thì mới có phần hiệu lực mà thôi. Phải nương nhờ nơi tập thể thì mới đủ sức mạnh mà hóa giải.*

- Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy ngày 26/6/2009: *Chúng ta là người Thiên ân công cụ của Thượng Đế, phải có bốn phận giải bớt nghiệp quả của nhân loại hiện nay bằng cách tổ chức tinh tập thể, cầu nguyện cho bá tánh vui đi thống khổ của thời Hạ ngươn mạt kiếp. Sự liên kết mới tạo ra một sức mạnh phi thường mới mong có chút khả quan, trước nhất là lập công, hai là tự giải cho bản thân. Cứ hành đi có Trời giúp sức.*

IV. LỜI KẾT

Đại dịch Covid 19 đến nay vẫn là mối lo chung, vì đại dịch đã chi phối toàn bộ mọi mặt từ vật chất đến tinh thần, từ một cường quốc đứng đầu thế giới đến một nước nhỏ bé, cũng đều đặt trong tình trạng luôn cảnh giác, luôn không thể biết đoạn đường trước mặt như thế nào.

Thế nên việc phòng ngừa Covid-19 là điều kiện trước tiên và kiên quyết ở mỗi người chúng ta:

Tuân thủ nghiêm ngặt về vệ sinh theo khuyến cáo của các tổ chức y tế quốc gia và của thế giới, và theo các thông cáo của chánh phủ, địa phương nơi mình cư ngụ. Việc mang khẩu trang không những giúp cho ta khi tiếp xúc với người khác tránh được lây nhiễm, mà còn ngăn ngừa chúng ta lấy tay sờ mũi, miệng là đường mà virus Covid-19 vào trong thân thể. Có một khảo sát người ta nói rằng mỗi ngày con người lấy tay sờ mặt hơn 90 lần. Vì vậy, mang khẩu trang cũng là cách tự bảo vệ chính mình.

Cho đến tận ngày hôm nay nạn dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn hoành hành, mặc dù hiện đã có vắc xin nhưng vì việc sử dụng còn hạn chế. Mỗi người trong chúng ta tiếp tục hành trì các phương pháp giữ cho tâm thân được an ổn, và nhớ rằng: Virus Coronas đang nhắc nhở chúng ta cuộc đời là vô thường, mộng ảo. Covid muốn nhắc cho những ai còn mang ý tưởng tham dục, ích kỷ vì cái ta của mình nên sửa đổi hành vi và nhận thức hướng về đạo đức thuần thành.

Xin cầu nguyện cho nạn dịch chóng hết, cho thế giới trở lại sinh hoạt bình thường, nhân loại sống an vui.

Rất Lòng Thành Tín. ☯

“THƯỢNG ĐẾ TRONG TẤT CẢ” *dưới góc nhìn khoa học*

MINH TÚ

Trong các hội trường hoặc các cuộc lễ thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thường thấy treo khẩu hiệu “THƯỢNG ĐẾ TRONG TẤT CẢ”. Nếu có ai thắc mắc ý nghĩa câu khẩu hiệu này là gì thì sẽ nhận được một lời giải thích chung chung và mơ hồ không kém gì nội dung câu khẩu hiệu trên: đại ý là “Thượng Đế là đấng toàn năng nên Ngài có thể hóa thân và có mặt ở khắp mọi nơi trong vũ trụ này”. Với lời giải thích trên thì không sai nhưng vô cùng thiếu sót.

Trong tư duy hữu hạn của con người thì chúng ta hình dung Thượng Đế có thể bay hay hô biến vào hạt cát hay đi xuyên qua núi, cây, độn thổ vào lòng đất hay đi dưới biển, bay lên trời như chim...

tất cả những hình dung, hiểu biết của con người và trong phim ảnh về các đấng Thần Thánh Tiên Phật và TĐ đều là sản phẩm của trí tưởng tượng con người như trong các phim Tây Du ký, Phong Thần.... và hoàn toàn không đúng nếu không muốn nói là SAI. Cho dù chúng ta đứng sát ngay người tu Chiếu Minh và nhìn chăm chăm vào vị trí chơn thần sẽ xuất ra thì cũng không thể thấy gì, vậy làm sao con người có thể thấy các đấng Thần Thánh Tiên Phật hóa thành làn khói biến vào hạt cát hay bay lên trời được????!!

Bài viết này trình bày trọn vẹn ý nghĩa của câu khẩu hiệu trên trong 2 phạm trù hay tạm gọi 2 chức năng cơ bản nhất của Thượng Đế là Sáng tạo vũ trụ

cùng vận hành và Dưỡng dục muôn loài với những bằng chứng khoa học hiển nhiên kết hợp với thực chứng đạo học bản thân trong 2 phần dưới đây.

Phần 1- Thượng Đế trong quá trình khai sáng vũ trụ.

Phần này chỉ giới hạn vũ trụ của cõi dục giới này mà thôi: nghĩa là quả địa cầu 68 này cùng với hệ mặt trời của chúng ta đang sống. Còn vũ trụ của các cõi Sắc giới và Vô sắc giới cùng các tầng trời Hạ trí, Thượng trí (Tứ tượng), Lương nghi và Thái cực thì người viết không được phép và không dám trình bày. Mỗi người hãy tự tu để vượt lên 7 cõi trời mà tự chứng ngộ.

Ai ai cũng có thể nói vanh vách là Thượng Đế tạo ra vũ trụ này! Nhưng tạo ra như thế nào thì không dễ nói.

KHAI SÁNG VŨ TRỤ

Theo Đại Thừa Chơn Giáo và khoa học xác nhận vũ trụ dục giới ngày nay được tạo ra từ hư vô (Vô cực) sau vụ nổ lớn mà khoa học gọi là Big Bang như một quả bom khinh khí khổng lồ tạo ra hàng tỷ tỷ những đám mây bụi cực lớn. Những định luật vật lý và luật vận vật hấp dẫn được TĐ tinh chỉnh

vô cùng chính xác để bảo đảm vài tỷ năm sau Big Bang, cái nôi cho loài người phát triển là quả địa cầu 68 cùng với mặt trời mặt trăng hình thành một môi trường lý tưởng tươi đẹp cho động thực vật sinh sống cùng với loài người. Nếu tốc độ nở ra của vũ trụ (phụ thuộc cường độ vụ nổ Big Bang) sau Big Bang 1 giây yếu hơn vài phần tỷ thì lực vận vật hấp dẫn sẽ kéo toàn bộ hàng tỷ tỷ đám mây bụi co lại, nghĩa là vũ trụ bị sụp đổ và biến mất trước khi vũ trụ đạt đến kích thước như ngày nay. Hoặc nếu tốc độ nở ra của vũ trụ sau Big Bang 1 giây lớn hơn vài phần tỷ thì các thiên hà, ngôi sao, hệ mặt trời của chúng ta cùng các hành tinh và quả địa cầu 68 sẽ không được hình thành!!!

KHAI SÁNG HỆ MẶT TRỜI

Chúng ta đều biết rằng trái đất chúng ta quay quanh mặt trời cùng với 7 hành tinh khác tạo thành hệ Mặt trời, và mặt trời là nguồn năng lượng khổng lồ và cực kỳ quan trọng để duy trì sự sống của loài người cùng vạn vật trên trái đất này!

Nếu không có mặt trời thì:

1. Tất cả là bóng tối không có ban ngày.

2. Nhiệt độ sẽ xuống dưới -240°C , nghĩa là loài người chết cồng và bị hủy diệt vì lạnh và đói vì không có thực vật hay động vật để ăn.

3. Các loại thực vật không có ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp nên sẽ bị hủy diệt, các loài động vật cũng bị hủy diệt vì lạnh và đói.

4. Và còn hàng tỷ điều khác sẽ không giống như hiện nay. Trái đất chỉ là một hành tinh băng giá, không có 4 mùa, không mưa gió, không ánh trăng & chim hót, cát bụi mù mịt....

Trong tiến trình tạo dựng hệ mặt trời cách đây hàng tỷ năm, nếu lực hạt nhân yếu hơn vài phần trăm so với hiện nay thì 1 neutron không thể kết hợp được với 1 proton tạo ra 1 deutron. Mà nếu deutron không được tạo ra thì không có năng lượng mặt trời soi sáng và sưởi ấm trái đất, mặt trời chỉ là khối khí khổng lồ lạnh giá như mọi hành tinh. Còn nếu lực hạt nhân mạnh hơn vài phần trăm thì mỗi tầng proton sẽ kết hợp với các proton khác tạo thành một vụ nổ phá hủy mặt trời hàng tỷ năm về trước. Cả 2 trường hợp đều biến trái đất thành một hành tinh chết như mô tả ở trên!!! Rất

may là Thượng Đế đã điều chỉnh cường độ lực hạt nhân vừa đúng trong phạm vi cực hẹp để mặt trời cháy sáng hàng tỷ năm trôi qua.

Vậy lực hạt nhân là gì mà quan trọng như vậy trong quá trình hình thành và duy trì mặt trời cháy sáng hàng tỷ năm? Lực hạt nhân là lực liên kết các proton và neutron trong hạt nhân nguyên tử. Nếu không có lực hạt nhân thì không có nhân nguyên tử nghĩa là không có bất kỳ nguyên tử nào được hình thành, và như vậy sẽ không có vật chất và vũ trụ dục giới này cũng như không có loài người và động thực vật vì toàn bộ động thực vật-con người-vật chất kể cả vật chất “vô hình” như ánh sáng-lửa- điện-không khí đều cấu tạo từ nguyên tử!!!

KHAI SÁNG QUẢ ĐỊA CẦU 68

Nếu không có tầng khí quyển chứa oxy, tầng ozon bảo vệ bức xạ vũ trụ và quả địa cầu nghiêng lệch trục $23,4^{\circ}$, khoảng cách lý tưởng với mặt trời thì cho dù vũ trụ và hệ mặt trời được hình thành, sự sống của vạn vật trên quả địa cầu 68 cũng không thể tồn tại. Khối lượng trái đất phải vừa đủ lớn để lực hấp dẫn đủ lực giữ lại hơi nước bảo đảm độ ẩm và

hiệt độ là lý tưởng, cũng như tạo ra bầu khí quyển chứa oxy bao quanh trái đất cho sự sống muôn loài và con người trên trái đất này. Đồng thời khối lượng trái đất vừa đủ nhỏ để khí metan và amoniac (các loại khí gây chết người) thoát ra khỏi bầu khí quyển.

Nếu khối lượng trái đất sai lệch vài phần triệu so với hiện nay thì loài người sẽ bị diệt vong trước tiên. Ai đủ năng lực tính toán và thêm bớt đất đá để khối lượng trái đất vừa bằng chỉ có $5,972 \times 10^{24}$ kg????!!

Kết luận: Trong tiến trình khai sáng vũ trụ cõi dục giới này, Thượng Đế đã tính toán và tạo dựng một thể giới vật chất hình thành từ những điều kiện vật lý chính xác và hoàn hảo từ phạm vi vũ trụ tổng thể, đến hình thành hệ mặt trời, tiếp đến là quả địa cầu 68, và cuối cùng là loài người cùng muôn loài vạn vật mà không có một máy tính hay trí tuệ nhân tạo nào thực hiện nổi.

Phần 2: Thượng Đế trong vận hành vũ trụ và dưỡng dục muôn loài

VẬN HÀNH VŨ TRỤ VĨ MÔ

Con người từ khi sinh ra cứ theo bản năng đêm ngủ, ngày thức, ăn 3 buổi. Tới tuổi thì đi

học, tốt nghiệp trường nghề lại lao vào mưu sinh tranh giành danh lợi, chức tước, nhà cao cửa rộng, cưới vợ sinh con thỏa mãn dục vọng, già thì bệnh rồi chết. Chắc không có mấy người tự hỏi con người sinh ra để làm gì, sinh từ đâu và chết về đâu. Tại sao ngày ăn đêm ngủ, mặt trời lặn mặt trăng mọc, xuân hạ thu đông rồi Tết? Người xưa đúc kết quy luật tuần hoàn muôn loài vạn vật là thành- trụ - hoại - diệt, của con người là sinh - lão - bệnh - tử. Đó là những quy luật vận hành vũ trụ tự nhiên, không một ai hay vật chất nào ở cõi dục giới này thoát ra được. Nhưng để giải thích cho ý nghĩa “Thượng Đế trong tất cả” thì chưa đủ vì nó chỉ giải thích quy luật vận hành ở cấp độ vĩ mô, còn ở cấp độ vi mô phân tử, nguyên tử thì không thể.

VẬN HÀNH VŨ TRỤ CẤP ĐỘ NGUYÊN TỬ

Muốn giải thích rõ ràng việc vận hành vũ trụ cấp độ nguyên tử, chúng ta quay lại tìm hiểu Thượng Đế là gì? Trong Đại Thừa Chơn Giáo Thầy dạy “Tại sao THẦY lại biểu các con tạo ra THÁNH NHÂN mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác? Các con phải biết rằng

Trời là Lý thì Lý ấy rất thông linh bao quát càn khôn thế giới. THẦY đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con, nên chỉ thờ Thiên Nhân là thờ THẦY”. Tiếp đến phần giải về Lý “Đây Thầy giải về Vô Cực Đẳng:

Trước khi chưa phân trời đất thì khí hư vô bao quát càn khôn sáng soi đầy trong vũ trụ. Nó là một cái trung tâm điểm tức là Đạo. Đạo ấy mới sanh Thái Cực, hóa Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi là âm với dương (động với tịnh). Có âm dương rồi mới hóa sanh muôn vật. Ngọn đặng các con thờ chính giữa đó là giả mượn làm tâm đặng...”

Như vậy Thượng Đế là Lý: đó là gồm trung tâm có Thái cực, xung quanh có Lưỡng nghi là Âm và Dương.

Bây giờ ta xem xét cấu trúc của một nguyên tử. Theo khoa học nguyên tử được cấu tạo bởi các loại hạt cơ bản: proton, neutron, electron. Thành phần cấu tạo của nguyên tử gồm hạt nhân ở giữa và lớp vỏ electron. Hạt nhân nguyên tử gồm có proton mang điện tích dương và neutron không mang điện (trung hòa tử). Điện

tích hạt nhân bằng số proton trong hạt nhân nguyên tử.

Từ cấu tạo nguyên tử mô tả trên ta thấy neutron trong hạt nhân nguyên tử đóng vai trò là ngôi Thái cực, xung quanh có Lưỡng nghi là proton (Dương) và electron (Âm). Có thể kết luận bản thân nguyên tử bao hàm cái Lý mà Thầy đã mô tả trong Đại Thừa Chơn Giáo (căn cứ vào mô hình nguyên tử vật chất thị hiện trên Thiên bàn tâm pháp). Vì mọi vật chất đều cấu tạo từ nguyên tử, kể cả những chất được xem như đơn bản nhất là phân và nước tiểu động vật, nên câu khẩu hiệu “Thượng Đế trong tất cả” đúng trong ngữ cảnh vũ trụ vi mô cấp độ nguyên tử này.

Quay trở lại giải thích cho phạm trù vận hành vũ trụ vi mô: vì nguyên tử tự bản thân nó đã có cấu tạo giống như Lý của Thượng Đế, tức là nguyên tử tự nó vận hành theo Lý của Thượng Đế không cần linh hồn làm chủ. Lý này giải thích tại sao 1 nguyên tử khí oxy kết hợp 2 nguyên tử khí hydro lại tạo ra 1 phân tử nước, từ khí biến thành chất lỏng (theo Lý Ngũ hành tương sinh: Kim (đại diện cho khí) sinh Thủy (đại diện cho nước)).

Lưu ý một chi tiết quan trọng là cho dù nguyên tử, con người, động thực vật, cái nhà chiếc xe đều là vật chất nhưng nguyên tử không vận hành theo quy luật thành - trụ - hoại - diệt của cái nhà chiếc xe, hay sinh - lão - bệnh - tử của con người - động thực vật: khi cái nhà chiếc xe được chế tạo do các nguyên tử kết hợp (thành) sử dụng (trụ) hao mòn (hoại) hư hỏng (diệt) hay con người và động thực vật được sinh ra cũng từ nguyên tử kết hợp (thành) trưởng thành (trụ) già bệnh (hoại) chết (diệt) thì các phân tử ban đầu tan rã mất đi hình hài cái nhà chiếc xe hay con người - động thực vật chứ bản thân các nguyên tử vẫn còn tồn tại nguyên vẹn như lúc ban đầu khi chưa kết hợp thành nhà, xe, người, động thực vật!!!

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ VẬN HÀNH CỦA NGUYÊN TỬ

Electron tồn tại trong vũ trụ từ giai đoạn sơ khai sau Big Bang. Hạt nhân nguyên tử hình thành trong các phản ứng tổng hợp hạt nhân. Khi nhiệt độ giảm xuống dưới mức năng lượng ion hóa, các nguyên tử bắt đầu hình thành theo các định luật của vật lý. Nguyên

tử (khi đã bắt các electron) hình thành sau 380.000 năm từ Big Bang - một kỷ nguyên gọi là “tái kết hợp”, khi vũ trụ giãn nở ra và lạnh đi cho phép các electron gắn kết được với hạt nhân tạo thành nguyên tử.

Ban đầu khoa học khám phá nguyên tử là thành phần cấu tạo vật chất nhỏ nhất không thể chia tách. Đến thế kỷ 20, nguyên tử được phát hiện gồm 3 hạt cơ bản nhỏ nhất là electron, proton, neutron. Cho đến hiện nay, khoa học khám phá nguyên tử được tạo thành từ 17 hạt cơ bản cực nhỏ như quart, anpha, beta. Các hạt cơ bản này có tính chất giống “sóng” hơn là “hạt” như tư duy con người, và các hạt cơ bản này tồn tại vĩnh viễn không bị hủy hoại mà chỉ biến đổi thành hạt khác.

Nghĩa là nguyên tử được tạo ra từ khi hình thành vũ trụ dục giới và không bị hủy diệt.

DUỠNG DỤC LOÀI NGƯỜI VÀ ĐỘNG VẬT

Trong phạm trù dưỡng dục muôn loài, ta xét đến 3 loài là loài NGƯỜI, ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT. Con người là loài tiến hóa cao nhất, thông minh nhất, tự biết đói ăn khát uống, được học

hành nên biết làm nhà tránh mưa nắng..., việc tự dưỡng dục nhờ vào trí óc tự nhận thức, có tay chân tự thực hiện sản bắt động vật, trồng thực vật để ăn, nghĩa là TĐ đã ban cho một linh hồn điều khiển. Các loài động vật tiến hóa thấp hơn nhưng cũng có trí khôn tối thiểu, vận động tối thiểu để săn mồi, cũng có một linh hồn TĐ ban cho làm chủ.

DƯỠNG DỤC CÁC LOÀI THỰC VẬT

Riêng thực vật là loài không có trí khôn, không có tay chân, một hạt ngũ cốc gieo xuống ngược xuôi gì cũng được, có nước đủ, không có mắt, không có tay chân, không có não bộ cũng không hề có cảm biến định vị tọa độ lại có thể nảy mầm lên trời, mọc rễ xuống đất hút chất dinh dưỡng, thân cây vươn lên trời ra lá quang hợp tạo chất nuôi cây đơm hoa kết trái cho con người và động vật ăn và tạo giống đời sau.

Cái gì điều khiển rễ hướng xuống dưới thân mọc lên trời?

Khoa học tiến bộ tới bây giờ cũng chỉ giải thích sơ sài và không thỏa đáng, mà đạo học cũng chưa có một cao tăng hay thiên sư nào

giải thích nổi. Con người thì cho là có ông Thần lúa, Thần bắp, Thần sắn rồi cúng... Một công án vô cùng khó cho đạo gia và bài toán quá khó cho khoa học gia!!!

Để xem xét cái gì điều khiển một hạt giống thực vật bất kỳ khi gieo xuống đất sẽ tự động mọc chồi đâm rễ, ta cần biết những nguyên Lý Tiên Thiên sau:

1. Toàn bộ quả địa cầu 68 này phủ đầy Âm Tiên Thiên khí trong lòng đất và nước (biển, đại dương, sông suối, ao hồ, nước ngầm) và Dương Tiên Thiên khí trong bầu khí quyển (đây chính là ý nghĩa câu Thánh giáo “Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế”, khoa học gọi là năng lượng vũ trụ). Tiên Thiên khí (Hư vô chi khí) có 1 đặc tính là có thể xuyên thấu mọi vật chất ở cõi dục giới này, cho dù đó là thép, kim cương hay đá, do đó không có một máy đo nào của khoa học phát hiện được, và lại theo Đại Thừa Chơn Giáo: “Đạo là hư vô chi khí, Đạo rất mầu nhiệm, sâu kín cao siêu. Trước khi chưa có trời đất đã có Đạo. Vậy Đạo đã tạo dựng nên càn khôn vũ trụ, hóa sanh vạn vật muôn loài. Muôn loài vạn vật phải thọ bẩm khí hư vô mà sanh hóa mãi....

"Đạo Trời vô ảnh, vô hình

Vô vi, vô xứ, vô thính, vô trần".

Người tu tâm pháp vô vi (đại thừa) đắc pháp sẽ thâm liễm được Tiên Thiên khí vào cơ thể để luyện tinh hóa khí...

2. Theo chiều thẳng đứng của dây dọi, càng lên cao (xa bề mặt trái đất hơn) thì cường độ Dương Tiên Thiên khí lớn hơn và ngược lại. Trong lòng trái đất (tính từ bề mặt trái đất xuống), càng đi xuống (xa bề mặt trái đất hơn) thì cường độ Âm Tiên Thiên khí càng lớn hơn và ngược lại.

3. Một vật chất bất kỳ (cấu tạo từ nguyên tử) có mang Dương Tiên Thiên khí sẽ có xu hướng di chuyển từ cường độ Dương Tiên Thiên khí thấp đến cường độ cao hơn, hoặc từ cường độ Âm Tiên Thiên khí cao đến thấp hơn hoặc từ Âm Tiên Thiên khí sang Dương Tiên Thiên khí. Ngược lại, nếu vật chất có mang Âm Tiên Thiên khí sẽ di chuyển từ cường độ Âm Tiên Thiên khí thấp đến cường độ cao hơn, hoặc từ cường độ Dương Tiên Thiên khí cao đến cường độ thấp hơn!!!

Một hạt giống thực vật bất kỳ, do cây mẹ ban đầu hút Âm

Tiên Thiên khí trong đất, và thẩm thấu Dương Tiên Thiên khí trong không khí cùng với khí CO₂ và các chất dinh dưỡng khác, ra hoa kết hạt nên trong hạt đã ẩn tàng Âm Dương Tiên Thiên khí. Khi gieo hạt xuống đất, gặp nước và môi trường Âm Tiên Thiên khí bao quanh như bà mẹ ấp giống, hạt giống sẽ bắt đầu phân ly phát triển giống như Lý Tiên Thiên vốn có: Dương Tiên Thiên khí sẽ khiến các tế bào phát triển thành mầm (nói cách khác, mầm cây chứa Dương Tiên Thiên khí), Âm Tiên Thiên khí khiến các tế bào phát triển thành rễ (nói cách khác, rễ cây chứa Âm Tiên Thiên khí). Theo nguyên Lý 3 ở trên, mầm cây chứa Dương Tiên Thiên khí nên sẽ mọc thẳng xuyên qua mặt đất hướng lên trời (cho dù hạt giống nằm ngược ta vẫn thấy tự động quay ngược mọc lên trời lại). Rễ cây chứa Âm Tiên Thiên khí nên sẽ mọc sâu xuống lòng đất (nguyên Lý này giải thích vì sao cây phong lan treo lơ lửng trong giỏ không chạm đất nhưng rễ cây vẫn có xu hướng mọc thấp hướng xuống phía đất)!!!

KẾT LUẬN

1. Trên Thiên bàn tâm pháp Thầy đã cho bày ra bản đồ Lý Tiên Thiên trong đó có 1 mô hình cấu tạo nguyên tử như đã mô tả ở trên!

2. Trong phạm trù vận hành vũ trụ vĩ mô, toàn bộ vật chất và muôn loài vạn vật tuân theo quy luật Thành - Trụ - Hoại - Diệt do Thượng Đế đặt ra.

3. Trong phạm trù vận hành vũ trụ vi mô cấp độ nguyên tử, trong bản chất cấu tạo nguyên tử đã bao hàm cái Lý của Thượng Đế (lý Tiên Thiên), do đó mọi nguyên tử vật chất tự nhiên vận hành theo lý Tiên Thiên (nếu không có ý muốn dục vọng của con người) mà không hề cần Thượng Đế phải hóa thân vào từng nguyên tử. Càng phân tích đi sâu vào cấu tạo nguyên tử càng gần giống với Tiên Thiên khí.

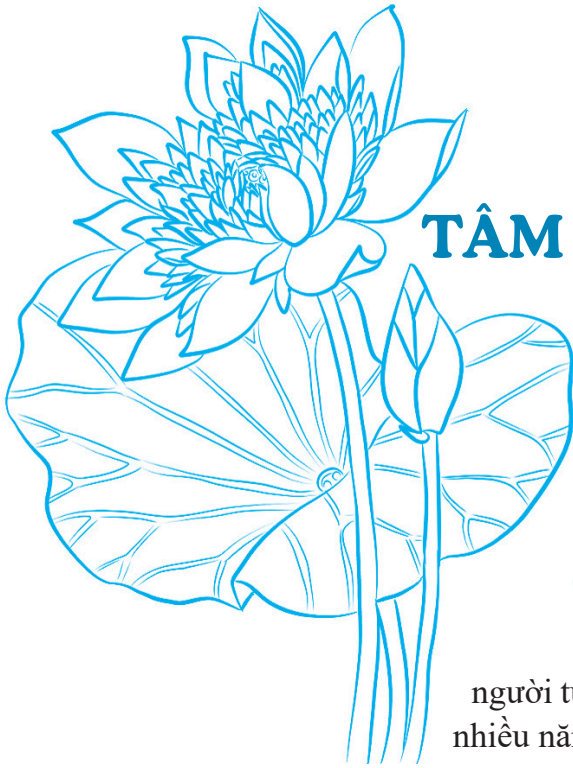
4. Trong phạm trù dưỡng dục động vật nói chung và con người, Thượng Đế ban cho mỗi cá thể một linh hồn, nhờ đó động vật có trí khôn, tự học hỏi và nhận thức để tự kiếm sống và tồn tại.

5. Trong phạm trù dưỡng dục thực vật, Tiên Thiên khí trong hạt

giống phân ly biến dịch theo Lý Tiên Thiên: chính Âm và Dương Tiên Thiên khí trong rễ và mầm cây cảm ứng với cường độ Tiên Thiên khí bên ngoài để chi phối tế bào mầm và rễ cây phát triển hướng lên hay xuống để nuôi dưỡng cây.

6. Có những lập luận lòng vòng rồi đưa ra khái niệm “Thượng Đế vô ngã, Thượng Đế hữu ngã” trong giáo lý Cao Đài hết sức vô căn cứ và sai lầm vì Thượng Đế là Lý thì làm gì có bản ngã để vô ngã, hữu ngã??

7. Nguyên lý cảm ứng Tiên Thiên khí này cũng đúng với linh hồn con người. Cho dù là tín đồ nhưng một đời người lo siêng năng giữ trọn giới luật, cúng tứ thời hằng ngày, ăn chay làm việc thiện công quả tích phước miễn sao linh hồn tích góp nhiều Dương Tiên Thiên khí thì khi chết vẫn có thể thăng lên các cõi trời thành Thánh, Thần hưởng phước báu vô lậu. Còn ham phẩm vị mà không giữ trọn giới luật, để dục vọng quyền chức lấn áp, tích lũy toàn Âm Tiên Thiên khí thì cho dù là Đầu sư nhưng linh hồn vẫn bị trầm xuống các cảnh giới loài súc sanh ngạ quỷ hay vào địa ngục. ☯



TÂM ĐỨC ĐẠO HẠNH

Người Phổ Tế

Giáo Sư **THƯỢNG VĂN THANH**

Tâm Đức Đạo Hạnh là đòi hỏi chung, là chất liệu cần phải có nơi mọi người có đạo, từ người tu sơ cơ cho đến những bậc đã trải qua nhiều năm trong cửa đạo.

Trong Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chúng ta, việc lập công hành đạo phân chia cho bốn cơ quan (Hành chánh, Phước thiện, Phổ tế, Minh tra) nên Tâm Đức Đạo Hạnh là đòi hỏi chung cho bốn cơ quan có tính cách riêng do phần hành chuyên trách mỗi cơ quan.

Bài này nói về Tâm Đức Đạo Hạnh người Phổ tế và tập trung vào Trưởng ban Phổ tế là đối tượng chính của “khóa bồi dưỡng” chúng ta đang tham gia.

Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy rằng Phổ tế lo phần “*giữ đạo, truyền đạo, giáo hóa*”.⁽¹⁾ Với chức năng này, người Phổ tế thường tiếp cận nhân sinh thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau. Do đó, phần tương trạng (tức hình thức bên ngoài, ngoại tướng) không thể xao nhãng, cầu thả. *Đi hành đạo mà y phục lèng xềng, nói đạo ai nghe*. Chúng ta nên ghi nhớ và thực hành lời dạy ấy của Đức Ngô Tôn Sư với sự quan tâm đến các chi tiết:

⁽¹⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 15-11 Mậu Tuất (Thứ Năm 25-12-1958).

- Đạo phục chỉnh tề từ khăn áo đến giày dép. Nên tránh những dấu hiệu của sự cầu thả, không sạch sẽ.

- Việc đứng ngồi, đi lại, ăn uống cùng các động tác cử chỉ cần có ý tứ kiểm soát.

- Người Phở tế thường dùng lời nói trong các lễ hội cộng đồng hoặc trò chuyện riêng tư; nên liệu lời mà nói, khéo léo chọn từ, lựa giọng sao cho phù hợp với khung cảnh và người cùng trò chuyện.

- Mỗi khi trình bày giáo lý nên chuẩn bị cẩn thận. Hiểu biết và thông cảm thánh chúng, nói sao cho phù hợp người nghe, giúp họ hiểu đạo tu hành. Tránh các kiểu khoe khoang, tự đề cao, mượn diễn đàn để chê bai trách móc. Nên chân thực và khiêm tốn.

Trên đây là những gợi ý, về phần tu hạnh, tức là phần ngoại tướng. Nền tảng cho phần ngoại tướng ấy là Tâm, Đức và Đạo như nhan đề bài học nêu rõ. Phần này cần được học hiểu, tu tập, hàm dưỡng miên mật, sâu dày, vừa giúp ta tiến bộ trên đường tu học của mình vừa đem lại thành công cho đạo sự Phở tế.

Kinh sám, giới luật, thánh giáo là nguồn dinh dưỡng tinh thần rất cần thiết và quý báu. Rất tiếc là nhiều người chỉ đọc qua, có thể thuộc lòng nhưng thiếu nghiền ngẫm, không tu hành đạt mức kết tinh, thấm thấu vào tâm tư huyết quản.

Dẫn chứng đơn giản là việc đọc kinh nhật tụng. Chẳng hạn, sáng sớm đọc kinh Mai:

Đêm qua việc dữ lành đã mãn.

Nỗi ngày nay chưa hãn sao đây?

Buổi tối đọc kinh Hâm:

Điều họa phước ngày qua đãng biết

Nỗi chưa tường những việc đêm nay.

Bốn câu kinh dẫn trên hầu như tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đều tụng đọc hằng ngày, thuộc lòng và hiểu nghĩa, nhưng có ai nghĩ sâu hơn về “dữ lành”, về “họa phước” đối với người tu? Có chăng thì cho rằng đó là những may rủi thông thường như trúng số, tai nạn, buôn bán lời hay lỗ ... Người tu nên nghĩ sâu hơn.

Mắng người bằng những lời xúc phạm, nếu nghĩ lại tất thấy đó là họa vì mình đã phạm giới vọng ngữ, nổi sân hận nên hạnh tu bị tổn thương, tổn giảm tâm đức. Người bị mắng nếu không sân hận đáp trả vẫn an nhiên tươi tỉnh thì đó là phước vì chủ được tâm, giữ lòng thanh tịnh qua được một cơn thử thách, đạo lực mạnh thêm.

Hàm súc như lời dạy sau đây của Đức Hưng Đạo Đại Vương, nếu ta chịu khó chiêm nghiệm và thực hành được thì tu hành sẽ lợi lạc và tiền bộ xiết bao:

*Giới định huệ nằm lòng tha thiết,
Tham sân si tận diệt căn đề;
Thức căn cột chặt, thấu về,
Không còn rối loạn, hôn mê, biếng lười.⁽²⁾*

Dẫn chứng một ít như vậy để thưa rằng trong kinh sám, thánh giáo khuyên bảo rất nhiều mà người tu ít tiến vì thiếu nhập tâm nghiền ngẫm và trì hành.

Cuộc đời các Thánh nhân, hiền triết hoặc gần với chúng ta là các bậc hướng đạo tiền bối cũng thường dạy bày và nêu gương như quý ngài Huỳnh Chơn Nhơn, Nguyễn Như Sơ... Ngài Huệ Lương Trần Văn Quế xuất hiện ở giảng đường là nhà mô phạm, đến với đạo hữu thì khoan hòa, khiêm nhu.

Lễ bái, cúng kiếng, kinh sám, thánh giáo cùng những gương sáng tu hành chúng ta đều nhận từ bên ngoài. Hấp thụ được nhiều hay ít là nhờ công phu nghiền ngẫm, thẩm thấu các chất liệu tinh thần đạo đức ấy.

Mấu chốt có tính quyết định ở đây là thường sám hối, thường quán chiếu nội tâm, phản tỉnh nội cầu. Thiết yếu là sám hối bằng nội tâm chứ không chỉ bằng hình thức số lượng nghi lễ.

Sám hối, hiểu đúng đắn và thực hành sâu sắc là phải biết tự nhìn lại mình, thẩm sát trên ba mặt thân, khẩu, ý để thấy lỗi mà sửa đổi. Nếu không thì chỉ sơ sài ngoài mặt nổi và tiếp tục chúng nào tật nấy, nghiệp xấu chẳng hề chuyển đổi.

⁽²⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 24-6 Canh Tuất (Chủ Nhật 26-7-1970).

Cần tránh thói quen phóng ngoại, chỉ thấy người sai sót mà quên nhìn lại mình. Cho nên, giảng giải ý nghĩa tranh chăn trâu thứ nhất, Đức Quảng Tế Chơn Nhơn⁽³⁾ dạy:

Thấy biết mình thời không ai thấy

Thấy biết người ai nấy cũng lạnh.

Chê đời đủ thứ lưu manh,

Quên mình ti tiện, hôi tanh nặc nồng.⁽⁴⁾

Lời dạy ấy gợi nhớ lời Đức Chúa Giê-su dạy (Lu-ca 6:41):

Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của chính mình thì lại không để ý tới?

Nhìn lại vào trong mới thấy Tâm, thấy Đức và thấy Đạo của mình thế nào. Biết xem xét, nhìn và nghe để tự đánh giá ngôn ngữ, cử chỉ cùng ý nghĩ của ta có nên hạnh người tu hay không.

Vạn pháp diễn bày thường có dạng vĩ mô hoặc vi mô. Đừng nên chú ý vĩ mô mà quên vi mô là những điều chi tiết, nhỏ nhiệm.

Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long dạy:

Ai nấy cũng hết lòng vì đạo

Phải tiểu tâm⁽⁵⁾ chu đáo mọi bề.⁽⁶⁾

Trừ những bậc thượng căn thiên phú hoặc những bậc trung căn được thọ hưởng ba nền giáo dục tốt đẹp từ gia đình, học đường, và tôn giáo, số còn lại nên khôn ngoan tự tu, tự học, tự lo hàm dưỡng Tâm Đức Đạo Hạnh thì mới nên người đạo hữu tốt ngõ hầu có thể chu toàn nhiệm vụ được nhân sanh gửi gắm và họ đạo giao phó.

Một cách đơn giản dễ nhớ mà nếu không ý tứ thì khó làm. Ấy là đừng làm những điều xấu ác, dầu điều xấu ác ấy nhỏ bé đến đâu cũng không nên làm.

⁽³⁾ Ngài là môn sanh Minh Lý, thế danh là Nguyễn Hữu Hay (1899-1961), pháp danh Chơn Thành, thánh danh Minh Đàm, đặc quả Quảng Tế Chơn Nhơn.

⁽⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 04-8 Quý Hợi (Thứ Bảy 10-9-983).

⁽⁵⁾ *tiểu tâm (careful)*: Cần thận, chú ý tới từng chút một.

⁽⁶⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01 Nhâm Tuất (Thứ Hai 01-02-1982).

Sẵn sàng làm những điều thiện lành, không xem đó là việc nhỏ bé, tầm thường rồi làm lơ, bỏ qua. Những giọt nước nhỏ tạo nên mạch nước và các mạch nước tạo nên sông suối.

Đừng xem thường lỗi nhỏ vì lỗi nhỏ có thể làm đắm thuyền. Người xưa khuyên:

Nhất tinh chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn. (Một đốm lửa [giận] nhỏ có thể đốt muôn khoảnh núi [rừng] công đức.)

Sách *Minh Tâm Bửu Giám* có câu:

Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi. Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi. (Chớ cho việc ác nhỏ mà làm. Chớ cho việc lành ít mà không làm.)

Không làm các việc xấu ác cũng là tốt đẹp, đáng khen nhưng vẫn còn ở mức tiêu cực. Đồng thời thực hiện cả hai vừa bỏ điều bất thiện vừa làm điều thiện thì trau dồi Tâm Đức Đạo Hạnh mới vẹn toàn.

Trong Tâm Đức Đạo Hạnh, thì Hạnh thể hiện ra bên ngoài và Hạnh phải phát sinh từ Tâm, Đức, và Đạo. Hạnh không xuất phát từ Tâm, Đức và Đạo chỉ là hình thức, sáo rỗng càng tệ hơn là rơi vào tuyên truyền, quảng cáo.

Đức Tiếp Văn Pháp Quân ví bốn cơ quan của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài là tứ chi của Hội Thánh.⁽⁷⁾ Trong đó, Phước thiện và Phổ tế là hai tay. Phổ tế là việc “*giữ đạo, truyền đạo, giáo hóa*” nên Phổ tế dính dáng đến ngôn giáo. Thế mà ngôn giáo không thể tách rời thân giáo. Muốn thân giáo thì phải có Tâm Đức Đạo Hạnh, tức là phải có nội thánh mới làm được ngoại vương.

Phổ tế đảm đương phần quảng truyền (*phổ*) giáo lý công truyền để cứu độ (*tế*) nhân sanh, phải lấy thân giáo làm trọng; phải chăm siêng tu tịnh (luyện châu) để thánh hóa bản thân. Do đó, người làm đạo sự Phổ tế luôn ghi nhớ và thực hành lời dạy của Đức Bảo Pháp Chơn Quân Thanh Long:

⁽⁷⁾ “*Phước Thiện, Phổ Tế là hai tay. Hành Chánh, Minh Tra là hai chân. Hai tay không thể thiếu một mà làm được việc nhanh nhẹn. Hai chân cũng không thể thiếu một mà đi lại dễ dàng.*” Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 02-02 Mậu Tuất (Thứ Sáu 21-3-1958)

*Tu tâm pháp nâng mình nên Thánh,
Cảm hóa người vạn hạnh nơi thân;
Công truyền cứu thế độ nhân,
Hiện bày sắc tướng uy thần quyền năng.⁽⁸⁾*

“Giữ đạo, truyền đạo, giáo hóa” là trách nhiệm mà Phổ tế được Hội Thánh phân công. Đây là trách nhiệm nặng nề nên người làm đạo sự Phổ tế cần phải dành nhiều công phu, chăm lo đầu tư chu đáo. Người Phổ tế không những chăm lo bồi dưỡng phần kỹ năng chuyên môn mà còn đồng thời chăm lo rèn luyện, hàm dưỡng Tâm Đức Đạo Hạnh. *Kinh Thuyết Pháp* nhắc nhở:

*Trường Phổ Tế khó khăn lắm nổi
Cậy thánh tâm sửa đổi tánh phàm
Dù đời với sức không kham . . .*

Người Phổ tế ví như người gieo giống trên cánh đồng bao la bởi vì Nhơn sanh căn trí vô lượng; sức phàm hữu hạn khó bề đối trị. Do đó, ngoài thời gian siêng năng tìm học, suy niệm, trau dồi vốn liếng tri thức thế học và đạo học, v.v... người Phổ tế còn phải thường năng tọa thiền, tịnh luyện và chí thành cầu nguyện ngõ hầu có đủ Thánh ân soi dẫn, hộ trì cho từng bước đi, từng vung tay vãi hạt giống lành trên cánh đồng phổ thông chánh pháp Kỳ Ba, góp phần thực thi sứ mạng Trung Hưng của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. ☯



⁽⁸⁾ Trung Hưng Bửu Tòa, 08-01 Nhâm Tuất (Thứ Hai 01-02-1982).

TU TẬP CÔNG QUẢ

“Công quả là lo lập công bồi đức, bố thí, cúng dường, đó là bửu tràng phan đưa về nơi Thiên Đài Cực lạc.”

(Đức Lý Thái Bạch)

Nguyễn Công Khánh

1. Công quả là gì?

Về mặt từ ngữ, có thể hiểu từ công quả như sau:

- Công: Đầu tư sức lực hoặc trí óc hoặc tài vật trong một thời gian nhất định cho một việc nào đó được gọi là công.
- Quả: Kết quả thu được từ sức lực, trí óc hoặc tài vật đã bỏ ra.
- Công quả:
 - Một danh từ được sử dụng chủ yếu trong tôn giáo.
 - Một việc làm vừa có lợi cho người vừa có ích cho mình.

2. Thánh giáo dạy về công quả

Để hiểu thêm công quả, chúng ta cần suy gẫm Thánh giáo thật nhiều để cảm nhận được lời dạy của Ôn trên về ý nghĩa và giá trị của công quả.

Thầy dạy:

“Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của cải. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả. (TNHT, 05-7-1926)

Thầy dạy:

“Thầy muốn tạo cho con nơi này một trường công quả để các con thi nhau mà chuộc lấy tội tình, xây dựng một cuộc đời hạnh phúc ở đời này, khi chết thì linh hồn cũng thông dong nơi miền Cực lạc. Nếu các con tu mà không sửa thì suốt kiếp khó thành. Tu mà không lập đức bồi công cũng như ở không mà chờ của bổng.” (TTTH, 16.12. Mậu Tuất-24.01.1959)

Đức Thượng Chương Pháp Tương cho biết

“Em còn phải công quả phổ độ mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên; nhờ Đại Từ Phụ cứu độ.” (TNHT, 01.01. Đinh Mão-1927)

Đức Phục Ma Đại Đế dạy:

*“Người tự giác phải lo công quả,
Quả công dày tội quá trừ xong;
Xong rồi bổng đảo thông dong,
Nương mây cỡi gió khỏe lòng chi hơn.”*

(TTTH 20.01. Kỷ Hợi-1959)

Đức Phổ Đà Bồ Tát dạy:

*“Công quả cao dày phẩm vị cao,
Chung chung toàn đạo có công lao;
Đã đem tâm lực xây nền Đạo,
Thầy mẹ ban ơn để ước ao.”*

(TTTH, 02.01. Ất Mùi-25.01.1955)

Đức Tiếp Văn Pháp Quân dạy:

*“Suốt ngày tháng ân cần công quả,
Quả công dày phép lạ được trao;
Hiểm nguy vẫn tiến không nao,
Nữ nam cố gắng nêu cao tinh thần.”*

(TTTH, 13.02. Bính Thân - 14.3.1956)

3. Thực hành công quả như thế nào để có giá trị

- Với tất cả tâm thành, không so đo việc lớn việc nhỏ. Tất cả việc làm công quả, dù lớn hay nhỏ, đều phải xuất phát từ lòng chân thành vì người khác.

Kinh Sám Hối dạy:

*“Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,
Thấy trên đường miếng bát miếng chai;
Hoặc là đình nhon chông gai,
Mau tay lượm lấy đoái hoài kẻ sau.”* (câu 125-128)

Kinh Cảm Ứng dạy:

“Chứa đức, làm cho có nhiều công, phải giữ lòng lành mà thương thú vật.”

- Không vọng cầu hay hối tiếc

Kinh cảm Ứng dạy:

*“Làm ơn đừng trông người trả,
Cho người vật chi rồi đừng nghĩ lại mà tiếc.”*

4. Công quả trong Tam công

Tam công là: Công quả, công phu và công trình

Công quả để chuộc tội lỗi đã gây ra từ trước: *“Lấy công quả đền bù nợ trước”*.

Công phu để ngăn ngừa lòng tà vậy: *“Dụng công phu chế ước lòng tà”*

Công phu để làm sạch phàm tâm, chế ngự nghiệp thức, đoạn lìa trần duyên; soi đường cho công quả tinh tấn thêm lên. Công quả mà thiếu công phu thì chưa đủ, không trọn vẹn.

Công quả và công phu phải thực hành đồng thời để hỗ trợ cho nhau

Đức Bảo Pháp Thanh Long dạy:

*“Lấy công quả đền bù nợ trước,
Dụng công phu chế ước lòng tà;
Để rồi tự giác, giác tha,
Song hành phước huệ mới là viên thông.”*

(TTTH, 08.01.Nhâm Tuất- 01.02.1982)

Đức Ngô Cao Tiên dạy:

*“Lấy tài lực lập công chứng phước,
Lấy đức tin đoạn khước trần duyên;
Công phu công quả vẹn tuyền,
Thì là nên Thánh nên Hiền khó chi.”*

(TTTH,16.3.Kỷ Hội-23.4.1959)

Công trình là tu tập song hành công quả và công phu thường xuyên, không ngừng nghỉ.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Tẩy tịnh là tẩy sạch phàm tâm, là công phu.
Tẩy uế cho người là công quả.
Công phu mãi, công quả không sòn, gọi là công trình.
Bao nhiêu công trình kết tập suốt trong đời người gọi là công
viên quả mãn.”*

(Quan Âm Bồ Tát, TTTH, đàn 19.4.ĐĐ30)

5. Công quả với Lục độ

Lục độ hay Lục độ Ba-la-mật là phương pháp tu hành, được hiểu một cách khái quát là sáu phương tiện đưa người qua bờ bên kia, tức từ bờ mê qua bờ giác. Phương tu Lục độ có liên quan và hỗ trợ rất nhiều cho pháp môn Công quả và Công phu. Lục độ gồm sáu phương tiện:

- Bố thí
- Trì giới
- Nhẫn nhục
- Tinh tấn
- Thiền định
- Trí huệ

Liên hệ giữa Công quả, Công phu với Lục độ, ta có thể chia Lục độ như sau:

Công quả	Công phu
Bố thí - Trì giới Nhẫn nhục - Tinh tấn	Tinh tấn - Thiền định - Trí huệ

Trong Công quả và Công phu đều đòi hỏi phải có Tinh tấn, vì có thể nói Tinh tấn phải luôn đi kèm với năm phương tiện còn lại mới hoàn thành được Lục độ; nói cách khác Tinh tấn phải đi kèm với Công quả và Công phu thì mới có Công trình viên mãn.

Trong phạm vi bài viết về Công quả, chúng ta xem xét 4 phương tiện của Lục độ hỗ trợ cho Công quả:

a. Bố thí

Hiểu theo sự, bố thí là chia sẻ, ban cho, cung cấp; gồm 3 loại: tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Tài thí là đem những thứ vật chất mình có được như tiền bạc, lương thực, thực phẩm, thuốc men . . . cứu giúp cho người khác lúc khó khăn. Những thứ này không gắn liền với thân thể của mình nên gọi là ngoại tài. Hoặc giúp đỡ bằng công sức lao động của mình; những thứ đem ra từ thân mạng của mình như hiến máu, hiến tạng cứu người, gọi là nội tài.

Pháp thí là dùng các phương tiện hướng người đi theo chánh pháp. Lời khuyên răn về đạo đức làm người, khiến người bỏ ác theo thiện; tặng một cuốn sách hướng dẫn tu hành, giải thích một đoạn Thánh giáo... để giúp người giác ngộ đường tu.

Tài thí giúp người đỡ phần khốn khó về đời sống vật chất trong một thời gian nhất định; trong khi hướng dẫn một phương pháp phù hợp, một người có thể áp dụng suốt đời tu, mang đến sự bình ổn nội tâm trong thời gian lâu dài. Người làm tài thí chỉ có một khả năng giới hạn nào đó để đáp ứng một phần nhu cầu của người nhận; còn người giảng rành mạch được một đoạn kinh, thì dù số người nghe đông bao nhiêu cũng đều có phần lợi lạc như nhau. Lại nữa, tài thí có thể giúp người thoát chết trong đời này, pháp thí có thể giúp người thoát khỏi luân hồi sinh tử. Như vậy, so với tài thí thì pháp thí trội hơn rất nhiều, nhưng đòi hỏi người làm pháp thí phải có năng lực và phẩm hạnh.

Vô úy thí, một phần của pháp thí, là giúp người bớt sợ hãi bằng lời nói hay việc làm cụ thể. Từ những điều sợ hãi nhỏ nhất như sợ côn trùng, sợ bóng đen... Đến những nỗi khiếp đảm đối với thiên tai, chiến tranh, bệnh tật, chết chóc... những lời an ủi động viên hoặc hành động bảo bọc vỗ về sẽ làm con người cảm thấy bình an hơn. Ngay lúc sắp

lâm chung, nếu được nghe kinh kệ, nghe niệm danh hiệu Thầy hoặc được hướng dẫn về những điều cần làm khi thoát xác, người sắp mất có thể yên tâm, nhẹ nhàng trở về theo nẻo thiện lành, chúng ta gọi là tiếp quy.

Hiểu theo lý, Bồ thí nghĩa là buông xả. Khi tiếp xúc với mọi cảnh mọi duyên mà tâm không dính mắc, không khởi niệm phân biệt phê phán, làm tất cả việc vì người khác mà không chấp vào đó, như vậy là hoàn toàn buông xả phù hợp với ý nghĩa sâu xa của Bồ thí Ba-la-mật.

Như thế, Bồ thí vừa làm ích cho người cũng vừa có lợi cho mình.

Đối với người, đây là một nghệ thuật sống, giúp người bớt khổ, bớt sợ hãi lo âu, đem đến niềm an ủi, sự ấm áp của tình người. Không chỉ có tài sản mới Bồ thí được, mà một lời nói hay, một việc làm nhỏ, một nụ cười vui... phát xuất từ tâm chân thành, thiết tha đều mang nhiều lợi lạc. Mọi công đức đều xuất phát từ tâm ý; tâm càng thanh tịnh, càng bớt ngã chấp thì kết quả của việc làm càng lớn lao.

Đối với mình, càng Bồ thí ta càng giảm được lòng tham, giảm ích kỷ, càng có niềm vui khi việc làm có ích cho cộng đồng. Tiến thêm một bước, Bồ thí là thực tập hạnh buông xả; ta có thể tự tại an nhiên trước mọi thăng trầm, vinh nhục của cuộc sống.

Bồ thí đi đầu trong Lục độ, có công khai phá rất lớn, giúp người tu chuyển hóa từ vị kỷ sang vị tha.

Như vậy khi tham gia thực hành Công quả phải giữ theo hạnh Bồ thí, dù việc làm lớn hay nhỏ, để phát triển lòng vị tha.

Bồ thí là phương tiện hỗ trợ thứ nhất giúp cho phần Công quả chánh đáng và tinh tấn.

b. Trì giới

Trì giới có ba cấp độ: Nghiêm trì giới luật, Vận dụng và Hóa độ.

Nghiêm trì giới luật:

Nghiêm trì giới luật là bước thực tập đầu tiên cho người tu hành. Các tôn giáo xưa nay đều lấy giới luật làm căn bản để hướng dẫn người ta lánh dữ làm lành, cải ác tùng thiện để trau dồi đức hạnh.

Trong đạo Cao Đài, giới luật mà người Tín đồ phải nghiêm trì là Tam quy, Ngũ giới và 24 điều Thế luật.

Nghiêm trì giới luật là hiểu biết cặn kẽ, thực hành nghiêm túc và thường xuyên những điều được chỉ dẫn trong Tam quy, Ngũ giới và 24 điều Thế luật nhằm giữ vững lập trường tu hành, ngăn ngừa điều ác, phát triển điều lành và gây dựng tình thương yêu, bảo bọc nhau trên đường đạo cũng như đường đời.

Vận dụng

Tức là người tu hành có thể sử dụng được những thành quả tu tập của mình làm phương tiện trong những hoàn cảnh khác nhau để giúp đỡ người. Ví dụ: người tu gìn giữ được oai nghi thì người khác dễ sinh lòng quý mến, kính trọng; từ đó dễ cảm hóa thu phục họ. Đây là cách vận dụng thân giáo làm lợi ích cho người. Đồng thời nhờ vận dụng oai nghi tịnh hạnh của chính mình để độ dẫn người nên cũng làm cho phần công quả của mình gia tăng, tinh tấn trên đường tu. Tạo được thiện cảm với người, sau đó giáo hóa người biết hướng tu hành; việc làm này chủ yếu là lợi tha, đòi hỏi phải có nhiều khả năng và kiến thức trên nhiều phương diện. (như: Thông hiểu kinh điển, có kiến thức và kinh nghiệm sống, hiểu biết về y khoa, hiểu biết nhiều nghề nghiệp, biết tổ chức, biết ngoại ngữ...) mới có nhiều cơ hội công quả giúp người, giúp đời.

Hóa độ

Đỉnh cao của hạnh Trì giới là nguyện dùng chánh pháp *hóa độ* chúng sinh. Bằng trí huệ, người tu biết rõ mọi sanh linh đều bình đẳng, có chủng tử Linh quang của Thượng Đế. Đây là hạt giống có sẵn; nếu gặp điều kiện thuận lợi, hạt giống ấy sẽ nảy mầm thành cây, đơm hoa kết quả. Nếu chưa đủ điều kiện, hạt giống ở dạng tiềm ẩn, nhưng chưa bao giờ mất. Người tu phát đại nguyện là khơi dậy những hạt giống đang ngủ ngầm và tạo điều kiện để chúng đâm chồi nảy lộc. Để thực hành việc hóa độ, người tu phải giữ được thanh tịnh để có trí huệ soi dẫn.

Để mang đầy đủ ý nghĩa Ba-la-mật, ba hình thức trì giới nói trên phải phù hợp tinh thần làm lợi ích cho người nhưng không chấp ngã và chấp pháp. Do đó làm gì cũng không thấy thật có mình là người làm, thật có việc đang làm và thật có chúng sinh là đối tượng của việc làm ấy.

Vậy, khi tham gia thực hành Công quả phải lấy giới luật làm khuôn phép nhằm giữ cho phần Công quả không bị lệch hướng mà mất công đức.

Trì giới là phương tiện hỗ trợ thứ hai giúp cho phần Công quả đúng pháp và tinh tấn.

c. Nhẫn nhục

Theo nghĩa hẹp, nhẫn nhục là nhịn chịu, chấp nhận mọi hoàn cảnh éo le cho dù nhục nhã, mọi khó khăn trở ngại và vượt qua chúng một cách bình ổn.

Theo nghĩa rộng, nhẫn nhục được hiểu là sự bao dung, rộng lòng; không chấp trước, không xao động; là sự thực tập mở lòng để ôm lấy tất cả, không phân biệt, không kỳ thị, không phe nhóm. Nhẫn nhục Ba la mật nghĩa là không ghét bỏ một ai, không loại trừ một ai, là khả năng ôm lấy tất cả với tấm lòng từ bi.

Khi tham gia thực hành Công quả phải mở lòng rộng lớn, bao dung để không rơi vào ngã mạn.

Nhẫn nhục là phương tiện hỗ trợ thứ ba giúp cho phần Công quả rộng lớn và tinh tấn.

d. Tinh tấn

Tinh là chuyên ròng, trong sạch, toàn thiện, không xen tạp cái ác; tấn là siêng năng tiến tới. Việc học đạo và hành đạo của người tu phải tinh chuyên, cần mẫn và tiến bộ. Đó là tinh tấn.

Chúng ta tu hành trước tiên là cho bản thân, nhưng phải giữ ở mức bình thường chứ không phải khoe khoang cho người khác thấy. Nếu nơi chỗ đông người ta làm cho ra vẻ tinh tấn tu hành, oai nghi phép tắc; khi không có ai lại buông thả giới luật, chểnh mảng công phu, đó là chấp tướng, giả trang và đầy bản ngã. Như thế chưa phải là tinh tấn.

Tinh tấn là điều kiện cần thiết hỗ trợ cho việc tu hành. Trong suốt cuộc đời, chúng ta gặp biết bao nhiêu lần thất bại cũng như biết mấy lúc thành công? Nếu thành công ta không sanh tâm kiêu mạn, lúc thất bại ta không thối chí ngã lòng, thì dù nhanh hay chậm, ta cũng có tiến bộ. Tức là có tinh tấn.

Mặt khác, tinh tấn phải thường xuyên, không gián đoạn. Nước mềm đá cứng, nhưng nước chảy thường xuyên sẽ làm đá mòn. Vì thế có câu “Nước chảy đá mòn” để nhắc nhở chúng ta.

Như vậy, không phải ngày nào cũng làm, làm cho thật nhiều mới là công quả tốt; mà khi tham gia thực hành Công quả hay lúc không tham gia thực hành Công quả cũng phải luôn luôn giữ hạnh Bồ thí, tuân thủ Giới luật và tu tập hạnh Nhẫn nhục để lòng mình lúc nào cũng hướng về và sẵn sàng lập công khi có cơ hội.

Tinh tấn là phương tiện thứ tư giúp cho phần Công quả trì thủ và thành tựu Công trình. Tinh tấn còn là phương tiện giúp cho phần Công phu thăng tiến viên mãn.

6. Tóm lại

Công quả, công phu, công trình là pháp tu của người Cao Đài; trong đó, công quả là một phần rất căn bản. Bởi lẽ, công quả thể hiện tình thương và trách nhiệm của người tu đối với chúng sanh và cũng là nền tảng, đà tiến của công phu.

Khi làm công quả, người làm phải thận trọng từ ý nghĩ, lời nói và hành vi sao cho hợp với lẽ đạo. Vì chính công quả vừa gây nhân (công) và vừa tạo ra kết quả (quả); nên nếu ý nghĩ, lời nói hay hành vi cố chấp, tự phụ, so đo hay tính toán mong cầu... thì ngay đó đã tạo ra nhân không lành, nên kết quả của nó cũng không đem lại công đức gì cho người làm công quả mà còn có hại nữa.

Công quả có thể thực hành trên nhiều phương diện. Tùy điều kiện, căn cơ của mỗi người mà phát tâm công quả. Không phân biệt công quả lớn nhỏ, chỉ có tâm thành mới tạo nên công quả đích thực mà thôi.

Để công quả mang lại công đức lớn, người tu phải thực hành bồ thí để chuyển hóa thân tâm từ vị kỷ sang vị tha, trì thủ giới luật nghiêm minh để nâng cao phẩm hạnh; trang bị cho mình một tấm lòng rộng mở, khoan dung độ lượng, sẵn sàng cứu giúp.

Công quả dày nhưng thiếu phần Công phu thì thân tâm chưa thể yên tĩnh. Công phu để phát triển trí tuệ sáng suốt, giúp cho công quả được định hướng chân chính, gia tăng giá trị thanh cao.

Thực hành đồng thời công quả với công phu thường xuyên không mệt mỏi để tạo dựng một công trình vững chắc, trọn vẹn viên thông. ☯



Nói chuyện đạo

Giáo hữu **THƯỢNG THUẦN THANH**

I. Dẫn nhập

Hội Thánh Truyền Giáo những năm gần đây đã tổ chức những lễ kỷ niệm có tính cách quy mô cả về phần lễ và phần hội như: Kỷ niệm 50 năm thành lập Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (1956-2006), 70 năm công khai Đạo Cao Đài tại miền Trung (1938-2008), 75 năm truyền Đạo về Quảng Nam và hình thành Thánh sở đầu tiên (1935-2010). Các Họ đạo cũng đã tổ chức lễ kỷ niệm thành lập Họ đạo nhân lễ khánh thành, an vị Thánh thất như Trung Hội, Trung Nguyên, Trung Nghĩa...

Tất cả những lễ kỷ niệm nêu trên đều nhằm mục đích chung là ôn lại dòng sử Đạo, hồi hướng công đức các bậc tiền nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm để tu học, lập công, hành đạo để kế thừa xây dựng đạo nghiệp trong hiện tại và tương lai. Chúng tôi xin đóng góp vào kỷ yếu 50 năm thành lập Họ Đạo Trung Khánh bài “Nói chuyện ĐẠO”. Qua những dòng đạo lý, đạo tình, đạo sự sau đây:

- + Đạo là gì?
- + Đạo Thầy có gì mới?
- + Sống Đạo như thế nào?
- + Sáng Đạo phải làm sao?

II. Nội dung

1/ Đạo là gì?

Từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, nhiều nhà đạo học, triết học, khoa học đã có những cố gắng định nghĩa về Đạo. Và gần đây nhất trong cuốn sách “Đạo của vật lý” một khám phá mới về sự tương đồng giữa vật lý hiện đại và Đạo học Phương Đông, tác giả Fritjof Capra, một giáo sư ngành vật lý (Do Nguyễn Tường Bách biên dịch, NXB Trẻ 1999) đã tóm lược về Đạo như sau:

“Đạo”, nguyên nghĩa của nó là “đường đi”. Đó là đường đi hay tiến trình của vũ trụ, là trật tự của tự nhiên. Về sau môn đệ của Khổng Tử cho nó một nghĩa khác. Họ nói về Đạo của con người hay Đạo của xã hội loài người và xem như cách để sống đúng đắn trong nghĩa đạo đức.

Trong nghĩa nguyên thủy nói về vũ trụ thì Đạo là thể cuối cùng, không thể định nghĩa và như thế nó ngang tầm Brahma của Ấn Độ giáo và pháp thân của Phật giáo. Thế nhưng nó khác với các khái niệm Ấn Độ là Đạo mang tính năng động nội tại, mà theo quan điểm Trung Quốc thì đó là tính chất then chốt của vũ trụ. Đạo là tiến trình vũ trụ trong đó mọi sự vật đều tham dự, và thế giới là một sự trôi chảy liên tục và biến đổi không bao giờ ngừng.

Qua tóm lược về Đạo của Fritjof Capra ta thấy có mấy yếu tố nằm trong hai lĩnh vực:

- Về vũ trụ: Đạo là bản thể, là lý tánh tuyệt đối, là tiến trình của vũ trụ, là trật tự của tự của tự nhiên.

- Về con người: Đạo là bản phận của con người trong xã hội là người sống đúng trong nghĩa đạo đức.

2/ Đạo Thầy có gì mới?

Đức Chí Tôn lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi tắt là Đạo Cao Đài ở vào thời đại toàn cầu hóa, năm châu chung chợ bốn biển chung nhà. Nên tính chất của nền Đạo là đại đồng kết tinh tổng hợp dung hòa Đông Tây kim cổ: “Phi kim phi cổ, nhi kim nhi cổ, trung dung quán nhất thị Cao Đài”. Để có một cái nhìn toàn diện xuyên suốt nhất quán “Đạo vẫn có một”, rồi tùy căn cơ đưa vào ứng dụng cho con người và xã hội loài người sống đúng đắn trong nghĩa đạo đức, tạo cảnh an vui hạnh phúc đại đồng, đồng thời nâng cao và thánh hóa bản vị con người lên hàng Thánh, Hiền, Tiên, Phật cho đến khi hội hiệp cùng Thầy.

Thầy đã dạy “Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy”.

Và cụ thể hơn: “Thầy là sự thương yêu và lẽ hằng sống. Đạo là sự sống, tình thương và lẽ thật”.

Ba yếu tố sự sống, tình thương, lẽ thật có một tính chất rất kỳ diệu thể hiện được cái Đạo đối với vũ trụ và của con người.

2.1 Sự sống tình thương và lẽ thật với Đạo của vũ trụ

a) Sự sống là kỳ diệu

Cơ màu nhiệm của Tạo hóa là huyền vi vô lượng, bất khả

tư nghị, các nhà Đạo học Đông phương từ ngàn xưa đã cảm nhận và phát biểu như vậy. Thời hiện đại khoa học đã có những bước tiến như vũ bão, tuy nhiên càng đi sâu vào khám phá vũ trụ, các nhà khoa học càng kinh ngạc trước sự nhiệm mầu của Tạo hóa và các nhà khoa học hàng đầu thế giới đã phát biểu như sau:

* Độ chính xác của sự điều chỉnh một số con số để rút cục chúng ta xuất hiện trên đời này có thể so được với độ chính xác của một cung thủ muốn găm một mũi tên vào bia có diện tích 1cm^2 đặt tận đầu kia của vũ trụ tức là ở khoảng 15 tỷ năm ánh sáng.

Thật là đáng kinh ngạc! Vũ trụ học hiện đại đã trả lại hy vọng cho con người. Nó nói với chúng ta rằng chúng ta đang sống cộng sinh hoàn toàn với vũ trụ, một vũ trụ không hề thờ ơ với chúng ta mà được hiệu chỉnh một cách cực kỳ chính xác để cho phép chúng ta hiện hữu ngày hôm nay trong cõi đời này”.

Einstein đã từng phát biểu “Cái khó hiểu nhất là làm sao Vũ trụ lại có thể hiểu được”. (Trò chuyện với Trịnh Xuân Thuận, NXB Trẻ, 2001. trang 08,118)

* “Hãy lấy một trường hợp cụ thể: Một tế bào sống bao gồm khoảng 20 axit amin tạo thành một “chuỗi” chặt kín. Chức năng của axit amin ấy đến lượt nó, phụ thuộc vào khoảng 2000 enzym đặc thù. Đi theo lập luận ấy, các nhà sinh học đã đi tới chỗ tính toán rằng để cho 1000 enzym khác nhau xích lại gần nhau một cách có trật tự tới chỗ tạo thành một tế bào sống (trong một tiến trình nhiều tỷ năm) thì phải có xác suất là 10^{1000} lấy 1.

Có thể nói cơ may ấy bằng 0.

Chính điều đó đã thúc đẩy Francis Crick, giải Nobel về sinh học, dựa vào phát hiện về ADN, đi tới kết luận theo hướng đó “Một người trung thực được trang bị mọi tri thức hiện có sẽ phải khẳng định rằng nguồn gốc của sự sống hiện nay có vẻ như một phép mầu, một khi hội đủ những điều kiện tạo ra nó”. (Thượng Đế và Khoa Học- NXB Đà Nẵng- 2002; trang 70-71); dịch từ nguyên bản tiếng Pháp.

b) Tình thương là kỳ diệu

Yếu tố sự sống kỳ diệu bao nhiêu thì yếu tố tình thương cũng kỳ diệu bấy nhiêu. Bởi vì không có tình thương thì chắc chắn không thể bảo tồn và phát triển

sự sống. Vì vậy tình thương nó đã có từ khi có sự sống. Nhờ tình thương người mẹ mới hy sinh gian khổ để nuôi con, vật mẹ mới nuôi nấng được vật con. Và ngày nay khoa học cũng đã khám phá chứng minh được những điều tôn giáo đã nói trước kia tức là: Loài thực vật, cỏ cây cũng có ý thức, cũng biết biểu lộ tình thương. (Vạn vật hữu Thái Cực, nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh)

Cũng nhờ tình thương rộng rãi bao la mà các Đấng giáo chủ, các bậc vĩ nhân, các nhà hiền triết đã suốt đời tận tụy hy sinh đi tìm kiếm đem lại những thành tựu khoa học cứu người, xây dựng những sự nghiệp đạo đức tinh thần cao quý giúp đời, từ một con người đã vượt lên trên tất cả mọi người, cho người ca tụng, cho đời tôn vinh.

Thật tình thương là điều kỳ diệu.

c) Lẽ thật là kỳ diệu

Lẽ thật tức là cái ý thức đạo đức có sẵn trong lòng người, cái bản chất thuộc tính của mọi loài, mọi vật và cái quy luật điều hành chi phối khắp trong vũ trụ gọi là qui luật vũ trụ. Cái quy luật này nó đã tự có và hằng còn.

Ví dụ như định luật Vô thường, định luật Nhân quả, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo và định luật Âm dương biến dịch trong Dịch lý là do Đức Phật và các vị Thánh nhân khám phá ra nó, chứ không phải sáng chế ra nó. Các định luật ấy nó đã có tự bao giờ nhưng vì mê muội nên chúng sanh không thấy được. Đức Phật và các vị Thánh nhân là người sáng suốt hơn đã tìm thấy được và đã áp dụng tu hành để chứng quả đắc Đạo và chỉ truyền lại cho chúng sanh được thấy để áp dụng tu hành để đắc đạo thành Thánh, thành Phật.

Trong lĩnh vực khoa học, cái thuộc tính của mọi vật chất, cái quy luật tương tác vận hành của mọi hiện tượng từ lĩnh vực vi mô như hạt nhân nguyên tử, điện tử cho đến lĩnh vực vĩ mô như các thái dương hệ, các dãy thiên hà nó đã sẵn có tự bao giờ. Các nhà khoa học chỉ tìm kiếm phát minh ra những định luật ấy để vận dụng tạo nên những thành tựu khoa học tân kỳ, chứ các nhà khoa học không thể chế tạo ra những định luật ấy.

Ngày nay trong giáo lý Cao Đài có nêu lên các tôn chỉ: Thiên nhân hiệp nhất, Vạn giáo nhất lý,

Tâm vật bình hành, Thuần chân vô ngã. Đó là những quy luật, là lẽ thật sẵn có nhưng do con người lầm lạc, cố chấp độc tôn, chia rẽ kỳ thị nên tôn giáo Cao Đài đề cao làm sáng tỏ những lẽ thật ấy chứ không phải tự đặt ra nó.

Vậy lẽ thật tức là ý thức đạo đức sẵn có trong lòng người và là qui luật sẵn có trong vũ trụ, nó thật là kỳ diệu nhiệm mầu. Nhà bác học Pascal đã từng tuyên bố: “Tôi có hai điều thần phục Tạo hóa đó là bầu trời đầy sao và ý thức đạo đức trong lòng tôi”.

Như vậy qua tìm hiểu ta đã nhận thấy được ba yếu tố sự sống, tình thương, lẽ thật rất kỳ diệu đã thể hiện được cái Đạo về phần vũ trụ là bản thể, là lý tánh tuyệt đối, là tiến trình của vũ trụ và trật tự của tự nhiên.

2.2 Ba yếu tố sự sống, tình thương và lẽ thật, về đạo của con người

Sự sống tình thương và lẽ thật là phẩm chất đặc biệt cao quý của con người, một động vật tối linh. Nhưng con người vì vật dục, vì tham sân si đã làm cho lu mờ, vì vô minh đã đánh mất bản thể tối linh mà không hay biết. Các Đấng giác ngộ đã tìm mọi phương cách

để hướng dẫn con người tìm lại cái phẩm chất đặc biệt cao quý của con người. Và tôn giáo đã xuất hiện.

Đối với cá nhân mỗi người thì bảo tồn sự sống là làm cho thể xác được khỏe mạnh, phát triển tình thương là làm cho tâm hồn được thánh thiện và giác ngộ cái lẽ thật là làm cho trí tuệ được viên minh.

Đối với cộng đồng nhân loại là bảo tồn và phát triển trên ba phương diện: Nhân sinh, nhân đức và nhân trí.

3. Sống Đạo như thế nào?

Sống Đạo nói chung là cách thể hiện cuộc sống đúng trong nghĩa đạo đức. Nghĩa đạo đức ở đây chính là sự sống, tình thương và lẽ thật, vừa thể hiện cái bản thể lý tánh tuyệt đối, vừa thể hiện cái bổn phận làm người như đã trình bày ở trên.

Về bổn phận làm người đạo Nho đã minh định cụ thể cái danh và cái phận như sau: Cha con, chồng vợ, anh em, thầy trò, vua tôi (hay là nhà cầm quyền và công dân).

Phận là cái trách nhiệm phải làm cho đúng với cái danh gọi là bổn phận. Và chính danh tức là làm tròn cái bổn phận: Vua cho

ra vua, tôi cho ra tôi, cha cho ra cha, con cho ra con, vợ cho ra vợ, chồng cho ra chồng, thầy trò, anh em, bè bạn cũng thế. Nếu nói thêm về lĩnh vực tôn giáo thì chức sắc cho ra chức sắc, tín đồ cho ra tín đồ, lãnh đạo cho ra lãnh đạo, nhân viên cho ra nhân viên làm tròn bổn phận làm người trong mỗi danh phận tức là sống đạo. Đạo vua tôi, đạo cha con, đạo vợ chồng, đạo anh em... Một khi đã sống đạo tốt tức là sáng đạo, thể hiện được sự sống tình thương và lẽ thật trong mọi bổn phận.

4. Sáng Đạo phải làm sao?

Muốn sáng đạo phải sống đạo tốt như trên đã nói, muốn sống đạo tốt phải học đạo, tu dưỡng chuyên cần, tinh tấn và chí thành. Các tôn giáo có nhiều pháp môn để tu dưỡng, có nhiều qui điều giới luật để rèn luyện, nhưng cũng không ngoài ba yếu tố chính đó là: Bảo tồn sự sống, phát triển tình thương và giác ngộ lẽ thật. Về tiến trình tu hành sống đạo để đi đến sáng đạo và đắc đạo được các tôn giáo mô tả cụ thể như sau:

Nho giáo: Tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện.

Phật giáo: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Cao Đài giáo: Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy.

Đạo Thầy là Đạo của Đấng Thượng Đế Chí Tôn chúa tể càn khôn vũ trụ. Đạo ấy là bản thể lý tánh tuyệt đối, là trật tự của tự nhiên. Đạo ấy được thể hiện qua đạo của con người là sự sống tình thương và lẽ thật. Khi đó Đạo Thầy tức là các con, là chỗ tại mình mình đức, tại tân dân; là chỗ tự giác, giác tha. Khi con người tu hành đắc đạo trở nên Thánh Hiền, Tiên, Phật và trở về hội hiệp cùng Thầy thì lúc đó các con tức là Thầy là chỗ chỉ ư chí thiện, giác hạnh viên mãn. Đó là chỗ danh Thầy, danh Đạo và danh con được sáng.

III. Tóm lược và nhận định

Qua câu chuyện đạo trình bày như trên chúng ta có thể nhận định chung như sau:

1. Đấng Chí Tôn lập đạo Cao Đài tại đất nước Việt Nam, Ngài đã dùng những biểu tượng, mô hình, ngôn từ để dạy đạo rất đơn giản, thân thương gần gũi với con người, nhưng đi sâu vào phân tích sẽ thấy hàm chứa một ý nghĩa rất sâu sắc và mang tính chất đại đồng.

2. Nhân loại đang ở vào thời hạ nguơn mặt kiếp mà Ôn Trên gọi là cơ tự diệt. Bởi dục vọng con người đến cao độ, tham sân si và độc tôn bản ngã, nên con người đã tranh giành cấu xé tàn sát lẫn nhau và hủy hoại môi trường sống của chính mình bởi thiếu tình thương và không giác ngộ được cái lẽ thật, cái chân lý của cuộc sống.

3. Để cứu vãn cái cơ tự diệt và đem lại sự sống còn hạnh phúc cho con người. Thầy đã lập một nền đạo với thời pháp thích nghi để cho con người cố gắng hết mình học đạo và tu dưỡng hầu làm sáng tỏ cái sự sống tình thương và lẽ thật nơi chơn tâm tự tánh của mỗi người để thực hiện sống đạo và làm sáng đạo. Đồng thời đây là ý nghĩa đích thực, là quả lễ trân trọng nhất mà chúng ta dâng lên Thầy – Mẹ cùng các Đấng thiêng liêng, các bậc tiền bối Hướn giáo mỗi khi làm lễ kỷ niệm Khai Đạo, Truyền Đạo hay thành lập Họ đạo.





TRUNG HÒA

đức tin mạnh mẽ

VÔ NHAI TỬ

Người Cao Đài hành hương về Quảng Nam, ai cũng rất “ấn tượng” khi lên vùng sông Tiên để đến Thánh thất Trung Hòa, đường thật xa xôi và như lạc vào một cõi đời khác lạ. Trung Hòa là một trong những giáo sở tổ đình của cơ đạo miền Trung, thành lập ngày 01/07nh/Mậu Dần (1938), nay thuộc thôn 2, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước.

• 1 Trước năm Canh Ngọ (1930) có đạo sĩ Võ Vĩnh Học, cô Phạm Minh Phong, gia đình ông Phùng Chí Thanh, ông Tống Phước Hậu và số đông cư dân ở xã Hòa An (nay là xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, Quảng Nam) thọ giáo đạo Minh Sư. Sau có ngài Võ Xương Kinh ở

Phú Bông (Điện Bàn) đến cấp phái tu tại tư gia. Đạo hữu ở các nơi hay lui tới, nhất là ở An Tráng (Thăng Bình) có Thầy Huỳnh Ngọc Trác, Trần Nguyên Chất và cô Võ Thị Phi Yến thường hay lui tới khuyến hóa. Năm Kỷ Ty (1929), chư vị Võ Vĩnh Học và Phùng Chí Thanh hiệp lực, hiến cúng gia sản của mình để lập sở chùa Bảo Tế (chùa Hòa An). Ngày khánh thành, quý vị đồng môn Minh Sư ở An Tráng đến dự, tặng một tấm biển “Tam Giáo Đồng Tông” để làm kỷ niệm.

Ngày Rằm/3/Tân Mùi (1931) Gia đình ông Võ Vĩnh Học và ông Võ Chí Thanh mời bốn đạo và lý trưởng cam kết hiến cúng sở chùa, ruộng vườn cho bốn đạo. Đến năm Mậu Dần (1938), quý vị thương thuyết với chính quyền được xã và huyện đồng thuận, xin một số dân công tư ích tu bỏ lợp ngôi sở chùa và xây thêm một cái nhà đông.

Ngày 01/7nh/Mậu Dần (25/8/1938), chủ tự cùng bốn đạo Bảo Tế Đường ở Hòa An đã được đoàn sứ giả Truyền Giáo về tổ chức lễ qui hiệp đạo Cao Đài, có 7 cơ sở Thiên bàn với 479 người qui nguyên về Đại Đạo. Cơ cấu hành chánh đạo đầu tiên ra đời do đạo huynh Võ Vĩnh Học làm chủ thất; Phùng Chí Thanh phó chủ thất; Võ Thanh Dực làm Hội trưởng; Tống Phước Hậu lễ sĩ kiêm giáo viên, Võ Thanh Khiết làm từ hàng; Trần Thanh Hà và Nguyễn Thanh Trí làm thông tín, Phùng Tri Tảo nghị nông, Phan Như Chấn và Nguyễn Dực làm nghị công; Trần Như Ngọc và Nguyễn Thanh Giảng là phổ thông; Phan Ngọc Bộ thủ bôn; quý vị Trần Thiệu, Nguyễn Thời, Nguyễn Nhân, Nguyễn Phú Nhuận làm nghị viên gắn kết với chư đạo hữu Lê Tri Toàn, Phùng Khảm, Nguyễn Y Nhơn cùng các bà Tri Bồ Hóa, Cửu Quỳnh... là những người nhiệt tâm tham gia đạo sự, tạo nên diện mạo đầu tiên một Họ đạo Cao Đài giữa vùng rừng núi xứ nguồn đất Quảng.

Ngày 01/10/ Mậu Dần (1938), Ôn Trên ban cho Bảo Tế đường có Thánh hiệu Trung Hòa. Từ đây, với đức tin kiên định, người Cao Đài sống đạo đoàn kết thương yêu đã mở ra một trang mới cho đời sống đạo đức, khơi dậy nguồn mạch văn hóa tâm linh cho cư dân Tiên Lãnh. Đúng như Ôn Trên khai thị:

*“Trung Hòa nhọc cả đôi bên,
Bước đường hành sự dưới trên thấy đồng”.*

Lịch sử Trung Hòa thất là những trang đầy biến động, nhân sinh chung tay viết nên những trang bi hùng, có lúc đầy hào quang nguồn vui và cũng có tháng ngày thâm nhiều khổ đau, chua cay. Dù thời thế thăng trầm cộng đồng áo trắng Trung Hòa cũng tỏ rõ chí nguyện nhất tâm thờ Thầy giữ Đạo, sống trong phúc lành và gắn kết cùng nhau qua 10 thời nhiệm Đầu Họ Đạo và đã tạo nên nhiều công tích đặc biệt. Động lực nhiệm màu chính là tin lời Thánh truyền chỉ dạy, khích lệ nhân sinh sống chết vì đạo, ví như câu:

“Thử ai bá, thử ai vương,

Cửa càng đóng lại thì đường rộng thêm”.

• **2** Truy niệm lai lịch Thánh thất, với lòng ngưỡng mộ chân thành xin ghi lại những dòng rạn vỡ nhất.

Buổi đầu lập thất, đời sống người tín hữu chỉ là tập tu. Từ việc học đạo và thực hành lễ bái cũng là chuyện mới lạ, nhưng đức tin người Cao Đài vào ơn cứu độ thì tinh khôi nguyên vẹn. Chư vị Võ Vĩnh Học và Tống Phước Hậu vừa lo việc truyền bá Đạo Trời - tuần nào cũng có người xin nhập môn, vừa “bao sân” chuyện quan, hôn, tang, tể; vừa lo toan thực thi các công trình an sinh xã hội, Vận động bổn đạo trồng một vườn quế ở Gò Gia, mua ruộng lập sở nông tại Đồng Tròn (đương thời thuộc xã Hòa Tân). Cư dân vốn nhiều đời nghèo khó, nhưng có đạo sự vẫn sẵn lòng hiến công lập đức, tinh thần sinh hoạt tu học hoan hỷ như dự lễ hội, hẹn hò nao nức, vui lắm.

Sau những năm tháng pháp nạn khắc nghiệt, qua nhiều lần nhà Thánh bị đóng cửa, chức sắc bị giam tù. Có khi chính quyền huyện Tiên Phước không cho sinh hoạt và ra lệnh ngưng tụ hội lễ bái. Tháng 8/Quý Mùi (1943) đóng cửa nhà Thánh, chỉ cho phép tu tại gia... nhân sinh bị tra xét. Những khổ nạn này chỉ là bài học thử thách chí tu chí đạo của tín chúng. Số đông bổn đạo vẫn một lòng hồi hướng tâm linh, nương kinh kệ làm sức sống, ơn lành Thầy Mẹ luôn che chở tín đồ vượt qua mọi điều khốn khó.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính thực dân Pháp, chư Hướng đạo tổ chức lễ phục hưng khắp các Thánh sở Cao Đài. Ngày 05/5/Ất Dậu (1945) Thánh thất Trung Hòa long trọng tổ chức lễ khôi phục môi

trường tâm linh nhà Thánh. Công cử Ban Cai quản mới, hình thành Tráng Anh đoàn... kết tụ 21 xã đạo với 1400 tín hữu tham dự. Sự kiện này khẳng định rằng nhiệt huyết tu học lập công như ngọn “huê đăng bất diệt”. Đức tin Cao Đài mãi bùng sáng trong cộng đồng nhân sinh, như là mạch nước ngầm thuần khiết và luôn mạnh mẽ.

Năm Bính Tuất (1946) theo lệnh Cơ Quan Truyền Giáo kêu gọi các Hộ đạo vận động công quả, đạo huynh phó hội trưởng Huỳnh Đức Lý và 22 đạo hữu gánh gạo từ Tiên Lãnh về hỗ trợ cho sở nông Phước Hội. Đồng thời tại Trung Hòa lập ban tiếp cư đón bổn đạo Thiên bàn Tam Phú di cư về Thánh thất. Cử Ban đốc công do đạo huynh Nguyễn Thanh Trí làm trưởng ban, lập xưởng tiểu thủ công nghệ, xây trường mở lớp dạy trẻ em... Tất cả những hoạt động xã hội này khơi sâu lòng nhiệt huyết người Cao Đài thuần thành, mọi người tham gia đạo sự và tự nguyện gánh nhận công việc thích hợp. Cuối năm Mậu Tý (1948), đạo huynh Võ Đình Huy dẫn tẩn cho một số anh em dân tộc thiểu số nhập môn, sau này hình thành nên xã đạo Hòa Gia, Xã đạo duy nhất trong hệ đồ Truyền Giáo có tín đồ là người dân tộc.

Năm Nhâm Thìn (1952) đời sống xã hội đương thời muôn vàn khó, nhưng nhà Thánh vẫn tứ thời kinh kệ, bổn đạo góp 4.800 đồng mua hai sớ đất núi, vận động 13.500 đồng và 10 ang lúa chia sẻ với bổn đạo gặp nạn đói ở Hưng Đông và Từ Vân, “chia lửa” với vùng duyên hải Quảng Nam. Trung Hòa được xem là xứ đạo xa xôi tận miền nguồn núi rừng, cư dân sống trăm bề nghèo khó, nhưng đời sống tâm linh lúc nào cũng bùng mở sức sống và chan hòa nguồn vui. Những Thánh tích nhân sinh Trung Hòa làm được là nhờ sức mạnh bí ẩn - đức tin mạnh mẽ, như lời mật khải khẳng định của Thiêng liêng:

Trung Hòa thật chiều mai quạnh quẽ,

Nhờ đức tin mạnh mẽ trỗi lên

Chung tay xây móng đắp nền.

Có ngày cũng rạng tuổi tên với người.”

(Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 02/01/Ất Mùi - 1955)

• **3** Trải qua một thập niên, các cơ sở đạo tại miền đông Tiên Phước lớn mạnh, tạo lập 11 Xã đạo nhưng việc sinh hoạt tu học xa xôi cách trở, Cơ Quan Truyền Giáo quyết định cho tách lập một Họ Đạo mới. Ngày 08/3/ Đinh Hợi (1947), Anh lớn Cao Hữu Chí - Đầu Tỉnh đạo Quảng Nam đại diện Hội Thánh dự hội nhân sanh và chủ trì bầu Ban Cai quản, lập một Thánh thất mới tách ra từ Thánh thất Trung Hòa. Năm Nhâm Thìn (1952), đàn cơ tại Thánh thất Trung An, Ôn Trên ban cho Thánh hiệu Khánh Vân.

Năm Canh Tý (1960), toàn đạo đã chung lo xây dựng Thánh sở với qui mô tam đài. Nhưng đến tháng 9/Tân Sửu (1962), do chiến tranh khốc liệt nên việc xây dựng tạm dừng và sau bị hư hại hoàn toàn. Năm Tân Sửu (1961), các Xã đạo Thạnh Bình, An Xá, Bàn An, Quế Phương, Phương Đông trình xin Hội Thánh tách ra hình thành Họ Đạo mới, thánh sở đặt tại xã Tiên An, huyện Tiên Phước. Ngày 15/2/Nhâm Dần (1962), Giáo hữu Tổng Phước Hậu về giữ nhiệm vụ Đầu Họ Đạo Thánh thất mới, Thánh hiệu Trung Phước.

Năm Mậu Thân (1968), bốn đạo tản cư ra Phước Long (Tiên Hiệp), văn phòng Thánh thất tạm dời về Xã đạo Trà Khương. Năm Canh Tuất (1970), Họ Đạo mua được đất để dựng Thánh sở mới (Nhà tôn vách đất). Năm 1973, hầu hết bốn đạo Trung Hòa đã rời quê xuống tạm cư tại Tam Kỳ, phân tán đi nhiều nơi. Lúc này Hội Thánh đang tổ chức đợt di dân vào miền Nam lập nghiệp. Nhiều gia đình đạo hữu đã tham gia vào sinh sống tại Phước Tuy (nay thuộc huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Sau năm 1975, đạo hữu về xây dựng lại xứ sở, nhưng cuộc sống khó khăn, việc sinh hoạt lễ bái cũng hạn chế. Văn phòng Họ Đạo mượn tạm nhà đạo huynh Lễ sanh Thượng Hào Thanh (đương nhiệm Đầu Họ Đạo) sinh hoạt lễ bái. Đến tháng 01/Canh Ngọ (1990), được phép của Hội Thánh và chính quyền, Họ Đạo tổ chức công cử Ban Cai quản mới để đảm trách các đạo sự. Qua nhiều lần chuyển dời thánh sở, đến tháng 7/2001, bốn đạo Trung Hòa mới có đất và kêu gọi công quả xây dựng giáo sở tại nền đình Hòa Phong (xã Tiên Lãnh, Tiên Phước),

hoàn thành dãy nhà cấp 4 nhưng cũng tạm có nơi sinh hoạt hồi hướng, hội học và tiến hành các đạo sự. Ngày 23/12/ Tân Tỵ (2001), tổ chức lễ An vị giáo sở, bắt đầu khởi động một hành trình mới.

• 4 Nhìn tổng quan lịch sử phát triển Trung Hòa, qua một thế kỷ có trăm chuyện kể nhưng chưa bao giờ cũ.... Đất Tiên Lãnh với Trung Hòa đã khai mở đạo mạch Cao Đài, nơi từng có lễ hội quy tụ hàng ngàn tín chúng, nơi dừng chân của nhiều bậc Hưởng đạo tiền bối về hướng dẫn nhân sinh tu học. Trung Hòa trải qua thời khó khăn nhất cũng mạnh dạn lập sở nông, tạo dựng xưởng công nghệ, mở trường dạy học... Từ Trung Hòa tràn đầy hào khí dưới ngọn cờ Quyền Hội Thánh Trung Kỳ, rồi khai sinh ra Khánh Vân, tách lập Thánh thất mới là Trung Phước... hàng trăm gia đình bỏ đạo theo chân đoàn quân hoang lập áp vào miền Nam. Tất cả những sự kiện này khiến Trung Hòa ngày càng thu hẹp số lượng đồ chúng, hao hụt nguồn nhân lực.

Hơn 80 năm hay còn lâu hơn nữa, Trung Hòa vẫn là vùng đất khó khăn tứ bề, tuy chỉ còn tổng số tín đồ 325 với 5 xã đạo, nhưng nay thì đời sống tín ngưỡng bỏn đạo đã thực sự hồi sinh. Nhà Thánh đang sở hữu khuôn viên 500m² (có sổ đỏ, mặt bằng thực tế rộng lớn hơn nhiều) nằm trên ngọn đồi tuyệt đẹp. Đạo huynh Đầu Họ đạo - Lễ sanh Thượng Ưu Thanh thường trực tại thất, là nhân vật đang thấp lửa cho nhân sinh hướng đến bước phát triển mới, kỳ vọng chuyện xây dựng một ngôi tam đài để Trung Hòa linh ứng với ân oai và quyền pháp giáo hội. Đức tin duy nhất mạnh mẽ và bất tử của cộng đồng nhân sinh là Trung Hòa đem lại nguồn sống yêu thương, đạo vô vi màu nhiệm sẽ đưa bước người Cao Đài trải nghiệm và cảm thấu được ơn phúc huyền linh:

*“Thất Trung Hòa gắng lo xây đắp,
Sẽ được Thầy cho gặp huyền linh;
Chung tay giữ Đạo vô hình,
Tín đồ cung kính điển linh được nhờ”.*

(Đàn tại Trung Hưng Bửu Tòa, 20/01/Đinh Dậu -1957)



TỔNG PHƯỚC HẬU

vui cảnh đại thừa



Đạo huynh Giáo hữu Ngọc Hậu Thanh thể danh Tổng Phước Nguyên, biệt hiệu Đông Phong, Thánh danh Tổng Phước Hậu. Sinh ngày 01/10/Đinh Dậu (1897) tại thôn Hòa An, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Con ông Tổng Phước Dục và bà Nguyễn Thị Nội, pháp danh Nguyễn Diệu Lương.

Tuổi thơ là một thiếu niên thông minh, đặc biệt có trí nhớ thiên bẩm, đạo huynh đã đạt bằng yếu lược, tuyền sanh, khóa sanh. Trưởng thành làm nghề dạy học. Nhập môn theo đạo Minh Sư tại chùa Bảo Tế (Hòa An) vào ngày 18/02/Mậu Thìn (1928) do Đạo trưởng Huỳnh Ngọc Trác hướng dẫn. Cùng đồng đạo Minh Sư chùa Bảo Tế quy nguyên đạo Cao Đài ngày 30/07/Mậu Dần, thọ giới trường trai.

Nhân sanh công cử làm Lễ sanh Thánh thất Trung Hòa ngày 01/11/Mậu Dần (1938). Được Thiên phong Lễ sanh Ngọc Hậu Thanh vào ngày 01/08/Ất Mùi (1955).

Tháng 8/Canh Thìn (1940), đạo huynh chủ thất Võ Vĩnh Học qui tiên, sau đó, chức sắc Quyền Hội Thánh Trung Kỳ và toàn đạo tổ chức hội nghị nhân sanh, nhất trí mời đạo huynh Lễ sanh Tổng Phước Hậu thường trụ tại Thánh thất. Đạo huynh phát nguyện dẫn thân phụng hiến nhân sinh, kết hợp cùng thủ môn Nguyễn Y Nhơn và thư ký Võ Như Ý tận lực lo củng cố bộ máy hành chánh đạo, chăm lo đời sống tu học cho tín chúng. Đương thời cơ đạo chinh nghiêng, nhưng để thực thi quyền pháp, chư Hướng đạo triệu tập tất cả chức sắc đang hành đạo tại các Thánh thất về lập đại hồng thệ và ký vào bản Thiên thư pháp lục. Ai giữ trọn vẹn thì được gạch đỏ, bằng không thì bị gạch đen. Trải qua nhiều khảo thí nhưng tâm tu và đức tin vẫn kiên định nên đạo huynh Tổng Phước Hậu và Nguyễn Y Nhơn tại Trung Hòa vẫn chu toàn sứ vụ, giữ trọn lời hồng thệ.

Ngày 15/10/Bính Tuất (1946) Hội Thánh cử Lễ sanh Tổng Phước Hậu (Đầu Họ đạo Thánh thất Trung Hòa) làm đại biểu Cao Đài tại huyện Tiên Phước.

Ngày 15-10/Đinh Hợi (1947) trình đơn xin nghỉ dưỡng bệnh, không giữ chức Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Hòa mà chỉ giữ nhiệm vụ cố vấn.

Ngày 20/04/Mậu Tý (1948), đạo huynh dự khóa huấn luyện Giáo hữu phổ thông do Cơ Quan Truyền Giáo tổ chức tại Thánh thất Trung An, mãn khóa đạo huynh được phụ trách việc phổ truyền chơn pháp tại Tỉnh đạo Quảng Nam. Ngày 01/07/Ất Mùi (1955) giữ nhiệm vụ Giáo sĩ trong Cơ Quan Truyền Giáo đến các Thánh thất trong tỉnh để vận động công việc xây cất Trung Hưng Bửu Tòa.

Sau ngày thành lập Hội Thánh Truyền Giáo, Ngọc Hậu Thanh được Thiên phong Quyền Giáo hữu ngày 15/5/Đinh Dậu (1957).

Đến ngày 17/5/Đinh Dậu (1957) được bổ nhiệm Đầu Họ Đạo Thánh thất Mỹ Long, Quảng Ngãi. Ngày 01/08/Mậu Tuất, Hội Thánh cho kiêm nhiệm hai tiểu Thánh thất Phước Thiện, Lý Sơn (Quảng Ngãi). Ngày 15/02/Kỷ Hợi (1959), Hội Thánh tuyên bố Đầu Họ Đạo Thánh thất Sông Vệ, Quảng Ngãi.

Ngày 15/02/Nhâm Dần (1962), Hội Thánh bổ nhiệm làm Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Phước, (xã Tiên An, huyện Tiên Phước). Chiến tranh lan tràn, cùng bốn đạo tản cư xuống Tam Kỳ.

Ngày 20/11/ Đinh Mùi (1967), Vị Đầu Họ Đạo Ngọc Hậu Thanh về Tỉnh đạo báo tình hình và lưu trú luôn tại Tam Kỳ. Thời gian này đạo huynh vẫn tiếp tục công việc Đầu Họ Đạo Trung Phước và kiêm nhiệm sứ vụ Trưởng ban Phổ tế Tỉnh đạo Quảng Tín cho đến khi qui tiên vào ngày 26/10/ Canh Tuất (1970). Hiện nay linh cốt được an táng tại nghĩa trang Cao Đài Tam Kỳ. Phần mộ đã được xây đắp tốt đẹp do các môn sinh và toàn đạo chung công kỉ niệm với một vị chức sắc cũng đã dày công với cơ Đạo miền Trung.

Hơn ba mươi năm xả thân hành đạo, đạo huynh trải tâm trường vị nhân sinh, tận tụy thực thi sứ vụ. Đạo huynh Ngọc Hậu Thanh từng ném trái khảo nạn lao tù, sức

khỏe không an ổn lắm vẫn biểu lộ tinh thần khâm tuân đạo pháp. Theo lệnh Hội Thánh từng đảm nhiệm Thiên chức Đầu Họ đạo tại 6 Thánh thất. Lần theo bước chân phụng đạo, đáng ghi nhận đạo huynh đã lưu lại cho hậu thế một công trình đặc biệt. Đạo huynh hoàn thành những trang “Ném mùi đời”, tập hồi ký theo thể loại vè. Bản di cảo này, được Thân Hữu xuất bản năm 1973, đây là di sản sử liệu quý hiếm của Cơ Đạo miền Trung. Cuộc đời và công đức thanh cao của đạo huynh minh chứng rằng - Thật tâm sống đạo thì không chi vui bằng làm người chân tu, hết lòng phụng sự nhân sinh.

*“Ngọc Hậu Thanh màn trời quang
rạng,*

Nét tranh còn in dáng lòng xưa;

Chi vui bằng cảnh đại thừa,

Chi hơn cái thú tương đưa tu hành.”

(Đàn cơ TT. Thái Hòa,
ngày 01/6/Ất Mùi - 1955)





Lòng tốt

Trần Quốc Huân

Dại dịch Covid-19 đã và đang tạo nên những tác động ghê gớm lên cả hành tinh chúng ta lẫn cuộc sống của từng người.

Một nhà báo chuyên về kinh tế đã ngâm ngùi điểm lại sự sụp đổ của các đế chế kinh doanh chỉ trong một năm đại dịch hoành hành:

1. Victoria's Secret tuyên bố phá sản.
2. Zara đóng cửa 1.200 cửa hàng.
3. La Chapelle rút 4391 cửa hàng.
4. Chanel đã ngừng sản xuất.
5. Hermes bị ngưng.
6. Patek Philippe ngừng sản xuất.
7. Rolex ngừng sản xuất.
8. Ngành công nghiệp xa xỉ của thế giới đã ngừng sản xuất.

9. Nike có tổng cộng 23 tỷ USD chuẩn bị cho giai đoạn sa thải thứ hai.

10. Ngành du lịch thế giới với giá trị hàng ngàn tỷ USD đã tê liệt.

11. Người sáng lập Airbnb nói rằng vì đại dịch, 12 năm nỗ lực đã bị phá hủy trong 6 tuần.

12. Ngay cả Starbucks cũng tuyên bố đóng cửa vĩnh viễn 400 cửa hàng của họ.

Cả đời người có khi chỉ chứng kiến 1 sự kiện thế kỷ như vậy!

Những thay đổi lớn lao ấy một lần nữa lại khẳng định chân lý ngàn năm: Đời người vô thường, không có gì là vĩnh cửu, trái lại tất cả đều có thể phôi pha, tan biến. Mất - còn là chuyện đương nhiên và ai ai cũng phải đối diện và làm quen với những còn - mất xảy ra trong cuộc đời.

Chúng ta ít nhiều đã nếm trải cái trống vắng kinh khủng của sự mất mát, mất tài sản, mất người thân, mất sự nghiệp.

Trước những lần mất mát với những cái mất tưởng như không bao giờ tìm lại được, người ta có nhiều thái độ khác nhau. Có người trả thù đời, báo thù người, có người sợ hãi, buông xuôi, có người nhẫn nại tìm cách xây dựng lại từ đầu. Có thái độ làm cho người ta mất nhiều hơn nữa, mất tất cả. Có thái độ làm cho người ta không những tìm lại được những gì đã mất mà còn có thêm nhiều hơn nữa.

Có một thứ dù thế nào đi nữa chúng ta cũng không thể để mất, và nếu giữ được thì ta chắc chắn luôn có và có ngày càng dồi dào. Đó là lòng tốt.

oOo

Lòng tốt là thứ người ta dễ đánh mất nhất, mặc dù là thứ vô cùng quý. Trước hết, người ta dễ đánh mất lòng tốt chỉ vì thói vị kỷ, vì không muốn làm cho người khác điều tốt lành, e rằng người khác sẽ hạnh phúc hơn mình. Mỗi khi ta gặp khó khăn, trở ngại, hay chịu thất bại thì đó là lúc lòng tốt

nơi ta bị chao đảo. Không dễ tiếp tục làm điều tốt khi lòng tốt bị lợi dụng, không dễ kiên nhẫn trao những điều tốt lành, khi bị người chơi xấu. Lòng tốt còn bị thử thách nặng nề và dễ bị đánh gục bởi những thị phi vô trách nhiệm, và hoàn cảnh nghiệt ngã.

Lòng tốt được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau như lòng nhân, lòng thành, nhân đạo, thiện tâm, sự tử tế. Tuy mỗi danh xưng có một sắc thái riêng biệt, nhưng tựu trung tất cả đều quy về tấm lòng con người dành cho nhau. Lòng tốt nói lên nét đẹp nhân loại mà chỉ loài người mới có. Và nếu làm người mà không có lòng tốt, thì không xứng hợp với địa vị của con người, được sinh ra trong đời từ lòng tốt của mẹ cha, lớn lên nhờ lòng tốt của nhiều người, và có lòng tốt với người khác là bổn phận phải chu toàn.

Lòng tốt không thể biến mất đi, dù có bị đau đớn, thê lương thế nào đi nữa, thì đừng để lòng tốt rời xa con người, đừng tách lòng tốt khỏi con người. Đau khổ, khốn khổ không thể biện minh cho việc không có lòng tốt, không có bất cứ lý do nào cho phép lòng tốt vắng mặt.

Vì lòng tốt là sức mạnh, niềm vui của con người, mà rời lòng tốt ra, con người không thể nhận ra phẩm giá cao quý và hạnh phúc được làm người của mình, bởi lòng tốt là tấm gương cho ta thấy mình, và cho người gặp ta. Lòng tốt như cánh tay nối dài vươn đến vô tận của tình người, làm cho đời người rực rỡ niềm vui. Lòng tốt bảo đảm tương quan tốt đẹp giữa người với người, thăng tiến tình yêu tha nhân.

Đức Dalai Lama có nhiều giảng dạy về lòng tốt:

- “Mục đích chính của chúng ta trong đời là giúp đỡ người khác. Và nếu bạn không giúp được họ thì đừng hại họ.”

- “Tôn giáo của tôi rất đơn giản. Tôn giáo của tôi là tình yêu thương.”

- “Mục đích của tôn giáo là lan tỏa tình yêu, lòng trắc ẩn, tính kiên nhẫn, lòng bao dung, sự khiêm tốn và sự vị tha.”

- “Chúng ta có thể sống thiếu tôn giáo và thiền tập nhưng không thể thiếu tình yêu thương giữa con người.”

- “Đây là thứ tôn giáo đơn giản của tôi. Không cần chùa chiền.

Không cần triết lý phức tạp. Chùa chiền nằm trong tâm hồn và trái tim của bạn. Triết lý chỉ đơn giản là lòng tốt của bạn.”

oOo

Từ chỗ “đừng làm hại người khác” đến “giúp đỡ người khác” đã là một bước dài. Song lời kêu gọi “Hãy yêu kẻ thù” của Đức Giêsu mới là giáo huấn độc đáo nhất.

Người đã cắt nghĩa rất cụ thể, yêu thương kẻ thù là :

- Làm ơn cho kẻ ghét mình.

- Chúc phúc cho người nguyên rủa mình.

- Cầu nguyện cho kẻ vu khống mình.

- Ai vả má này thì đưa cả má kia.

- Ai lột áo ngoài thì cho cả áo trong.

- Ai lấy gì thì đừng đòi lại...

Lý do của thái độ nhân ái, lòng yêu thương bao la ấy, là con cái phải noi gương Thiên Chúa là Cha ngự trên trời “Người làm cho mặt trời mọc lên trên người lành cũng như kẻ dữ, làm cho mưa xuống trên kẻ lành cũng như người bất lương...”

“Yêu thương kẻ thù” là một nghĩa cử anh hùng, một nỗ lực vượt thắng tình cảm tự nhiên, vượt trên phản ứng thường tình của con người. “Yêu thương kẻ thù” là bước vào thế giới siêu nhiên của con cái Chúa, sống nhân hậu và hoàn thiện như Cha trên trời.

Khi dạy “Hãy yêu kẻ thù”, Đức Giêsu không có ý cổ vũ sự nhu nhược, hèn nhát nhưng là đề nêu cao tinh thần khoan dung hiền từ quảng đại tha thứ.

“Hãy yêu kẻ thù”, đó là lệnh truyền khó thi hành nhất trong các lệnh truyền của Đức Giêsu. Chính Ngài đã làm gương khi xin Chúa Cha tha thứ cho những kẻ hành hạ, đóng đinh mình trên thập giá “Lạy Cha, xin tha cho họ vì nó làm chẳng biết”. Chính hành vi cao cả này đã thể hiện trọn vẹn tình yêu của Thiên Chúa. Đó cũng là nét cao quý nhất trong dung mạo Đấng Cứu Thế. Người đến để yêu thương và cứu chuộc con người. Người đến để tha thứ và đem lại cho con người cơ may hầu sám hối và canh tân.

Như vậy Đức Giêsu mở ra con đường mới cho nhân loại. Con đường lấy thiện thắng ác, lấy tình

yêu vượt thắng hận thù. Chỉ có yêu thương mới làm cho thù hận tiêu tan.

Giới răn của Đức Giêsu “Hãy yêu thương kẻ thù” là một sự từ bỏ triệt để bạo lực. Bất bạo động không phải là một chọn lựa cho sự nhu nhược hay thụ động, nhưng chọn lựa bất bạo động có nghĩa là tin tưởng mạnh mẽ vào sức mạnh của chân lý, của công bằng và tình yêu hơn là sức mạnh của chiến tranh, vũ khí và hận thù.... Chúng ta phải cố gắng dùng điều tốt nhất để đáp lại điều xấu nhất. Thay thù hận bằng tình yêu là một việc khó khăn nhất trên đời, nhưng cũng là hành động để nên thánh!

Người Kitô hữu cố gắng học theo lòng quảng đại của Thiên Chúa, sẵn sàng tha thứ, không đòi trả thù và oán hận chống lại người khác.

Khi đến trần gian, Đức Giêsu đã mang ơn cứu độ từ trời xuống cho nhân loại, nhưng ơn cứu độ này lại được ban cách ưu tiên cho kẻ tội lỗi như Ngài đã nói: “Ta đến không phải để kêu gọi người công chính, mà là kêu gọi người tội lỗi”. Dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu đã làm nên sự nổi bật của Kitô giáo. Như vậy, nếu

các Kitô hữu không cố gắng bắt chước tình yêu không phân biệt của Thiên Chúa, họ sẽ không tốt hơn những người khác.

Chính sự tha thứ sẽ giải phóng con người, còn nếu nuôi lòng hận thù báo oán thì con người sẽ chuốc lấy sự đau khổ. Khi chúng ta ghét kẻ thù là chúng ta cho họ quyền áp đảo chúng ta.

Nói cách khác, viên đạn căm thù chỉ có thể làm thương tổn kẻ thù chúng ta sau khi đã xuyên qua thân xác chúng ta trước. Khi nuôi trong mình sự trả thù thì đồng nghĩa với việc ta đào thêm một cái hố nữa để chôn chính ta. Người Hy Lạp cổ thường ví von như sau: “Người khôn ngoan thà chịu đựng sự ác hơn là làm điều ác”. Chúng ta biết chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng hoàn thiện, tốt lành vô cùng, chúng ta không thể trọn hảo như Ngài được. Nhưng chúng ta phải nên trọn lành như ý Ngài muốn, theo mẫu gương thánh thiện của Ngài, là Đấng làm cho mặt trời mọc lên trên người lành cũng như kẻ dữ.

Đỉnh cao của lời mời gọi yêu thương đó là lời nguyện tha thứ của Đức Giêsu trên Thập Giá: “Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì

chúng không biết việc chúng làm” tình thần ấy đã thúc đẩy tình yêu đến mức độ anh hùng: đặc biệt là tha thứ cho kẻ thù và lấy ân báo oán. Như vậy “Các con sẽ là con Cha trên trời, Đấng cho mặt trời chiếu soi kẻ dữ cũng như người lành, và cho mưa trên người công chính cũng như kẻ bất lương”.

Cuối cùng, yêu thương tha thứ phải được định hướng bởi sự thật. Không có sự thật thì tình thương trở thành mù quáng. Yêu hoa, không có nghĩa là yêu luôn cả những con sâu ẩn núp trong những cánh hoa. Đức ái Kitô Giáo đòi hỏi phải đấu tranh tích cực để khử trừ tội ác và cứu vớt con người, biến kẻ thù thành anh em, biến con người thành con Chúa. Đây là một lý tưởng cao đẹp để chúng ta phấn đấu hằng ngày. ☯





Mẹ Teresa

Phạm Sĩ Dũng *suru tâm*

I- TIỂU SỬ

Mẹ Têrêsa (còn được gọi là **Thánh Têrêsa thành Kolkata**; tên khai sinh tiếng Albania: *Anjezë Gonxhe Bojaxhiu*; 26 tháng 8 năm 1910 - 5 tháng 9 năm 1997) là một nữ tu và nhà truyền giáo Công giáo Rôma người Albania.

Bà sinh tại Skopje (thủ đô Cộng hòa Macedonia ngày nay), khi đó thuộc Đế quốc Ottoman. Sau khi sống ở Macedonia trong 18 năm, bà tới Ireland rồi Ấn Độ, nơi bà sống trong phần lớn cuộc đời còn lại. Bà sáng lập Dòng Thừa sai Bác Ái tại Kolkata (Calcutta), Ấn Độ năm 1950. Thành viên Dòng tu phải tuân thủ lời thề trinh bạch, khổ hạnh và phục tòng cũng như lời thề toàn tâm toàn ý phục vụ miễn phí những người nghèo nhất trong những người nghèo. Trong hơn bốn mươi năm, bà chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi, người hấp hối, trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ, và đến các quốc gia khác.

Năm 1970, Mẹ Têrêsa trở thành một nhân vật toàn cầu nổi tiếng với các hoạt động nhân đạo cứu giúp người nghèo và những

người sống trong hoàn cảnh tuyệt vọng, một phần là nhờ một quyển sách và cuốn phim tư liệu tựa đề *Something Beautiful for God* của Malcome Muggeridge. Bà được trao Giải Nobel Hòa bình năm 1979 như một sự vinh danh cho các hoạt động nhân đạo của bà.

Dòng Thừa sai Bác ái của Mẹ Têrêsa tiếp tục phát triển. Cho tới năm 2012, Dòng Thừa sai Bác ái có hơn 4500 nữ tu và hoạt động tại 133 quốc gia và điều hành 610 cơ sở truyền giáo, trong đó có các nhà trọ và nhà tình thương có người mắc bệnh HIV/AIDS, cũng như bệnh nhân phong và lao, các bếp ăn từ thiện, các chương trình tư vấn cho gia đình và trẻ em, các trại mồ côi, và trường học.

Mặc dù Têrêsa được tôn vinh bởi nhiều cá nhân, chính quyền và các tổ chức, bà cũng là mục tiêu của không ít chỉ trích từ những người như Christopher Hitchens, Aroup Chatterjee, và Vishva Hindu Parishad. Thường thì những phê phán này nhắm vào nỗ lực cải đạo trong công tác từ thiện, trong đó có việc rửa tội cho những người sắp chết; lập trường cứng rắn

chống phá thai, và việc cho rằng sự nghèo khó có thể tạo điều kiện cho những lợi ích tâm linh.

Sau khi mất, bà được Giáo hoàng Gioan Phaolô II phong Chân phước. Chủ nhật ngày 4 tháng 9 năm 2016, Giáo hoàng Phanxicô đã chủ sự thánh lễ Tuyên Thánh cho bà tại Quảng trường Thánh Phêrô ở Vatican với khoảng 120.000 người tham dự.

II- DANH NGÔN CỦA MẸ TÊRÊSA

1/ Bạn có thể làm gì để xây dựng hòa bình thế giới? Hãy về nhà và yêu thương gia đình của mình.

2/ Chúng ta hãy luôn gặp nhau với nụ cười, bởi nụ cười là điểm bắt đầu của yêu thương.

3/ Nếu bạn phán xét người khác, bạn chẳng còn thời gian để yêu thương họ nữa.

4/ Tình yêu bắt đầu ở nhà; tình yêu sống trong nhà, và đó là vì sao thế giới hôm nay lại nhiều khổ đau và bất hạnh đến như thế... Con người ngày nay dường như ai cũng quá vội vã, lo lắng muốn đạt được những bước tiến xa hơn và của cải nhiều hơn, và đại loại

như thế, đến nỗi con cái có quá ít thời gian với cha mẹ mình. Cha mẹ chúng có quá ít thời gian dành cho nhau, và hòa bình thế giới bị chia cắt bắt đầu từ mái ấm.

5/ Quan trọng không phải chúng ta cho đi bao nhiêu, mà là chúng ta dành bao nhiêu sự yêu thương để cho đi.

6/ Không phải tất cả chúng ta đều làm được những điều vĩ đại. Nhưng chúng ta có thể làm những điều nhỏ nhất với tình yêu vĩ đại.

7/ Hãy trao tặng tình yêu thương bất cứ nơi đâu bạn tới: trước tiên trong chính mái ấm của mình. Hãy yêu thương con cái, bạn đời, và cả những người hàng xóm... Đừng để ai tới với bạn mà không rời đi tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn. Hãy là hiện thân sống động cho lòng nhân ái của Chúa Trời bằng cách thể hiện lòng nhân ái trên gương mặt, trong ánh mắt, trong nụ cười và cả trong những lời chào nồng ấm.

8/ Tình yêu là loại quả của cả bốn mùa, và nằm trong tầm với của mọi bàn tay.

9/ Sự nghèo khó khốn cùng nhất là nỗi cô đơn và cảm giác không được yêu thương.

10/ Tôi tìm ra một nghịch lý, rằng nếu bạn yêu sâu sắc tới mức đau đớn, sẽ chẳng thể có thêm đau đớn nữa, chỉ có thêm tình yêu.

11/ Đôi khi chúng ta nghĩ nghèo khó chỉ là đói khát, thiếu mặc và vô gia cư. Sự nghèo khó bởi không được mong muốn, không được yêu thương và không được chăm sóc mới là sự nghèo khó lớn nhất. Chúng ta phải bắt đầu từ mái ấm của chính mình để cứu chữa loại nghèo khó này.

12/ Việc tốt là những mắt xích tạo nên sợi xích tình yêu.

13/ Chúng ta cảm thấy điều chúng ta đang làm chỉ là một giọt nước trong đại dương. Nhưng đại dương sẽ ít hơn chỉ bởi thiếu đi giọt nước ấy.

14/ Đừng nghĩ rằng để chân thật, tình yêu phải phi thường. Điều chúng ta cần là yêu mà không mệt mỏi.

15/ Những lời tử tế có thể ngắn và dễ nói, nhưng tiếng vọng của chúng thực sự vĩnh cửu.

16/ Mỗi khi bạn cười với ai đó, đó là một hành động của yêu thương, một món quà, một điều đẹp đẽ.

17/ Đừng để ai đến với bạn mà không rời đi tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn. Hãy là sự truyền đạt sống động cho lòng nhân từ của Chúa trời: lòng tốt trên gương mặt, lòng tốt trong đôi mắt, và lòng tốt trong nụ cười.

18/ Một mình tôi không thể thay đổi thế giới, nhưng tôi có thể ném hòn đá lên mặt nước để tạo nhiều con sóng.

19/ Nếu bạn không thể làm trăm người đỡ đói, chỉ cần một mà thôi.

20/ Ngày hôm qua đã đi rồi. Ngày mai còn chưa tới. Chúng ta chỉ có hôm nay. Hãy bắt đầu thôi.

21/ Lời tử tế ngắn gọn dễ nói nhưng âm vang của nó thực sự vô tận.

22/ Hãy tận tâm với những điều nhỏ nhất, bởi điểm mạnh của bạn nằm ở đó.

23/ Tôi có thể làm điều bạn không thể, bạn có thể làm điều tôi không thể; cùng nhau, chúng ta có thể làm nên những điều lớn lao.

24/ Không ai trong chúng ta, kể cả tôi, làm được những điều vĩ đại. Nhưng tất cả chúng ta đều có thể làm được những điều nhỏ

nhật, với tình yêu lớn lao, và cùng nhau, chúng ta có thể làm được điều gì đó tuyệt vời.

25/ Có một số cách để luyện tập sự nhún nhường:

Nói càng ít càng tốt về bản thân.

Lo chuyện của chính mình.

Không muốn thao túng việc của người khác.

Tránh sự tò mò.

Vui vẻ chấp nhận mâu thuẫn và sự sửa chữa.

Bỏ qua lỗi lầm của người khác.

Chấp nhận tổn thương và sự xúc phạm.

Chấp nhận bị coi thường, lãng quên và ghét bỏ.

Tử tế và dịu dàng ngay cả khi bị khiêu khích.

Không khăng khăng câu nệ lòng tự trọng.

Luôn luôn lựa chọn đường gian nan nhất.



Tài liệu:

1/ Tự điển Danh ngôn (Internet)

Suy nghiệm từ truyện Kiều CỦA NGƯỜI HỌC ĐẠO

Ngọc Anh



Đã là người Việt, hầu như ai cũng biết đến Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du. Tôi vẫn còn nhớ, từ thuở còn nhỏ đã nghe ba tôi lấy Kiều. Vào mùa xuân ông hay ngâm nga:

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Hoặc khi có tâm sự thì:

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ Tài, chữ Mệnh, khéo là ghét nhau.

Lớn lên, khi ngồi ở ghế nhà trường, tôi thích nhất hai tác phẩm: Truyện Kiều và Chinh Phụ Ngâm của Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, vì nói lên được thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong cuộc sống nhiều biến cố!

Bây giờ, khi đã có tuổi và trở về đường đạo, tôi có thêm những suy nghiệm về Truyện Kiều.

I. Đôi nét về Thi hào NGUYỄN DU

1. Gia đình

Nguyễn Du (1765-1820), tên tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Ông sinh ra trong một gia đình quan lại có truyền thống khoa bảng

Quê quán:

- Quê cha: Tiên Điền, Hà Tĩnh là vùng đất sản sinh nhiều anh kiệt.
- Quê mẹ: Từ Sơn, Bắc Ninh là cái nôi dân ca Quan họ. Đây là hai vùng đất giàu truyền thống văn hóa. Do đó đã giúp Nguyễn Du có điều kiện tiếp xúc với nhiều vùng văn hóa, dùi mài kinh sử, vốn sống, vốn hiểu biết phong phú.

2. Thời đại xã hội.

Nguyễn Du sống vào thời kỳ loạn lạc, khủng hoảng xã hội, đất nước chia cắt, điều này ảnh hưởng đến tư tưởng trong sáng tác của ông.

3. Cuộc đời trải qua lắm gian truân

- Thời niên thiếu: sống sung túc trong gia đình quyền quý ở Thăng Long (cha ông từng giữ chức Tể tướng. Do biến cố năm 1789, Nguyễn Huệ tiêu diệt tập đoàn vua Lê - Chúa Trịnh) Ông phải trải qua cuộc sống phiêu bạt. Năm 1802, ông ra làm quan cho nhà Nguyễn. Nguyễn Du ốm, mất ở Huế năm 1820.

Cuộc đời thăng trầm, đi nhiều đã giúp ông có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.

4. Sự nghiệp văn học

- Sáng tác bằng chữ Hán: 249 bài trong 3 tập Thanh Hiên thi tập, Nam Trung tạp ngâm và Bắc Hành tạp lục.

- Sáng tác bằng chữ Nôm: Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều) và Văn Chiêu Hồn.

II. Đôi nét về tác phẩm Truyện Kiều

1. Hoàn cảnh sáng tác

Truyện Kiều (Đoạn Trường Tân Thanh) được Nguyễn Du sáng tác vào đầu thế kỷ 19 (khoảng 1805- 1809), thuộc thể loại Thơ Nôm với 3254 câu thơ lục bát.

Khi sáng tác Nguyễn Du có dựa trên cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, một thi sĩ thời nhà Minh, Trung Quốc nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là vô cùng lớn, mang đến sự thành công và sức hấp dẫn cho tác phẩm.

Đoạn Trường Tân Thanh kể lại cuộc đời, những thử thách và đau khổ của Thúy Kiều. Một người con gái xinh đẹp và tài năng, phải hy sinh thân mình để lo cho gia đình. Để cứu cha và em trai khỏi cảnh tù tội, cô bán mình kết hôn với một người đàn ông trung niên, không biết rằng anh ta là một kẻ buôn người, sau đó bị ép làm kĩ nữ trong lầu xanh. Trải qua vô số gian truân, mười lăm năm lưu lạc Kiều mới được trở về đoàn viên với gia đình.

2. Giá trị

- Truyện Kiều phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống con người.

- Phơi bày nỗi khổ đau của những người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ.

- Là tiếng nói ngợi ca những giá trị, phẩm chất cao đẹp của con người như nhan sắc, tài hoa... đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người: khát vọng về quyền sống, khát vọng tự do, công lí, khát vọng tình yêu, hạnh phúc.

- Về nghệ thuật: ngôn ngữ giàu đẹp, đạt đến đỉnh cao rực rỡ của ngôn ngữ văn chương.

- Với Truyện Kiều, nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn truyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, có những bức tranh thiên nhiên tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Nghệ thuật xây dựng nhân vật đạt đến thành công vang dội.

Kiệt tác Truyện Kiều hàng trăm năm nay đã được lưu truyền rộng rãi và có sự chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả. Tác phẩm đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới trong đó có tiếng Pháp, Anh, Nga, Hàn, Nhật... và được giới thiệu ở nhiều nước.

II. Suy nghiệm từ TRUYỆN KIỀU

Ngoài giá trị đỉnh cao của văn chương, Truyện Kiều còn thấm nhuần hương đạo:

1. Chữ Hiếu. Nhân gian có câu: “Nhân sinh bách hạnh, hiếu vi tiên” (người ta có trăm đức hạnh, chữ hiếu đứng đầu).

Kinh Thánh Giáo Bửu Cáo cũng có câu nghĩa tương tự: “Khai nhơn tâm tất bổn ư độc thân chi hiếu” (phàm làm người, hễ phận làm con thì trước phải hết lòng hiếu thảo với cha mẹ).

Kiều đã thề non hẹn biển với Kim Trọng, thế nhưng khi nhà gặp biến, cha và em vương cảnh tù tội Kiều không ngại ngần bán mình để có tiền chuộc cha:

Câu 601: *Duyên hội ngộ, đức cù lao*
Bên tình, bên hiếu bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
Quyết tình, nàng mới hạ tình:
Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha!

Sự hy sinh đó của Thúy Kiều đã động đến lòng Trời:

Câu 2683: *Lấy tình thâm, trả nghĩa thâm,*
Bán mình đã động hiếu tâm đến Trời!

2. Nghiệp duyên. Nhà Phật hay nói đến từ nghiệp duyên.

Duyên. Trong nhân gian chữ duyên mang ý nghĩa là phần trời định dành cho mỗi người về khả năng có quan hệ tình cảm. Người Việt Nam dùng chữ duyên để giải thích những tình cảm, hoàn cảnh...trong cuộc sống rất phong phú. Người ta thường cho rằng: Tu mười kiếp mới có duyên gặp nhau.

Khi vô tình gặp Kim Trọng, Kiều đã thốt lên:

Câu 181: *Người ơi gặp gỡ làm chi,*
Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Chữ duyên trong nhà đạo:

Ai biết đạo tức có duyên phần. (TNHT)

Duyên là mối dây ràng buộc vô hình từ kiếp trước. Phần là số phận. Duyên phần là cái số phận của mỗi người được định sẵn từ kiếp trước, thể hiện trong kiếp sống hiện tại.

Hoàn cảnh khiến Kim Trọng - Thúy Kiều chia xa, tác giả đã thốt lên:

Câu 2659: *Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan.*

Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.

Và khi gặp lại nhau:

Còn duyên may lại còn người!

Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa

Nghiệp. Nghiệp được dịch từ chữ Phạn Karma; nghĩa là động tác đẩy khởi từ thân, khẩu, ý. Động tác ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen, và khi đã thành thói quen thì nó có sức mạnh chi phối dẫn dắt con người theo nó. Kinh Phật dạy: “Chúng sanh làm chủ tạo nghiệp và thừa kế cái nghiệp mà mình đã tạo không do ai khác ngoài mình”. Tự ta tạo nghiệp và chính ta phải thọ lãnh kết quả của nó, không thể chối cãi được.

Truyện Kiều cũng đã nói đến nghiệp duyên

Câu 2679: *Sự rằng: “Song chẳng hề chi,*

Nghiệp duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều

Mười lăm năm phong trần luân lạc, bao đau khổ gian truân, cuối cùng khi sum họp với gia đình, Thúy Kiều tự an ủi:

Câu 3249: *Đã mang lấy nghiệp vào thân,*

Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa.

Vô minh: Vô có nghĩa là không; Minh là sáng. Vô minh là không sáng suốt, tức là còn mê muội, tối tăm, không thấy được cái lẽ thật của sự vật, không biết cái điều cần phải biết. Con người vì vô minh mà gây ra lầm lỗi, tạo nên oan nghiệt, phải chịu nhiều phiền não, cho nên Phật giáo cho vô minh là phiền não. Đã là con người thì bất kỳ ai cũng có thể vướng vào vô minh, kể cả người có tu, có học.

Vô minh có từ vô thi nên không có nguyên nhân, nhưng vô minh chính là nguyên nhân của tính đố kỵ, kiêu ngạo, tự đắc, của việc bị tình cảm sai khiến khiến ta đi sai đường đôi khi đưa đến những hậu quả đáng tiếc...

Trong truyện Kiều, Thúy Kiều thông minh khôn khéo đã ngăn được sự lừa dối của Kim Trọng khi hai người gặp nhau trong một đêm trăng đẹp và giữ được hình ảnh một mối tình đẹp như thơ:

Câu 505: *Đã cho vào bậc bố - kinh,
Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tuồng trên bậc, trong dâu
Thì con người ấy ai cầu làm chi?*

Nhờ vậy, chàng Kim đã dừng lại kịp thời:

Câu 523: *Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể, thêm vì mười phân.*

Nhưng cũng chính Thúy Kiều vì nghe lời ngon ngọt, chuộng lễ vật, thích danh lợi mà đã xiêu lòng nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng dẫn đến hậu quả vừa bị vừa hùng cho Từ Hải:

Câu 2519: *Khí thiêng khi đã về thần,
Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng!*

Cái chết của Từ Hải là kết quả cộng hưởng sự vô minh của một danh tướng và một nữ nhi tài sắc.

3. Chữ Tâm. Tâm có nghĩa là trái tim, cũng có nghĩa là lòng dạ.

Cổ nhân có nói: “Mạng hảo Tâm bất hảo, tiền trình khủng nan bảo” (Mạng tốt tâm không tốt, tương lai sợ khó giữ được).

Điều quan trọng của con người là cái Tâm, còn vận mạng tốt hay xấu của mỗi người đều do bởi cái nghiệp tạo ra từ kiếp trước. Người giữ được cái tâm tốt lành thì không bao giờ bị cùng khổ, nên cho dù trong hoàn cảnh nào cũng ráng giữ cái tâm cho trong sạch chơn chánh, làm nhiều điều tốt để hóa giải nghiệp xấu. Và Kiều đã thực hiện điều đó:

Câu 2717: *Tâm thành đã thấu đến Trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.*

Câu 3251: *Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài!*

Thầy đã dạy trong đàn cơ ngày 16- 09- Bính Tý, 1936:

*Người để tâm mất đi mạng đứt,
Trong thân người quý nhất là Tâm,
Mất đi nào khác thú cầm,
Thánh Hiền biết giữ cái Tâm cho còn. (ĐTCG)*

4. Tin vào Trời (Thượng Đế)

Thi hào Nguyễn Du đem thuyết “tài mệnh tương đố” (tài và mệnh ghét nhau) làm luận đề cho truyện. Thế nhưng ông lại gửi gắm toàn bộ thế giới quan của mình qua các câu thơ nhận xét về cuộc đời lưu lạc của Thúy Kiều: đó là tin vào Trời, mà người tín hữu Cao Đài vẫn xưng tụng là “THƯỢNG ĐẾ”

*Trời còn để có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.*

Hay trong những câu thơ cuối:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần, phải phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài, chữ mệnh, đôi dào cả hai.*

Kết luận

Nguyễn Du đã để lại một di sản văn chương đồ sộ với những tác phẩm kiệt xuất. Những sáng tác của Nguyễn Du là sự kết tinh những thành tựu chữ Hán và chữ Nôm của dân tộc, tổng hợp tinh hoa của nhiều thể loại văn học để sáng tác Truyện Kiều. Chẳng những thế ông còn thổi hồn Đạo vào tác phẩm của mình mà người theo học Đạo Thầy như chúng ta có thể chiêm nghiệm.

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần tinh hoa của văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Nguyễn Du rất xứng đáng với danh hiệu Đại thi hào dân tộc và Danh nhân Văn hóa thế giới (được UNESCO công nhận năm 1965). ☯

Ý NGHĨA KINH NHẬP HỘI

Tùng Nguyễn

KINH VĂN

*Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,
Giữa Tây Phương nắm giữ Thiên điều,
Dưới Ngọc Hư, kể bao nhiêu,
Thiên Liêng các đẳng lập triều trị dân.
Một nuôi nấng tinh thần tinh khiết,
Hai dạy răn cho biết tội tình,
Ba lo trị thế thái bình,
Cộng chung pháp luật Thiên Đình chỉ công.
Các con vốn trong vòng Thánh thể,
Phép tu vi là kế tu hành,
Mở đường tích cực oai linh,
Cây phương thuyết giáo vẽ thành kính chơn.
Đại Từ Phụ ra ơn dìu dẫn,
Diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh,
Để tìm dưới ánh Chí Linh,
Soi đường chơn lý, chỉ rành chánh văn.
Cơ chuyển thế khó khăn lắm nổi,
Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời,
Thuận nhen tâm ắt thuận Trời,
Câu kinh vô tự độ người thiện duyên.
Nguyện Ôn Trên cho yên trí não,
Nguyện Phật Tiên dạy bảo chơn linh,
Mang danh Hội Thánh đã đành,
Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
(Niệm 1 lần)

TÌM HIỂU Ý NGHĨA CÁC CÂU KINH

*Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự,
Giữa Tây Phương nắm giữ Thiên điều,
Dưới Ngọc Hư, kẻ bao nhiêu,
Thiên Liêng các đấng lập triều trị dân.
Một nuôi nấng tinh thần tinh khiết,
Hai dạy răn cho biết tội tình,
Ba lo trị thế thái bình,
Cộng chung pháp luật Thiên Đình chí công.*

Trong Thánh ngôn hiệp tuyển Thầy dạy: *Nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng*. Mà về đến Thầy là lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn.⁽¹⁾

Cõi Tây phương hay Tây phương cực lạc là cõi Phật. Bài kinh *Xưng tụng công đức chư Phật Tiên Thánh Thần* có câu: *Tây phương cõi Phật chói lòa*.

Kinh *Táng tụng công đức Diêu Trì Kim Mẫu* có câu: *Ngọc Hư định phép cũng nhiều* tức là Ngọc Hư Cung định ra pháp luật.

Nhưng Ngọc Hư Cung cũng có quyền bác luật.⁽²⁾

Việc lập luật và bác luật của trời đất chỉ có Đức Thượng Đế mà thôi. Vậy, Ngọc Hư hay Ngọc Hư Cung cũng là nơi Thầy ngự.

Từ đó ba nơi Bạch Ngọc Kinh, Tây phương, Ngọc Hư Cung đều là nơi Đức Thượng Đế Chí Tôn ngự. Cũng có thể ba nơi này là một.

Từ những đoạn kinh văn trên, hai câu đầu có thể hiểu: Đức Thượng Đế Chí Tôn ngự ở Bạch Ngọc Kinh, Ngài nắm giữ các luật lệ gọi là Thiên điều.

Kẻ bao nhiêu là biết bao nhiêu mà kẻ, tức là nhiều không thể kể ra cho hết.

Đấng thiên liêng là chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cõi thiên liêng là cõi của các *Đấng thiên liêng*.

(1) Dựa theo lời Thầy dạy trong Thánh ngôn hiệp tuyển, đàn 19/12/1926.

(2) Dựa theo lời Thầy dạy trong Thánh ngôn hiệp tuyển, đàn 14/7/ Bính Dần (1926).

Tinh khiết là trong sạch không lẫn lộn thứ gì khác. *Tinh thần tinh khiết* là tâm hồn trong sạch, tức là không tưởng nghĩ đến điều gì xấu. Trong văn học cũng như kinh điển để chỉ điều này có những câu như: *Tuyệt tinh thần*, *Thối nhà băng tuyết* ⁽³⁾ hoặc *Giữ lòng trong suốt hồ băng* ⁽⁴⁾.

Tội tình là phạm lỗi và bị trừng phạt. ⁽⁵⁾

Những câu kinh còn lại của đoạn kinh văn có thể hiểu: Phía dưới Thầy có vô số Đấng Thiêng Liêng cai quản dân chúng hay chúng sanh, các Đấng ở những tầng Trời phía dưới. ⁽⁶⁾ Thầy và các Đấng Thiêng Liêng một là dạy con người gìn lòng cho tinh khiết, hai là dạy con người biết những lỗi lầm mà họ đã phạm và có hình thức răn đe, ba là có cách thức quản trị để đời sống con người thái bình. Tất cả những việc làm này đều dựa trên pháp luật công bằng của Thiên đình tức là Thiên điều mà Thầy nắm giữ.

*Các con vốn trong vòng Thánh thể,
Phép tu vi là kẻ tu hành,
Mở đường tích cực oai linh,
Cậy phương thuyết giáo vẽ thành kính chơn.*

Thánh thể. Từ này có nguồn gốc từ Đạo Công Giáo là *Mình và Máu Chúa Jesus* hiện diện dưới hình bánh và rượu sau khi truyền phép trong thánh lễ. Trong Đạo Cao Đài từ này được hiểu là thánh thất, thánh tịnh, Tòa thánh, Hội thánh. Tại thánh thất Kim Quang Minh Đài, ngày 10-12- Ất Mùi (22-11-1956), Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy: *Vậy ai muốn sống và được sự thương yêu, là phải đứng trong thánh thể, mà thánh thể đó là Đạo, là Hội thánh.* ⁽⁷⁾ Vậy, Thánh thể là nhà thánh là nơi tu hành của bốn đạo nhằm tìm về ngôi xưa vị cũ:

*Nhập Thánh thể dò đường cứu vị,
Noi chơn truyền khải quỉ trừ ma.* ⁽⁸⁾

⁽³⁾ *Truyện Kiều.*

⁽⁴⁾ Kinh Tân Độ, *Kinh Nữ tử thành nhân.*

⁽⁵⁾ *Từ điển Hán Nôm Nguyễn Quốc Hùng.* Truyện Kiều có câu: *Đầu xanh đã tội tình gì?*

⁽⁶⁾ Trong *Thánh ngôn hiệp tuyển* đàn 19/12/1926 Thầy dạy: *Dưới Bạch Ngọc Kinh còn có các quả Địa cầu, có Tam Thiên Thế Giới, có Tứ Đại Bộ Châu, có Tam Thập Lục Thiên.*

⁽⁷⁾ Dựa theo Huệ Khải, *Sơ khảo thuật ngữ Đạo Chúa trong Đạo Cao Đài*, NXB Hồng Đức, 2019, tr 69-71.

⁽⁸⁾ Kinh Tân Độ, *Kinh Giải oan.*

Vốn là nguyên đã có từ trước, nguyên trước kia là vậy.

Các con vốn trong vòng thánh thể có thể hiểu là: Nguyên các con là những người có đạo đức là những người cùng nhau tu hành trong nhà thánh.

Vi là vi diệu, màu nhiệm tinh tế; giấu không cho biết, ẩn, bí mật.⁽⁹⁾

Tu vi có thể hiểu là tu tâm. Đức Ngộ có câu: *Tu giữa chợ mà không ai biết*.

Kế là tiếp sau, tiếp theo, bước kế tiếp.

Phép tu vi là kế tu hành nghĩa là phép tu vi là bước tiếp theo của tu hành. Trước tiên là *tu hành* tức là sửa những điều xấu ra tốt và có những việc làm tốt; kế đó là *tu vi* tức là phép tu màu nhiệm tinh tế, bí mật như các tầng bậc công phu *linh châu, tướng châu*,... hoặc là tu tâm.

Oai linh là có quyền phép lớn. Trong bài kinh *Xưng tụng công đức chư Phật, Tiên, Thánh, Thần* có đoạn:

*Tây phương cõi Phật chói lòa,
Tì bì Phật Tổ hải hà độ dân.
Lòng cảm xót dương trần lận đận,
Ra oai linh tiếp dẫn nhơn, cảm.*⁽¹⁰⁾

Vậy, *oai linh* là quyền phép mà Thầy và chư Phật Tiên dùng để cứu độ chúng sanh.

Mở đường tích cực oai linh có thể hiểu là mở ra một con đường thuận lợi, tích cực để cho Thầy và chư Phật, Tiên đến cứu độ chúng sanh.

Cậy là nhờ. *Phương* là phương pháp, cách thức. *Thuyết* là nói. *Giáo* là dạy. *Vẽ* là *chỉ vẽ* có nghĩa là dạy biểu phải làm thế nào một cách cụ thể.⁽¹¹⁾ *Kính* là cứng, mạnh.⁽¹²⁾ *Kính chơn* là nhấn mạnh đến tính chơn thật.

Dùng phương thuyết giáo vẽ thành kính chơn, dùng lời nói dạy con người làm điều gì cũng phải chơn thật.

⁽⁹⁾ Từ điển Hán Nôm, Trần Văn Chánh.

⁽¹⁰⁾ Kinh Tận Độ, kinh Xưng tụng công đức chư Phật, Tiên, Thánh, Thần.

⁽¹¹⁾ Từ vẽ vơi là theo Đại Nam quốc âm vị tự.

⁽¹²⁾ Từ điển Hán Nôm Nguyễn Quốc Hùng.

Tóm lại đoạn kinh văn có nghĩa là: Các con vốn là những người trong nhà thánh có Đạo, bây giờ trước tiên là *tu hành* sau đó là *tu vi*; phép tu vi sẽ mở ra một con đường thuận lợi tích cực để Thầy và chư Phật, Tiên đến cứu độ chúng sanh.

Trước đây Thầy và chư Phật, Tiên đã đến cứu độ thế gian bằng cơ bút, nhưng: *Cơ bút sao sánh kịp bằng sự giao tiếp nơi tâm linh, được đón lấy Hồng ân bất cứ trong giờ phút nào cũng được tắm gội, có tiếp giao bằng tâm linh mới khỏi lộ Thiên cơ, mới trao trọn điển lành để làm xong phận sự của người Bồ Tát.*⁽¹³⁾

*Đại Từ Phụ ra ơn dìu dắt,
Diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh,
Để tìm dưới ánh Chí Linh,
Soi đường chơn lý, chỉ rành chánh văn.*

Từ là từ dùng để chỉ lòng yêu thương của cha mẹ đối với con cái. Tình cảm của cha mẹ dành cho con không bao giờ có điều kiện; vì vậy giáo lý nhà Phật dùng chữ *tâm từ* để chỉ tâm của Bồ Tát đối với chúng sanh. Bồ Tát thương yêu chúng sanh như con, không phân biệt người lành kẻ dữ. Đức Thượng Đế chúng ta gọi bằng Thầy là cha của sự thương yêu, nên Thầy còn có danh xưng *Đại Từ Phụ*, *Đại Bồ Tát* là vậy.

Chí linh. Trong Kinh Cao Đài khi ở vai trò danh từ, từ này còn có nghĩa là Thượng Đế.

Trong Thánh ngôn hiệp tuyên phần thi văn dạy đạo có hai câu thơ:

*Nên hư cuộc thế gẫm thường tình,
Đừng mỗi muôn điều đổ chí linh.*

Hai câu thánh giáo trên có nghĩa là: Mọi việc ở thế gian nên hư là thường tình nên con người đừng đổ mọi việc tại *chí linh*.

Trong dân gian con người thường hay đổ muôn việc do Trời. Đại thi hào Nguyễn Du còn nói:

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

⁽¹³⁾ Tổng Lý Trần Hưng Đạo, TTTH, T2, đàn ngày 02-01-ĐĐ.31 (13-02-1956).

Ngoài ra bài kinh *Cầu hồn khi đã chết* có câu nói với linh hồn người mất: *Vào kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí linh*. Nghĩa là vào Bạch Ngọc kinh làm lễ và châu *Chí linh*.

Từ những luận cứ nêu trên từ *Chí linh* là Thượng Đế.

Ánh chí linh là ánh sáng của Đức Thượng Đế hay trí huệ sáng suốt của con người mà Thượng Đế ban cho. Ánh sáng này vốn có trong mỗi người thường gọi là Phật tánh hay Thượng Đế tánh. Để tìm lại được ánh sáng này câu kinh trước đó dạy phải: *Diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh*. Đức Mẹ thì dạy bằng các vần thơ bóng bẩy:

*Đèn lòng đừng để lu mờ,
Đạo tâm chớ để bôn xu nhiễm trần,
Bao giờ tan ánh huyễn vân,
Trời trong mây tạnh lộ vàng trắng thanh.*⁽¹⁴⁾

Soi là chiếu ánh sáng làm cho thấy rõ.

Chơn lý hay chân lý là cái lẽ phải chơn thật, hằng hữu đời đời mà lương tri lương năng của con người đều nhận biết.⁽¹⁵⁾ Hay đơn giản, *chân lý* là sự thật.

Chánh văn là các văn bản chưa qua giải thích.⁽¹⁶⁾

Đoạn kinh này có nghĩa: Xin Thầy ra ơn dìu dẫn giúp con diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh, để mà tìm lại ánh sáng Thượng Đế vốn có của con, từ đó giúp con nhận ra chân lý, hiểu đúng nghĩa các bản văn.

Hai đoạn kinh vừa tìm hiểu thật logic. Đoạn trên dạy *tu vi* sẽ mở ra con đường tích cực *oai linh*, đoạn dưới dạy *diệt trí phàm hờn giận, ghét ganh* để mà tìm lại ánh sáng *Chí linh*.

*Cơ chuyển thế khó khăn lắm nỗi,
Mượn Thánh ân xây đổi cơ đời,
Thuận nơn tâm ắt thuận Trời,
Câu kinh vô tự độ người thiện duyên.*

⁽¹⁴⁾ Dẫn theo Lê Anh Dũng, *Tìm hiểu Kinh cúng tứ thời*, Nxb Thuận hóa, Huế, 1995.

⁽¹⁵⁾ Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, *Cao Đài từ điển*.

⁽¹⁶⁾ Dựa theo Nguyễn Quốc Hùng, *Từ điển Hán Nôm*.

Cơ là cái làm cho sự vật biến hóa, làm cho sự việc có khả năng phát sinh.

Chuyển thế là làm cho đời biến đổi từ xấu thành tốt.⁽¹⁷⁾

Thánh ân là ơn huệ của Đức Chí Tôn.⁽¹⁸⁾

Hai câu kinh đầu có nghĩa là việc chuyển hóa thế gian từ xấu ra tốt rất nhiều nỗi khó khăn, phải nhờ ơn huệ của Đức Chí Tôn mới thực hiện được.

Ắt là chắc hẳn, nhất định phải, tất yếu phải có. Trong câu văn có cấu trúc: *Nếu có A thì có B*, còn có cách phát biểu khác: *Có A ắt có B*. Như nói: *Nếu trời mưa thì đường ướt*, cũng có thể nói: *Trời mưa ắt đường ướt*. Đây là bài kinh Nhập hội, tất nhiên đông người. *Thuận nơn tâm ắt thuận Trời* là thuận theo quyết định của hội nghị đã được bàn bạc thống nhất thì sẽ thuận Trời.

Kinh vô tự. Có nhiều cách hiểu về *kinh vô tự*. Trong Cao Đài từ điển, hiền tài Nguyễn Văn Hồng cho rằng: *Người học đạo phải tìm tòi kinh sách để nghiên cứu, nhờ có văn tự mà biết được cái Đạo, nhưng khi đã biết rõ Đạo rồi thì phải vượt lên khỏi văn tự, để dùng cái tâm lãnh hội Đạo lý. Cho nên kinh vô tự hay kinh không có chữ nghĩa là phải vượt khỏi văn tự, để tâm đến chỗ không thì mới lãnh hội được giáo lý cao siêu mầu nhiệm.*

Thầy dạy: *Các con từ đây nâng mình cho xứng với quyền pháp giữ trọn công phu bỏ lòng nơn dục giữ lấy tâm không, thì có Thầy hằng ngự nơi lòng mà ban kinh vô tự, mới thấu được cơ mầu mà an bài đạo pháp.*⁽¹⁹⁾

Thiện duyên là duyên lành. *Người thiện duyên* là người thường gieo duyên lành tức là người hay làm việc lành, nói những lời lành, nghĩ những điều lành.

Câu kinh này có thể hiểu người siêng năng làm phải làm lành sẽ cảm nhận hay hiểu ra kinh vô tự để tự cứu mình.

⁽¹⁷⁾ Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, Giải thích Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo.

⁽¹⁸⁾ Hiền tài Nguyễn Văn Hồng, Giải thích Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo.

⁽¹⁹⁾ Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Thánh Truyền Trung Hưng giáo pháp*, đàn 14 / 7 Kỳ Ty, ĐĐ 64, (1989).

*Nguyện Ôn Trên cho yên trí não,
Nguyện Phật Tiên dạy bảo chơn linh,
Mang danh Hội Thánh đã đành,
Nâng tay nhục thể xây hình Chí Tôn.*

Chơn linh. Trong *Thánh ngôn hiệp tuyển*, ở bài dạy về giới cấm vọng ngữ Thầy cho biết *lượng tâm của con người là Chơn linh*.

Trong Kinh Tận Độ, phần giải nghĩa bài Phật Mẫu chơn kinh cho biết *Chơn linh* là của Đức Chí Tôn cho con người hiệp với thân thể, gọi là phách hay vía.⁽²⁰⁾

Vậy, *Chơn linh* là lượng tâm hay cũng gọi là linh hồn của con người, Chơn linh vốn của Thầy ban cho con người.

Bốn câu cuối của bài kinh có nghĩa: Cầu nguyện Ôn Trên cho trí não được yên tĩnh để có trí tuệ sáng suốt, cầu nguyện Phật Tiên dạy bảo lượng tâm của mình. Đã là người của Giáo hội thì nhờ trí tuệ sáng suốt mà Ôn Trên ban bố, chúng ta chung tay xây dựng Giáo hội tốt đẹp, Giáo hội tốt đẹp là hình thể của Đức Chí Tôn tại thế.

Trong sinh hoạt tu học, trước khi tổ chức một hội nghị chúng ta tụng bài kinh Nhập hội để cầu nguyện với Ôn Trên để có một hội nghị thành công tốt đẹp. Hội nghị này có thể là buổi hội học, sinh hoạt đàn lệ, cũng có thể là hội nghị trù tính những kế hoạch để thực hiện trong tương lai. Dù là việc gì thì cũng cầu Thầy và các Đấng Thiêng liêng dìu dẫn để diệt những tính phàm như hờn giận ghét ganh. Từ đó con người mới sáng suốt đem khối óc và bàn tay giúp cho giáo hội. ☯



⁽²⁰⁾ Dựa theo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, *Kinh Tận Độ*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr 287.

Một chuyến đi Liên Tôn CỦA KHÓA HỌC LIÊN TÔN

Nghe Dĩ Lan

1. Học Viện Mục Vụ Tổng Giáo Phận Tp.HCM mở khóa học “Tìm Hiểu Công Giáo Và Cao Đài”, khai giảng sáng Thứ Bảy 09-01-2021. Theo chương trình toàn khóa (16 buổi) thì buổi học 15 dành cho lớp đến viếng nhà thờ Huyện Sỹ và thánh thất Từ Vân. Thế là sáng Thứ Bảy 15-5, các giảng viên và học viên tự túc phương tiện đi lại, đã lần lượt đến nhà thờ Huyện Sỹ (Quận Nhất). Nhà thờ này vốn là "láng giềng gần" của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (Quận Nhất); tuy vậy đây là lần đầu tiên các học viên là tín đồ Cao Đài và cũng là nhân viên Cơ Quan mới bước chân vào cổng nhà thờ.

Buổi thăm viếng bắt đầu từ 8:30 giờ sáng. Lúc 8:00 giờ chúng tôi dắt xe vào sân giáo đường, cứ ngỡ mình tới sớm hơn cả. Ngờ đâu một đạo tử Cao Đài lớn tuổi vì nhà xa, đi xe buýt, tách cần thận sợ trễ nên đã tới trước chúng tôi cả nửa tiếng đồng hồ. Vừa

thấy chúng tôi, đạo tử liền vui vẻ vẫy tay chào. Đứng trước núi Đức Mẹ Lộ Đức (xây dựng năm 1960), nằm bên trái khuôn viên, sát đường Nguyễn Trãi, trong lúc cùng chờ mọi người, chúng tôi và đạo tử có dịp đưa mắt nhìn bao quát ngôi nhà thờ với mặt bằng thoáng đãng nhất Sài Gòn.

2. Nhà thờ này thuộc họ đạo Chợ Đũi, tên gọi là nhà thờ Chợ Đũi. Đũi là loại hàng dệt bằng tơ gốc. Ca dao có câu: *“Người ta giàu cái quần cũng đũi, cái áo cũng đũi / Đôi đũa mình nghèo đốt củi đốt than”*. Tuy vậy, dân gian gọi “chết tên” là nhà thờ Huyện Sỹ vì xưa kia ông Lê Phát Đạt (1841-1900) và vợ là bà Huỳnh Thị Tài (?-1920) hiến đất và xuất ra một khoản lớn tiền để xây dựng giáo đường trong ba năm (1902-1905). Ông Đạt tên khai sinh là Sỹ, tên thánh là Philipphê, được phong Huyện hàm (*Huyện honoraire*: Huyện danh dự) nên đời gọi là Huyện Sỹ. Ông Đạt là ông ngoại

của Nam Phương Hoàng Hậu (Jeanne Mariette Thérèse Nguyễn Hữu Thị Lan, 1914-1963), vợ vua Bảo Đại (Nguyễn Phước Vĩnh Thụy, 1913-1997). Dân gian có câu “Nhứt Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định” để chỉ bốn người giàu nhất Việt Nam đầu thế kỷ 20. “Nhứt Sỹ” là Huyện Sỹ. “Nhì Phương” là Tổng Đốc hàm Đốc Hữu Phương (1844-1914). “Tam Xường” là thương gia Lý Tường Quan. “Tứ Định” là nhà buôn Trần Hữu Định.

3. Khoảng 8:20 giờ thì hầu như đủ mặt mọi người trong lớp. Về phía Công Giáo, chúng tôi thấy có ba vị linh mục: cha Phanxicô Xaviê Bảo Lộc (Giám Học Học Viện Mục Vụ; giảng viên khóa học); cha Giuse Trương Diễn (dòng Bửu huyết, SPB: *the Society of Precious Blood*); cha Laurent Gatinois (Hội Thừa Sai Paris, MEP: *Missions étrangères de Paris*).⁽¹⁾ Bên cạnh nữ tu Anna Nguyễn Thị Dung (dòng

Đức Bà, CND: *Congrégation Notre-Dame*) có hai thành viên của phong trào Focolare ⁽²⁾ là chị Hồng Anh và anh Jon Chai (người Singapore). Đi cùng các anh chị Kitô hữu là ông Giuse Bùi Văn Hóa (Phó Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn).

Về phía Cao Đài, chúng tôi thấy có Giáo Sư Thượng Văn Thanh (Chưởng Quản Cơ Quan Phổ Tế, chức sắc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, giảng viên khóa học), đạo tử Diệu Nguyên (Nội Chánh Vụ Phó, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo), đạo huynh Cao Hoàng Phong (Chánh Hội Trưởng Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Quận Tám), đạo huynh Huệ Khải (chủ biên Chương Trình Chung Tay Ấn Tông Kinh Sách Đại Đạo; giảng viên khóa học), vài nữ tu của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, một số nam nữ tín hữu thuộc ba họ đạo Trung Minh, Trung Hiền, Từ Vân, v.v...

⁽¹⁾ Linh mục Laurent Gatinois đang học tiếng Việt để phụng sự lâu dài tại Việt Nam. Trong cuộc Hội Ngộ Liên Tôn lần IX (27-10-2019) tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Tp.HCM, linh mục Gatinois đã nói tiếng Việt, trình bày về “Cuộc đời của nhà văn hóa tôn giáo Léopold Michel Cadière (1869-1955)”.

⁽²⁾ Phong trào Focolare do chị Chiara Lubich (1920-2008, người Ý) thành lập, với hoài bão xây dựng một thế giới hiệp nhất qua tinh thần sống bác ái. Focolare trong tiếng Ý có nghĩa như “home” (tiếng Anh), tức là “tổ ấm, mái ấm gia đình”. Châm ngôn của phong trào phát xuất từ câu: “Xin cho chúng nên một như Con ở trong Cha và Cha ở trong Con” (Gioan 17:21).

4. Đoàn chúng tôi do linh mục PX Bảo Lộc hướng dẫn được linh mục chánh xứ Ernest Nguyễn Văn Hưởng và linh mục phó xứ Giuse Nguyễn Mạnh Hùng thân mật đón tiếp. Ngay từ những phút đầu tiên, linh mục chánh xứ với phong cách bình dị đã khiến chúng tôi thấy gần gũi, kính mến. Được biết, linh mục Ernest nhậm chức chánh xứ Chợ Đũi vào tháng 3-2012. Trước đó, linh mục làm Giám Đốc Đại Chủng Viện Thánh Giuse Sài Gòn (2005-2011).

Cha xứ mời cả đoàn thăm “Nhà Chờ Phục Sinh” (nhà lưu di cốt giáo dân), được xây dựng bên phải khuôn viên nhà thờ Huyện Sỹ để mọi người tiện thăm viếng, cầu nguyện. Việc xây dựng này phát sinh do chủ trương giải tỏa các nghĩa trang trong đô thị;

tương tự, nhiều giáo xứ khác ở TP. Hồ Chí Minh cũng có “Nhà Chờ Phục Sinh”. Hàng ngàn hũ cốt vuông vắn, cùng một kích cỡ thống nhất, được xếp ngăn nắp trong các dãy tủ kính cao và dài. Từng hũ được đánh số để tiện tìm thấy. Mỗi hũ khoảng một ký lô. Linh mục chánh xứ cho biết trước đây tất cả đặt trên mái cao, ước tính tổng cộng khoảng ba tấn. Để an toàn, linh mục cho dời hết xuống tầng trệt.

5. Kế đến, mời cả đoàn viếng bên trong nhà thờ. Linh mục Ernest vui vẻ giải thích ý nghĩa kiến trúc hình chữ thập (thánh giá), cách thiết trí bàn thờ Chúa, giới thiệu các thánh tượng, v.v... Khi nói về hệ thống âm thanh độc đáo trong giáo đường, linh mục hào hứng giới thiệu cây đàn Rodgers T925 trị giá một trăm ngàn Mỹ kim do một ân nhân mua bên Mỹ gởi về. Sau khi đích thân khởi động cho cây đàn sẵn sàng, linh mục nhường ghế cho anh Phanxicô Xaviê Quang Vinh (Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn) ung dung lướt phím độc tấu bản nhạc *Kinh Hòa Bình* để mọi người thưởng thức giọng đàn



Cha xứ Ernest Nguyễn Văn Hưởng giới thiệu "Nhà Chờ Phục Sinh"
Ảnh: PX Quang Vinh (Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn)



Cha xứ Ernest Nguyễn Văn Hường giới thiệu kiến trúc bên trong giáo đường

Ảnh: Tu sĩ Bảo Trân (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo)

tuyệt vời của cỗ danh cầm. Trong giáo đường, mọi người đã cùng cầu nguyện, lần lượt theo nghi thức Công Giáo và Cao Đài.

Cha xứ Ernest lại mời cả đoàn vào viếng hai ngôi mộ bằng đá cẩm thạch đặt song song nhau. Trên mộ bên trái là tượng ông Huyện Sỹ tư thế nằm mặc áo dài gấm, chân đi giày, hai tay đan vào nhau đặt lên ngực, đầu đội khăn đóng kê trên gối. Trên mộ bên phải là tượng bà Huỳnh Thị Tài mặc áo dài gấm, chân mang hài, tóc búi, đầu kê trên gối, hai tay nắm trước ngực. Cả hai tượng cẩm thạch đều điêu khắc rất sống động; mọi người nhìn thấy từng nét hoa văn tinh xảo trên y phục của hai

ông bà. Trong khu mộ còn có tượng bán thân con trai và con dâu hai ông bà là Gioan Baotixita Lê Phát Thanh và Anna Đỗ Thị Thao.

6. Cha xứ giới thiệu vắn tắt về những bữa ăn tình thương giúp người nghèo, người lao động thu nhập thấp. Giáo xứ mấy năm nay vẫn thường xuyên tặng bà con những bữa ăn ngon với chất lượng tối thiểu 25.000 đồng một phần, nhưng nhà thờ tự nấu với số lượng nhiều nên chi phí chỉ độ phân nửa. Hòa đồng với bà con, cha xứ và các vị khác trong nhà thờ cũng chia sẻ những bữa ăn như thế.

Ngoài ra, linh mục chánh xứ còn cho biết giáo xứ có dành một địa điểm ở phía sau nhà thờ để giúp bà con quần linh cứu người quá cố không phân biệt tôn giáo, nếu như nhà họ chật hẹp, hoặc ở cao tầng, không tiện làm lễ tang.

Cha xứ Ernest hoan hỷ nhận lời mời ân cần của linh mục Bảo Lộc, cùng theo đoàn sang Phú Nhuận viếng thánh thất Từ Vân, và sẽ đi qua số 47D Nguyễn Trãi là nơi có đền kỷ niệm Thánh tử đạo Matthêu Lê Văn Gấm (1813-1847).



Cha xứ Ernest Nguyễn Văn Hưởng chụp ảnh lưu niệm với đoàn tín hữu liên tôn.

Ảnh: Tu sĩ Bảo Trân (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo)

7. Đường sá xe cộ không quá đông đúc và đoàn “hành hương mini” lần lượt có mặt đầy đủ hầu như cùng lúc tại thánh thất Từ Vân thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Hội Thánh được Đức Chí Tôn ban ơn thành lập năm 1956 với Trung Hưng Bửu Tòa (không gọi Tòa Thánh như các Hội Thánh khác) khánh thành ngày Chủ Nhật 08-7-1956. Ngoài ra, Hội Thánh có: hai thánh đường ở thành phố Tam Kỳ (tỉnh Quảng Nam) và thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định); hai nhà tu ở thành phố Tam Kỳ (một cho nam và một cho nữ); một tịnh đường trung tâm gọi là *Trung Tông Thánh Tịnh* ở thành phố Đà Nẵng. Hằng ngày thiền tịnh và ăn chay trường là đặc

trung của Hội Thánh, phổ biến ngay cả trong phần đông tín đồ, chứ không riêng các cấp chức sắc, chức việc.

Với tổng số gần bốn mươi hai ngàn tín hữu có mặt ở mười sáu tỉnh thành miền Nam, miền Trung, và Bắc Trung Bộ, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài lớn vào hàng thứ tư (đứng trong số các Hội Thánh hiện có). Hội Thánh có bảy mươi một họ đạo và cơ sở đạo (nhỏ hơn họ đạo). Ngoài họ đạo (với thánh thất) Từ Vân ở Phú Nhuận, Hội Thánh còn có một Từ Vân thứ hai ở thôn Vân Tây, xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận) là một nơi thân thiết với linh mục PX Bảo Lộc, Trưởng Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn của Tổng Giáo Phận. Trong dịp tham gia với anh chị em Cao Đài mừng đại lễ Khai Minh Đại Đạo lần thứ 86 tại thánh thất Từ Vân (12-11-2011), linh mục Bảo Lộc đã tâm tình: *“Từ nhiều thập niên qua, tương quan giữa những anh chị em tín đồ Cao Đài và Công Giáo đã được tâm duyên của nhiều bậc tiền bối của hai đạo kết dệt nên. Chúng tôi là những người*

môn đệ Chúa Giêsu thuộc hàng hậu bối, được mời gọi tiếp bước cha ông, gìn giữ và nuôi dưỡng tình bằng hữu giữa những người bạn đạo này. Những cuộc gặp gỡ và trao đổi giữa một số anh chị em Công Giáo với các đạo hữu Cao Đài trong những năm gần đây đã giúp chúng ta thêm gần gũi nhau và làm phong phú kinh nghiệm sống của mỗi người với Thượng Đế hơn."

8. Những vị mới lần đầu đặt chân đến thánh thất Từ Vân rất hoan hỷ nhìn thấy kiến trúc xinh đẹp, thanh thoát, với hai ngọn tháp Hiệp Thiên Đài vươn lên bầu trời trong xanh, có rất nhiều bậc thềm dẫn lên Báo Ân Từ (tầng một) và Bửu Điện (tầng hai). Khuôn viên rộng rãi, thoáng đãng, trồng nhiều cây cảnh xanh tốt, nhiều chậu hoa khoe sắc thắm tươi, chỗ này hòn non bộ, chỗ kia tiểu cảnh, tất cả sắp đặt hài hòa. Thế là một vài thành viên trong đoàn đã mau mắn dùng điện thoại ngắm nghía, chụp lấy vài kiểu ảnh lưu niệm.

Hiền huynh Lê Sanh Thượng Sơn Thanh (Đầu Họ Đạo) tươi cười đón đoàn khách quý, hướng dẫn cả đoàn lên tầng hai, vào

Bửu Điện. Trong ngôi thờ Đức Chí Tôn, Giáo Sư Thượng Văn Thanh quỳ trước Thiên Nhân, dâng hương cáo yết. Các đạo hữu Cao Đài nhịp nhàng đọc bài *Kinh Niệm Hương*: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp / Lòng nung nhang khói tiếp truyền ra / Mùi hương lưu ngọc bay xa / Kính thành cầu nguyện Tiên Gia chứng lòng...” Giáo Sư cầu nguyện xong thì linh mục Bảo Lộc ra trước Thiên Bàn dâng lời cầu nguyện theo nghi lễ Công Giáo.

Ngay lúc quý linh mục và các Kitô hữu vừa cất giọng hát bài *Kinh Hòa Bình*, thì các đạo hữu Cao Đài liền hòa điệu hát chung, bởi vì anh chị em áo trắng đã thuộc lòng bài này sau hơn mười năm sinh hoạt đối thoại liên tôn. Trong bầu khí thiêng liêng trước Thiên Bàn Cao Đài, lời thánh ca nhịp nhàng lan tỏa, thấm thía từng tâm hồn thành kính: “*Lạy Chúa từ nhân xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người. Lạy Chúa xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa, để con đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm...*”

Trở xuống tầng một, vì thời gian không còn nhiều, mọi người chỉ đứng bên ngoài Báo Ân Từ và chiêm ngưỡng nơi thờ kính các bậc Tiền Khai mở đạo Cao Đài vào năm 1926 tại Nam Kỳ, và các Thánh tông đồ đem hạt giống Cao Đài về gieo xuống mảnh đất Trung Kỳ vào năm 1934. Hai thế hệ tiền nhân này cùng được thờ chung ở bàn thờ đặt chính giữa. Hai bên là hai bàn thờ chung nam nữ đạo đồ quá vãng: bên nam gọi là *Càn Đạo Liệt Vị*; bên nữ gọi là *Khôn Đạo Liệt Vị*. (Theo Dịch học: Càn là dương, nam; Khôn là âm, nữ.)

Phía ngoài ba bàn thờ tôn nghiêm của Báo Ân Từ là không gian trang trọng dành cho các sinh hoạt của họ đạo (hội họp, học tập, huấn luyện, v.v...). Ngày 12-3-2019, khi linh mục Bảo Lộc hướng dẫn đoàn chủng sinh Đại Chủng Viện Thánh Giuse Sài Gòn đến gặp gỡ, tìm hiểu thánh thất Từ Vân, Giáo Sư Thượng Văn Thanh và các chức sắc khác đã hoan hỷ tiếp đón đoàn khách quý tại không gian này.

Khi rời Báo Ân Từ quay xuống tầng trệt, mọi người dừng chân ở các bậc thềm, cùng lưu giữ một tấm ảnh kỷ niệm.

9. Thay mặt họ đạo Từ Vân, hiền huynh Đầu Họ Thượng Sơn Thanh ân cần mời tất cả khách quý bước vào nơi nghỉ chân, đàm đạo ở tầng trệt. Với tinh thần hiếu khách, hiền tỷ Nguyễn Hương Tâm, Lễ Sanh phụ trách giáo hóa nữ đồ đã chu đáo cho sắp sẵn mấy chiếc bàn tròn phủ khăn trắng muốt, trên đó bày các chai nước khoáng, khăn lạnh, trái cây tươi, bánh pâté chaud chay thơm ngon... Mọi người tản ra, ngồi quanh từng bàn, vừa chia sẻ với họ đạo bữa ăn nhẹ lúc gần trưa, vừa thân mật hàn huyên. Dịp này, Giáo Sư Thượng Văn Thanh biểu mỗi vị khách một tập *Sống Đạo Hạ - Tân Sửu 2021* vừa in xong. Đây là tập san ấn tống của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thực hiện từ năm 2013 tới nay, định kỳ bốn số một năm.

Ly rượu ngon nào rồi cũng cạn. Bài hát hay nào rồi cũng dứt. Dầu quyền luyện chưa muốn rời chân, nhưng đoàn khách buộc phải cảm ơn và giã từ họ đạo. Mọi người lại cầu nguyện theo nghi thức tôn giáo mình. Về phía Công Giáo, linh mục Bảo Lộc cất giọng lĩnh xướng, quý cha và quý Kitô hữu cùng hòa điệu



Thánh thất Từ Vân 12-3-2019 (từ trái sang): Giáo sư Thượng Văn Thanh, Cha PX Bảo Lộc, Lễ Sinh Ngọc Long Thanh và đoàn chủng sinh Đại Chủng Viện Thánh Giuse Sài Gòn.

Ảnh: Cúc Lưu (thánh tịnh Thanh Quang)

theo bài *Hồng Ân Chúa Bao La*:
“*Hồng ân Chúa bao la tuôn đổ xuống chan hòa. Tuy tay con nhỏ bé bao nhiêu cũng không vừa. Chính tay Ngài đã dựng nên con, Thần Khí Ngài làm cho con sống, tình yêu Ngài ngày đêm ấp ủ, Lời Ngài dẫn dắt con trên đường...*”

Giáo Sư Thượng Văn Thanh và Đầu Họ Thượng Sơn Thanh tiễn đoàn hành hương liên tôn ra tận cổng tam quan. Chia tay nhau

trong hoàn cảnh tự phòng vệ trước đại dịch, nhưng lòng ai cũng an bình. Vâng, bình an lắm, vì dư âm bài thánh ca vẫn còn vang vọng: “*Cũng chính Ngài ngự trong tâm hồn. Mở miệng con biết kêu danh Người. Muôn ơn Ngài vẫn hằng ban cho. Con lấy gì đền đáp cho xứng. Chỉ dâng Ngài đời con bé nhỏ. Đời hồng ân chứa chan vui mừng...*” ☯

24-5-2021



Nghiên cứu Văn hóa sử Cao Đài

DANH TỪ CỬU TRÙNG ĐÀI TRONG CAO ĐÀI GIÁO

đã bắt đầu hiện diện từ khi nào ?

Đạt Tường (Cơ Quan PTGLĐĐ)

Này nay khi nói đến Thánh Thê của Đức Chí Tôn; qua cơ cấu tổ chức Hội Thánh hay kiến trúc Thánh Thất – Thánh Tịnh, v.v...; mọi tín hữu Cao Đài, ai ai cũng đều biết đến Tam Đài: Bát Quái Đài (BQĐ), Cửu Trùng Đài (CTĐ) và Hiệp Thiên Đài (HTĐ). Và hầu như ai cũng nghĩ rằng cơ cấu tổ chức căn bản này đã sớm được Thầy định ngay từ khi mới “*Hoằng khai*” hay “*Khai Minh Đại Đạo*” vào ngày Rằm tháng 10 Bính Dần (1926)!

Nhưng khi tình cờ đọc lại các Thánh ngôn xưa mà Thầy và Đức Lý Giáo Tông đã dạy về việc xây dựng “*Thánh thất tạm*” hồi những tháng đầu năm Đinh Mão - 1927. Chúng ta thấy các danh từ BQĐ và HTĐ đã được các Đấng Thiêng Liêng nhắc đến khá nhiều lần nhưng còn danh CTĐ lại chưa hề có!

1. Một số người nghiên cứu giáo lý nói hãy thử tìm trong Pháp Chánh Truyền (PCT) ban sơ xem sao.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển bốn thứ nhứt nơi bài Thánh Ngôn ngày 16-10 Bính Dần (1926) tuy đã có cụm từ HTĐ nhưng lại không hề có cụm từ CTĐ!

Từ việc này đọc kỹ lại Thánh Ngôn phần dạy về cơ cấu nhân sự chức sắc khi ban cho PCT Nam phái vào lúc ban sơ, khi đó Đức Chí Tôn chỉ mới dạy vai trò nhiệm vụ và quyền hạn cho 7 chức phẩm từ Giáo Tông đến Lễ Sanh mà thôi! Đây là điều ít người để ý đến!

Đầu năm Đinh Mão (1927) Đức Lý Giáo Tông mới ân ban tiếp phần PCT Nữ phái gồm 5 cấp từ phẩm Đầu Sư đến Lễ Sanh.

Điều này phần nào giúp giải thích lý do, vì sao vào giai đoạn ban đầu của nhà đạo Cao Đài khi đó, danh từ CTĐ chưa hề xuất hiện.

2. Ba tháng sau “*Lễ Thánh Thất*” còn được gọi với tên mới là “*Khai Minh Đại Đạo*”,⁽¹⁾ Thánh thất Thiên Lâm (chùa Gò Kén) được trả lại cho tín hữu Phật giáo, Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy về việc xây cất “*Thánh Thất tạm*” nơi vùng đất mới. Trong các lời dạy của hai Đấng, đã luôn có sự hiện diện các danh từ BQĐ và HTĐ nhưng chưa hề có CTĐ mà lại dùng từ “*Chánh điện*” hay “*Đại điện*”.

Thí dụ:

“... đến Thánh Thất mới, phải cầu Chí Tôn trấn Thần lại nữa. Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn HTĐ tạm phải cất trước Thánh Thất tạm.

Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy. Như vậy ngay trung tim rừng, cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây nọc đo **Hiệp Thiên Đài** như vậy: Ngoài Bàu Cà Na, đo chừng 50 thước đóng một cây nọc, ấy là khuôn viên Tòa Thánh. Lão lại dặn, từ cây nọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước Lang sa, nghe à!

Từ vuông 27 thước mỗi góc của **Đài Bát Quái**, nghĩa là hình nhà tròn có 8 nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước Lang sa, làm 9 nóc rộng bao nhiêu tùy, trên diện **Bát Quái** bề cao 9 thước, hình nóc tròn mô lên, chỉ có 8 nóc, cho phân minh; trên đầu đài phải để cây đèn xanh.

Kế nữa là **Chánh Điện**, bề dài 81 thước, bề ngang 27 thước, Lão phải vẽ mới dựng. Hai bên **Hiệp Thiên Đài** bên mặt thì có **Lôi Âm Cổ Đài**, bên tả thì có **Bạch Ngọc Chung Đài**, Lão phải vẽ mới dựng.

⁽¹⁾ Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Nam Thành Thánh thất đàn 23.8 Canh Tuất (22.9.1970)

Hộ Pháp, Thượng Phẩm, nội trưa này phải cắt một cây viết vào đầu cơ, lấy một miếng giấy lớn, vào điện phò loan cho Lão vẽ....”.⁽²⁾

“... chỉ đầu trong nền BQĐ, trên đầu song chỉ nóc 13 thước mới khỏi mưa nước đọng mà phải mục. Nóc của Đại Điện và HTĐ cũng y như mục vậy, phải làm plafond hai đài chuông trống cao hơn nóc HTĐ 6 thước”.⁽³⁾

3. Trong quyển Tang Sự - Hôn Nhơn Thù Tạc Vãng Lai của Ngài Tiền Khai Đại Đạo Đoàn Văn Bản, được cho ra đời tháng 4-1927 cũng chưa có danh từ CTĐ hiện diện.

4. Tuy danh từ CTĐ lúc đó chưa có nhưng ngay trong năm 1927 về Hành Chánh đạo, Đức Lý Giáo Tông đã bắt đầu dạy bổ sung thêm các thành phần và cơ cấu tổ chức cho Thánh thất.

- Ngày 11-02-1927 (10 tháng Giêng Đinh Mão), Đức Lý dạy về tổ chức Họ Đạo và Trị Sự:⁽⁴⁾

“Còn phần Trị Sự thì ý của Thầy muốn mỗi chỗ ít nữa là 4 người, còn Bản Đạo còn muốn cho rộng hơn nữa...”.

- Đoàn ngày 19-02-1927 (18 tháng Giêng Đinh Mão), Đức Lý dạy thêm:

“... Còn số bộ của tín đồ, phải làm cho hoàn toàn.

Các nơi phong thêm Ban Trị Sự và Chức việc Hương đạo đăng tiện lo cho chư môn đệ của Thầy...

Mỗi nơi xa Thánh Thất, phải lập thêm Tiểu Thánh Thất cho thuận tiện...”.⁽⁵⁾

Kể từ đó, ở mỗi Thánh Thất ngoài các cấp chức sắc như Giáo Hữu hay Lễ Sanh mà luật đã định lại còn có thêm một bộ phận viên chức gần gũi các tín hữu để tiện cho việc chăm sóc họ trên đường tu học.

- Đoàn ngày 21-7-1927 (23 tháng 6 Đinh Mão) tại Tân Định, Đức Lý dạy thêm:⁽⁶⁾

“Vì muốn tránh việc bất bình cho chư đạo hữu về việc tuyển cử Phái Viên nên Thầy định hủy chức ấy, duy để lại Chánh, Phó Trị Sự. Còn mấy người đắc cử Phái Viên rồi Thầy sẽ phong Thánh.

Vậy,... mấy người Trị Sự có công quả cũng biên riêng một số nghe”.

⁽²⁾ Thánh Ngôn Suu tập 1, số 66, ngày 28-02-1927 (27-01 Đinh Mão tại Chùa Gò Kén).

⁽³⁾ Thánh Ngôn Suu Tập, số 71, ngày 08-3-1927 (05-02 Đinh Mão).

⁽⁴⁾ Đạo Sử Nhựt Ký tr321.

⁽⁵⁾ Đạo Sử Nhựt Ký quyển 1 tr 336-337

⁽⁶⁾ Đạo Sử Nhựt Ký quyển 1 tr 380

5. Đọc kỹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Bản thứ nhứt, được chuẩn bị cuối năm 1927 và được xuất bản đầu năm 1928, chúng ta không hề tìm thấy cụm danh từ CTĐ này hiện diện bao giờ! Lý do vì sao lại như thế?

6. Cuối năm Đinh Mão vào ngày 13 tháng Chạp (05-01-1928) tại Kim Biên – Nam Vang, khi Ngài Phạm Công Tắc đang hành đạo bên Campuchia theo lệnh Ôn trên xây dựng cơ cấu Hội Thánh Ngoại Giáo, cụm từ “**Cửu Trùng Đài**” lần đầu tiên đã xuất hiện trong lời dạy của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

“Hộ Pháp! Từ đây tới buổi về, để cho **Cửu Trùng Đài** liệu phương hành đạo, còn Hộ Pháp chỉ lo về luật lệ xử đoán mà thôi, đừng giúp đỡ chi...”.⁽⁷⁾

- Ngày 15-4-1928 (26 tháng 02 nhuận, Mậu Thìn) Đức Chí Tôn dạy Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhựt phải về Tây Ninh chương quản Tòa Thánh. Sau đó, Đức Lý Giáo Tông nhượng trọn quyền Giáo Tông cho Ngài Thượng Đầu Sư. Hôm đó, Ngài nói:

“*Chẳng phải Lão binh vực CTĐ của Lão...*

... nói lại với Thượng Trung Nhựt rằng Lão nhượng trọn quyền Giáo Tông lại cho người cho đến ngày CTĐ nhìn HTĐ rồi Lão sẽ hành chánh nghe à!”.⁽⁸⁾

- Sang ngày Rằm tháng 3 Mậu Thìn (05-5-1928), Thầy dạy:

“*Từ ngày các con nghịch lẫn nhau thì chư Thần, Thánh, Tiên, Phật chẳng còn ở cùng các con nữa, các con có biết à?*

Thầy phán lệnh cho CTĐ và HTĐ phải hiệp, nghe à!”.⁽⁹⁾

Đây là lần đầu tiên Đức Chí Tôn dùng đến cụm từ “**Cửu Trùng Đài**”.

7. Ngày 13 tháng 5 – 1928 (24-3 Mậu Thìn) Tòa Thánh Tây Ninh ra văn bản “*Cách Lạy Thường Cúng Tứ Thời*” của Lễ Nhạc Viện được Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt ký tên và có sự phê chuẩn của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt quản lý Lại Viện kiêm Hiệp Lý “**Cửu Trùng Đài**” (văn bản sưu tầm được này, có đóng dấu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ).

⁽⁷⁾ *Ibit*, tr 401

⁽⁸⁾ *Ibit*, tr 423

⁽⁹⁾ *Ibit* tr 424

Đây có thể là văn bản hành chánh đạo đầu tiên có dòng chữ “Cửu Trùng Đài” hiện diện sau khi Đức Lý Giáo Tông sử dụng gần một tháng và cũng được Đức Chí Tôn chánh thức sử dụng.

8. Đầu quý IV Canh Ngọ, ngày 22-11-1930 (03-10 CN), Đức Lý Giáo Tông cùng Ngài Phạm Hộ Pháp đã ban hành 6 Đạo Nghị Định.

Trong Đạo Nghị Định thứ nhứt có ghi:

*“Điều thứ nhứt - Cả chức sắc Hội Thánh **Cửu Trùng Đài** và Hiệp Thiên Đài phải tuân...”*

Ở Đạo Nghị thứ 3, Đức Lý Giáo Tông hợp thức hóa các chức danh của Bàn Trị Sự gồm: Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự; hoàn chỉnh hệ thống 9 bậc của CTĐ. Kể từ đây, Pháp Chánh Truyền CTĐ Nam phái mới được hoàn chỉnh như văn bản hiện hành.

Cũng cần lưu ý, nữ phái tuy cũng có thêm 2 bậc Chức Việc và Tín đồ nhưng vì không có 2 phẩm bậc Chương Pháp và Giáo Tông nên không gọi là CTĐ nữ phái.

Ở trên chỉ gọi “Chức sắc nữ phái” để phân biệt với nữ Chức sắc Phước Thiện!

Tóm lại, ngày nay qua Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế gian và Nền Tổ chức Đại Đạo, danh từ Cửu Trùng Đài đã quá quen thuộc và thông dụng đối với mọi tín hữu Cao Đài.

Nhưng với tiến trình lịch sử phát triển của Cao Đài giáo nói chung và cơ cấu Hành Chánh đạo nói riêng, nay sắp đến thời gian kỷ niệm 100 năm Cao Đài giáo hiện diện, việc khảo sát tìm hiểu lịch sử hình thành CTĐ sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm lịch sử hình thành ĐĐTKPĐ. Điều này cũng góp phần giải tỏa một nhận thức sai lệch bấy lâu nay của một bộ phận khá đông tín hữu Cao Đài về hoạt động thông công.

Nếu cơ bút của đạo Cao Đài đã thật sự được Ổn trên cho ngưng hoàn toàn từ “cuối kỳ tháng 6 Đinh Mão - 1927” thì danh từ CTĐ đã không thể xuất hiện (vào đầu năm 1928) trong cơ cấu hành chánh đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.



Buông

Đại Cơ Minh

Bác Nhã Tịnh Đường ngày....2015

Em thương yêu,

Đọc thư em, chị thấy thương vô cùng, thương nhất là câu hỏi: chị ơi, thân tâm em đã nhiễm ô không phải chỉ trong kiếp này mà từ muôn kiếp trước, nghiệp xấu em đã tạo từ bao đời, nay em phải làm sao, tựa vào đâu để rửa sạch?

Em yêu dấu, em đã nhận chân ra sự thật về sự ô nhiễm của thân tâm mình và chấp nhận sự thật này như nó là, đó là một bước tiến đáng kể. Chị mừng là em đã thấy được điều đó. Muốn thanh lọc thân tâm mình thì chính em phải tự mình tẩy rửa cho sạch, không ai có thể làm thay cho em, mà em cũng không thể tựa vào ai được, Đức Phật dạy: *Hãy tự thấp đuốc cho mình mà đi*. Thanh lọc thân tâm, đó là sự tự cố gắng khép mình vào *cửa hẹp vì cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít và cửa rộng và đường khoáng khoát dẫn đến sự hư mất*.⁽¹⁾

Con đường chật hẹp gian nan vì đây là con đường để từ bỏ phàm tâm, nhưng dẫn đến sự sống là sanh đạo tâm. Con đường chật, cửa bước vào lại hẹp thì em phải **buông xả** bớt những gì đang tích lũy để nhẹ bước đăng trình vì đường còn xa lắm. Nhưng buông cái gì, em biết không?

Đức Thánh Trần dạy đoạn duyên, **giản sự**⁽²⁾ để lo tu. Đức Hà Tiên Cô nói rõ hơn là giản sự đời, đoạn dây tình ái, danh lợi...:

*Việc thế sự ngoài tại gác bỏ,
Phép tu hành, gắng bó công phu.
Thoát thân ra khỏi trần tù,
Ái ân, danh lợi, oán thù đoạn xa.*⁽³⁾

⁽¹⁾ Tin Mừng theo Luca

⁽²⁾ 10 điều khuyên của Đức Thánh Trần

⁽³⁾ Hà Tiên Cô, Thi bài Dự Bị Huyền Công

^{24a} Hưng Đạo Đại Vương 19770716

Thêm vào đó, hãy buông bớt vật chất qua tài thí, ấn tống kinh sách, đóng góp trong việc sửa sang các ngôi chùa, trường học, xây cầu, tạo nghiệp thiện qua giúp người neo đơn, cơ nhỡ... để tạo âm chất cho mình.

Nhưng em ơi, đó mới chỉ là buông những cái bên ngoài.

Quan trọng nhất là sự **buông bỏ từ bên trong**. Việc này em phải làm thường xuyên. Em hãy tự tâm sám hối để nhận rõ những sai lầm đã phạm và không tái phạm. Khi muốn trở về với Lễ Thật, Sự Sống thì phải suy nghĩ chân chính và thể hiện qua lời nói, hành động chân chính. Hãy *buông bỏ đi những lời nói, những hành động thô thiển* gây tổn hại người khác, những ý niệm xấu vừa chớm nở..., *buông ý muốn sát hại sinh vật* để nuôi thân mạng của mình và người thân của mình vì những con vật ấy nó cũng muốn như mình được sống, hãy *buông ý nghĩ làm giàu* bằng cách bán những vật dụng, các chất gây nguy hại cho sinh mạng người khác, *buông bỏ những gì gây ra ảo tưởng*, vọng niệm, gây ô nhiễm, rối loạn... và thành tâm thệ nguyện cải sửa, không khởi ý tạo thêm nghiệp mới, hành trì giới luật để giữ thân tâm an tịnh.

Sự buông bỏ phải *thực hiện hằng ngày để vọng niệm không khởi*, tâm mới trong sạch được thì tâm đạo mới *sanh*. Em hãy xem khi các vị tu sĩ từ phương Tây đến cầu đạo như quý bà Alexander David Neel, Tenzin Palmo cầu đạo với đạo sư Tây Tạng, điều kiện để được nhận là đệ tử là nhập thất trong hang động của núi Tuyết từ ba năm đến trên mười năm. Nhập thất là không được tiếp xúc với thế giới bên ngoài, sống trong điều kiện tiện nghi sinh hoạt tối thiểu, ăn uống đơn giản tối đa. Khi nhập thất xong, đạo sư mới truyền đạo vì lúc đó họ đã thật sự buông bỏ mọi thứ từ ngoài vào trong, xứng đáng và sẵn sàng nhận bí pháp.

Nhập thất rất được các Đấng Thiêng Liêng khuyến khích.

Đức Linh Bửu Thiên Tôn dạy:

*“Vào mật thất học làm Bồ Tát,
Quên ngã thân, gánh vác đạo đời.
Trước tiên khi đã nên người,
Tập tu khổ hạnh, bày phơi lòng thiện”⁽⁴⁾*

⁽⁴⁾ Linh Bửu Thiên Tôn 19820227

Đức Hà Tiên Cô dạy: “... *Cái Bác Nhã Chơn tâm không bóng không hình, không thể lấy thước không gian, lấy độ thời gian xét đoán bằng lý trí con người mà thấu hiểu. Muốn đạt lấy con tâm mẫu nhiệm kia, phải **buông xả hết mọi trần duyên**, gạt bỏ những sự khôn ngoan vụn vặt, không tin lý trí, không ý lại ngũ quan, **nói rộng lòng mình vươn lên cùng Trời Đất, hòa khắp núi sông thiên hạ để đạt đến Bác Nhã***”.⁽⁵⁾

Nói rộng lòng mình vươn lên cùng Trời Đất là việc mở rộng tâm từ, bi, hỷ, xả. Tất cả hành động, ý niệm phải không vì mình mà vì cộng đồng mình đang sống hay rộng hơn vì chúng sanh trong cõi ta bà này. Khi hành động như thế ta đã biết yêu thương bao dung, tha thứ, vì *Thượng Đế là Tình Yêu*. Tình yêu thật sự chỉ có khi tâm không còn phân biệt, có thể xem mọi người như anh em mình. Đức Thánh Trần dạy: *Mỗi lúc nghĩ gì (niệm) đừng khởi cái ta, mà nên **khởi cái đại đồng bình đẳng**, mở tung tâm trí tận khắp vũ trụ hư không, khiến cho **tâm trải đầy Trời Đất**. Tâm luôn luôn bao hàm chứa đựng, không sót một hào ly nằm ngoài tâm ấy. Nếu còn **biên cương ranh giới** thì chưa phải Chơn tâm*.⁽⁶⁾

Việc nói rộng lòng đó là việc mà chúng ta đã tập làm hằng ngày, em có biết là gì không? Đó là việc hồi hướng sau các thời cúng, sau khi tu tịnh. Khi em thành tâm niệm:

“...*Chúng sanh trăm nịch nguyện ra khỏi,
Nhập được huyền môn ngộ Đạo cao.
Nhứt thiết mười phương Tam Thế Phật,
Chư Tiên Bồ Tát ba la mật,
Tam đồ, bát nạnặng minh tâm,
Sanh tử luân hồi đồng giải thoát*”

Khi đặt cả tấm lòng vào lời nguyện là em đã tập nói rộng lòng mình rồi đó.

Hẹn em thư sau.

M

⁽⁵⁾ Hưng Đạo Đại Vương 19720403

⁽⁶⁾ Hưng Đạo Đại Vương 19771007

Có dòng sông bắt tận

Tình yêu thương cũng như cơ thể của chúng ta là dòng chảy bắt tận.

(Jean Jacques Rousseau)

Truyện ngắn

TRƯƠNG DUY

Trong một chuyến đi dài ngày của Ban Phụ trách, đến một số Thánh thất để xây dựng Gia đình Hưng Đạo; nhân tiện, đoàn có ghé thăm một vị Chức sắc Hội Thánh của vài mươi năm trước. Sự gặp gỡ giữa hai thế hệ liền kề, không xa nhau mấy nên diễn ra rất suôn sẻ, thâm tình đã ghi lại dấu ấn khó quên.

Sau khi vào điện đánh lễ Thầy, chúng tôi được tiếp đón rất ân cần, thân ái, trang trọng trong tình nghĩa đệ huynh. Chào hỏi và giới thiệu xong, chúng tôi được mời nước. Trà ngon thật! Hương trà thơm ngát, bay là là trong không gian tĩnh mịch, quyện vào ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn điện

hình như tuổi thọ cũng chẳng còn bao nhiêu. Gian phòng khách chúng tôi đang ngồi vốn xây theo kiểu xưa nên hơi thấp, góc ngách nhiều; vì thế, có vài mảng bóng tối cứ lảng vảng, nấn ná đó đây. Không gian ẩm cúng ấy đã bao bọc, áp ủ cho những lời trao đổi tâm tình của chúng tôi thêm nồng nàn, thấm thiết và gần gũi nhau hơn.

Để tiết kiệm thời gian hiếm hoi vô cùng quý báu ấy, hai bên chỉ trao đổi với nhau những điều thiết yếu nhất. Có lẽ, để củng cố hay đo lường nhận thức của đệ huynh trong đoàn về tôn chỉ mục đích của nền Đại Đạo, Anh lớn chợt hỏi:

- Không biết các huynh trưởng nghĩ sao, chứ tôi thấy con đường đi đến thế giới đại đồng của Cao Đài mình còn xa diệu vợi nếu không muốn nói là bất khả thi!

Đạo huynh dừng lại một lát như để thăm dò, rồi dẫn chứng luận điểm của mình bằng những ví dụ vô cùng thực tiễn và sống động:

- Các hiền đệ nghĩ xem, hiện nay trên thế giới, có nhiều nước chạy đua vũ trang bằng cách hiện đại hóa vũ khí ngày càng tối tân hơn, tầm sát thương, hủy diệt ngày càng nhanh chóng và rộng lớn hơn; đó là chưa kể loại vũ khí sinh học, hóa học vô cùng tàn độc... Con người đã sử dụng chúng để khủng bố, giết chết hàng loạt sanh linh! Mới đó, có vài thành phố đang sầm uất, lộng lẫy, phồn thịnh và văn minh; bỗng chốc...sau vài giây, chỉ cần một động tác nhẹ...nhấn nút, là nơi đó đã thành bình địa; mọi vật sẽ trở thành tro bụi, hoang tàn, chết chóc và điêu linh! Trên các lĩnh vực khác như văn hóa, kinh tế, xã hội... họ cũng đều tìm cách triệt hạ, sát phạt lẫn nhau!

Người ta sử dụng tất cả các chiêu thuật trên nhằm vào mục đích gì?

Chắc chắn rằng, với câu hỏi này ai cũng có thể trả lời một cách dễ dàng và chính xác: đó là, họ muốn vươn lên thành một đất nước siêu cường, vĩ đại làm bá chủ toàn cầu, thống lĩnh năm châu để tranh đoạt tài nguyên, của cải quý hiếm, thậm chí cả con người... về làm giàu, phục vụ cho họ!

Trong một phạm vi nhỏ như cộng đồng làng xóm, gia đình... cũng chẳng khác! Đó đây luôn xảy ra tình trạng dối lừa, gạt găm, sát hại nhau để tranh giành đất đai, nhà cửa, của cải, miếng cơm manh áo... Chuyện cứ tái diễn như cơm bữa, ngày càng lan rộng một cách phức tạp, dập dồn và táo tợn hơn!

Anh lớn chốt lại bằng một câu hỏi hóc búa:

-Vậy thì, làm sao chúng ta hy vọng có một ngày mai xa lác xa lơ nào đó nhân loại trên hành tinh này đến đích đại đồng? Điều này dù nằm mơ cũng chẳng thấy phải không?

Anh lớn lần lượt quan sát gương mặt của từng người; còn anh em trong đoàn, không ai bảo ai, cùng đưa tay ra nâng cốc trà lên hớp từng ngụm. Động thái

này có vẻ nhanh, nhất hơn mọi lúc; dường như anh em muốn che giấu đi sự bối rối, ngượng ngùng hoặc đè nén nguồn cảm xúc và ngôn ngữ đang sục sôi muốn diễn ra lúc ấy! Riêng tôi, tôi chậm rãi đưa mắt nhìn lên bức tranh phong cảnh được treo lên bức tường trước mặt. Bức tranh có màu lạnh làm chủ đạo; hình ảnh trọng tâm là đàn chim rủ nhau bay về phía mặt trời có nắng ấm. Nội dung này gợi nhớ lại câu chuyện đầy nhân ái về đàn bồ nông đi tránh rét mà tôi đã từng đọc trước đây!

Chuyện kể rằng,

Vào một mùa đông nọ, trời phương Bắc rét mướt đến buốt xương. Cái lạnh tê tái nên không có sinh vật nào chịu nổi cái khí hậu khắc nghiệt ấy! Những con bồ nông cũng không ngoại lệ. Chúng bèn kéo nhau thành từng đàn bay về phương Nam để tìm nắng ấm. Trên đường bay xa tít tắp, mịt mù, có chú bồ nông nọ phần vì quá mệt mỏi, phần thì mưa nắng thất thường làm chú bị quáng mắt nên va vào vách đá. Chú lao đầu một hồi rồi rơi tòm xuống hồ sâu! Chú bồ nông kẻ bên thấy vậy, liền tách đàn, bay theo dìu đỡ bạn. Ngày qua ngày,

nó tần tảo tìm mồi và lo thuốc thang chăm sóc bạn một cách tận tình và chu đáo.

Rồi từng ngày mặt trời chiếu rọi thêm những tin vui!

Rồi có ngày chú bồ nông bị thương cũng lành bệnh!

Rồi đến một ngày, cả hai bạn bồ nông mừng vui, cùng vỗ cánh bay vút lên bầu trời xanh thẳm, mênh mông!

Phân dưới bức tranh là một mảng nhạt mờ bởi khói sương, nhưng ta cũng thấy ở đó bạt ngàn rừng núi, thoát ẩn thoát hiện, mơ hồ. Trong tiềm thức vô cùng sâu thẳm, nhạt nhòa của tôi bỗng hiện dần hình ảnh của con vượn mẹ bị đứt từng khúc ruột khi nhìn thấy con mình bị người thợ săn bắn chết! Ôi, cảnh đoạn trường!

Thế rồi, câu chuyện của cuộc hội ngộ lại được chuyển sang một hướng khác. Không khí chuyện trò cũng được cởi mở và vui vẻ hơn. Những tiếng vỗ tay rập rờn nhưng thận trọng kéo tôi trở về với thực tại.

Bây giờ, lòng tôi lại được tô vẽ thêm những đường nét, sắc màu tạo nên một bức tranh đầy nhân bản bởi những lời miêu tả về hành

trình của các đoàn Phước Thiện lợi suối, trèo đèo, băng ngàn, vượt thác để đến được nơi hẻo lánh nhằm giúp đỡ, an ủi những khúc ruột của mình, là đồng loại nơi miền sơn cước xa xôi; họ đang còn đói rét, lâm than! Lòng tôi lại thấy vui vui và thán phục khi nghe những lời tường thuật của anh em trong đoàn Hưng Đạo đã từng đội mưa, lội gió, băng qua dòng nước chảy xiết để đến được nơi bị cô lập bởi lũ quét, bão táp, phong ba nhằm ứng cứu kịp thời những đồng bào đang hứng chịu thiên tai!

Đến gần mười giờ, chúng tôi mới tạm dừng đêm hội ngộ, rồi bù ngủ, quỵn luyến chia tay!...

Thế là câu hỏi của Anh lớn đã bị bỏ ngỏ! Không có lời giải đáp!

Cho đến một ngày...

Sau chuyến phụng hành hôm ấy, riêng tôi lại hồi hã, hăng say bước vào đợt thực tập của khóa Hưng Đức II. Một trong nhiều đề tài mà tôi lựa chọn và chuẩn bị kỹ càng để đi thuyết trình là “Thực hành hũ gạo phước thiện”. Sở dĩ tôi tâm đắc với nội dung này vì, lý do đầu tiên và trên hết: đây là điều kiện thuận lợi để tự củng cố về nhận thức và niềm tin của

mình về tôn chỉ và mục đích của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; hai là, trang bị chu đáo cho đề tài mà mình kiểm điểm tốt nghiệp; ba là, đáp ứng một cách hoàn hảo về vấn đề “THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG” mà Anh lớn đã nêu ra trước đây.

Nơi tôi “trình làng” cũng do mình tự lựa chọn là Thánh Thất Minh Đức. Họ Đạo này không biết bây giờ ra sao chứ còn trước đó, nơi đây có tiền lệ là hành lễ Ngộ thời trước rồi hội họp sau. Hôm mới đến, tôi còn đang trong thời gian bá nhứt nên phải tranh thủ công phu trong khi huynh đệ mình đi cúng trưa!

Dù muốn dù không cũng phải công nhận rằng Thánh Thất này tọa lạc ở một địa bàn khá lý tưởng: Không gian thoáng đãng bởi trước mặt, bên kia con đường làng có lũy tre nghiêng che bóng mát, có đồng ruộng tươi tắn mênh mông, có sông nước xanh mát ăm ắp bốn mùa. Ba mặt còn lại được bao bọc bởi xóm làng hiền hòa, yên tĩnh. Đó đây, lác đác những căn nhà ngói đỏ đơn sơ tựa những đóa hoa nằm ẩn mình trong những vườn cây ăn trái sum suê, xanh tốt. Không khí nơi đây dĩ nhiên là

quá trong lành, mát mẻ!...Tất cả những đường nét mộc mạc đơn sơ và tự nhiên, màu sắc nhẹ nhàng, trầm lắng và hài hòa đã tạo nên một bức tranh thủy mặc ngoạn mục vô cùng! Tác phẩm này còn làm ta ưa nhìn hơn bởi Thánh sở uy nghi và tráng lệ đã mọc lên do đồng đạo của mình chung sức, chung lòng xây dựng làm điểm nhấn cho tuyệt tác của thiên nhiên đã ưu ái đặt sẵn nơi mảnh đất hiền hòa, trù phú này!

Tôi đã đến đây nhiều lần; lần nào cũng được tận hưởng cái vẻ độc đáo, tuyệt vời đó! Nhưng lần này thì không. Trời hôm ấy nóng bức đến tột cùng, oi nồng như muốn ngạt thở! Cây lá khắp vùng dường như đã kim loại hóa. Chúng đứng sượng sùng ra đó tựa rằng đã bị mù phủ thủy hóa phép thành đá trở trở...Mồ hôi từ người tôi tuôn ra ướt đầm. Dáo dác nhìn quanh, tôi thấy cả phòng chỉ độc nhất có một chiếc quạt máy đang đứng yên, định mở quạt cho dễ chịu trong lúc công phu, nhưng lại nghĩ rằng, lát nữa đây, chừng khoảng mười lăm phút nữa thôi, thời cúng cũng xong, các huynh đệ mình kéo ra đông đảo, cùng nhau nghỉ ngơi. Họ lấy gì mà quạt

mát? Nghĩ thế, đành thôi! Liên tĩnh tọa vào thời công phu.

Vừa xong hiệp một, tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được cảm giác có một luồng gió mát thổi về phía mình, kèm theo đó là tiếng quạt máy chạy re re! Lúc ấy, tôi nghĩ thầm, không biết có ai động lòng trắc ẩn, vừa mở quạt cho mình? Bất công thật! Chỉ có một mình tôi là được quạt mát, trong khi có đến vài chục người đang ngồi đằng kia cố sức chịu đựng cái nóng rát bỏng của ngày hè đứng gió!

Thế rồi, buổi trưa cũng đi qua một cách nhọc nhằn. Đầu giờ chiều, chúng tôi tập họp sớm về hội trường để sinh hoạt. Khi chờ đợi, tôi mới có dịp quan sát cách trang trí ở nơi đây. Điều gây ấn tượng nhất trong tôi là hai dòng chữ in đậm, rõ ràng, chúng được treo cao nơi đầu của hai vách tường. Phía bên trái là câu “THẦY LÀ SỰ THƯƠNG YÊU VÀ LỄ HẰNG SỐNG”. Phía đối diện cũng với dòng chữ màu xanh lam, đậm điệt nổi bật trên nền vải trắng tinh: “ĐẠO LÀ TÌNH THƯƠNG VÀ LỄ THẬT”.

Sự việc và hình ảnh đáng nhớ này chính là chiếc chìa khóa vạn

năng mở toang các cánh cửa bí nhiệm của cuộc sống vô thường, đồng thời cũng là ÁNH SÁNG soi đường cho huynh đệ mình từng bước, đi dần về NGUỒN XUA. Ngày càng thấy hiện rõ hơn cõi sống vĩnh hằng!

Chiều hôm ấy, tôi đã biết vận dụng chiếc chìa khóa và ánh sáng này vào sự triển khai đề tài nên buổi thực tập của mình đã mang lại kết quả viên mãn.

Cuối cùng tôi đi đến kết luận:

Thực hành hũ gạo Phước Thiện là một trong những bước chân biểu trưng cho cuộc hành trình vĩ đại đi đến THẾ GIỚI ĐẠI ĐỒNG, mà TÌNH THƯƠNG, SỰ SỐNG và LỄ THẬT là hành trang, cũng là điều kiện ắt có và ắt đủ để đạt được mục đích cao quý trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn tác giả của câu chuyện “Đàn bò nông đi tránh rét” và điển tích của từ ngữ “đoạn trường”; cảm ơn người đã mở quạt máy cho tôi trong giờ công phu trưa nay!

Vì sao vậy?

Vì đây là chất xúc tác để tôi hiểu rõ, hiểu sâu hơn về phương hướng và tính chất của “Thế Đạo đại đồng: TÌNH THƯƠNG, SỰ SỐNG và LỄ THẬT!

Còn các yếu tố phổ thông biểu hiện ba chất cực độc trong tâm vô minh của con người, đã gây trở ngại, khó khăn không ít trên con đường đi đến Đại Đồng mà Anh lớn đã nêu trước đây thì dĩ nhiên rồi!

Có dĩ nhiên như thế, Đức Ngô Đại Tiên mới dạy:

*“Có sông mới đóng nên thuyền,
Có người tội lỗi mới truyền pháp
tu...”*

Như vậy, thế giới này chắc chắn sẽ tiến đến Đại Đồng, khi pháp tu phát huy diệu dụng; đó là cải hóa con người ở trần gian này có đủ đầy TÌNH THƯƠNG, SỰ SỐNG và LỄ THẬT!

Ba yếu tố này đang tiềm ẩn trong lòng của mỗi một con người. Nghĩa là bất cứ ai cũng có. Luôn luôn có! Như nguồn nước của dòng sông bất tận. Có điều, ta biết khai thông cho dòng chảy bất tận hay không.



Gởi cụ Nguyễn Du

TRẦN DÃ SƠN



Tiền Đường nước chảy hoa trôi
Mượn cảnh hương thảo vớt người hồng nhan
Mười lăm năm những dở dang
Lầu xanh chi để cho tàn đời hoa

Xót thân trong cõi người ta
Áo tu mỏng quá nên ra thế này
Đoạn trường xưa, đoạn trường nay
Trên đầu có Đấng Cao Dày chứng minh

Một bên hiếu một bên tình
Thôi thì hiếu trọng tình khinh cũng đành
Xưa nay những bậc tài danh
Khuôn thiên sao nở để dành cho ai

Có chi sắc sắc tài tài
Sắc tài càng lắm càng dài khổ đau
Nỗi niềm tương nhớ đến nhau
Tố Như ơi! Biết người sau có buồn?!

Chân kinh vô tự

LÊ HOÀNG NGUYÊN

Xưa Bồ Đề tổ sư

Quả dếp rời Đông Độ

Nhập Niết bàn vô dư

Ta lặn mò thấp đuối

Tìm mất dấu Chân như

Giữa vạn trùng muôn pháp

Biết đâu là thực hư

Nên nổi chìm sanh tử

Trôi lặn đến bây chừ

Quẩn quanh cầu bỉ ngạn

Đâu biết tâm là bờ

Chỗ kiến giải mịt mờ

Mới lần xa chơn tánh.

Kỳ Ba người hữu hạnh

Trời khai pháp Cao Đài

Chỉ rõ chỗ bốn lai

Vốn xưa nay chẳng khác

Xưa Linh Sơn “phổ thác”

Nay mật pháp hiển bày

Muốn về chốn Cao Đài

Thường hồi quang “Chiêu” tánh

Tự hữu ắt “Ngô Minh”

Ấy ngọc quý nơi mình

Vốn chân kinh vô tự

Viết ở tịnh đường

Nhân ngày kỷ niệm Đức Ngô Tôn Sư
(12.3.Tân Sửu - 2021)

HUỲNH VĂN MƯỜI

Những người con áo trắng hội về đây
Quỳ dưới chân Thầy nương ơn Thánh đức
Nghe đất thở dưới chân mình rạo rức
Tháng Ba ơi! Nắng lựa trái chân người
Ta lại về trong muôn vạn niềm vui
Mắt trong mắt - biển hồ đầy chan chứa
Vai kề vai - gánh Đạo - Đồi nghiêng ngửa
Tận phương nào mà cốt nhục linh sơn
Thế giới này, có ai hiểu gì hơn?
Cuộc tranh đoạt - vẫn muôn đời, vẫn thế
Giữa được, mất - khẳng định mình đâu dễ
Ngã ba đường, Đồi - Đạo giạt giành nhau
Có nguyện ước gì cho ta mai sau?
Một mảnh phong sương, một đời phụng hiến
Mê mãi bước chân - hành trình nhận diện
Ở chỗ tâm không, ta gặp chính mình.



Lặng thinh

Đỗ Thị Kết

Biển hôm nay đâu còn con sóng dữ
Mênh mông trời mây ngũ sắc lung linh
Nay ta về. Trước biển. Lặng thinh
Chẳng tiếng thét gầm, chẳng cuồng phong bão tố
Em có biết trong nỗi niềm tương ngộ
Đâu chẳng nói gì ta vẫn hiểu nhiều hơn
Đâu chẳng mãi gần nhưng gần bó keo sơn
Vời vợi, thắm sâu tình ta muôn thuở
Đâu lạ xa, đâu ngày xưa bờ ngõ
Đâu chơi vui hoảng sợ sóng trào
Đâu những chênh vênh, nghiêng ngả, rạt rào
Trạng thái chuyển luân ngàn năm vẫn thế
Cõi hữu hạn giữa vòng xoay dâu bể
Vẫn mênh mang, sâu thẳm khối tình
Nay ta về
Trước biển
Lặng thinh

Nhớ mùa thu

Núi Ấn sông Trà

Nguyễn Quốc Huân

*Ở nơi ấy, con sông Trà vẫn chảy
Mây vẫn trôi qua núi Bút bình yên
Bạc Thiên ân dậm dài vai gánh Đạo
Quảy giang sơn thường tại lẽ thương yêu*

*Tâm vô ngại tan cuồng phong thủy chướng
Chỉ đại đồng, giá chuộc chứng vô gia
Người Minh Sư nhìn trăng rơi đáy nước
Nỗi đời đau tan xé một canh gà!*

*Chỉ còn lại khoảng trời trong điệu vơi
Mà thênh thang bốn biển hóa chung nguồn
Chỉ còn đây dòng cầu kinh thánh Bấy
Sáng soi từng dâu bể cõi nhân sinh.*

*Vẫn hoa lá đương mùa uơm trái ngọt
Đất trời thu Thiên Ấn đã thiêng liêng
Cả trang sách và chuỗi châu ngày ấy
Đang từng trang, từng hạt chuyển châu thiên.*



Khuyến tu

Hàn Nguyên Trinh

*Đạo mở phen này cứu rồi con.
Lần ba lượt chót quả năng tròn
Ghi tâm nghĩa Mẹ cao đường núi
Khắc não công Thầy lớn tựa non
Bạc đồng vàng kho rồi cũng sạch
Nhà cao cửa rộng chắc chi còn
Từ đây lợi phé danh lìa bỏ
Tiếng siêm câu gièm chuyện cỏn con.*

(Nguyễn Thanh Hưng HD. Từ Quang)



Gởi Corona

Mai Hậu

*Cô từ đâu đến hồi Cô Vy?
Thân Cô nhỏ xíu bé tí ti
Mà làm thế giới đang điên đảo
Hai năm trôi qua vẫn ở lý*

*Cô chẳng kiêng vì bất cứ ai
Cho dù Tổng Thống hay Ve Chai
Cô đều tận công không từ bỏ
Làm cho thiên hạ phải thở dài*

*Cô định bao giờ sẽ rút lui?
Để cho nhân loại được an vui
Giao thông quốc tế được lập lại
Cho mẹ gặp con nở nụ cười ./.*



THÔNG TIN - TƯ LIỆU

• TANG LỄ GIÁO HỮU NGUYỄN HƯƠNG HỒNG



Ngày 23 tháng 3 năm Tân Sửu (04/5/2021), Giáo hữu Nguyễn Hương Hồng, Vụ phó vụ Từ thiện Sống đạo Cơ quan Nữ phái - một nữ tu sĩ thuần thành, một chức sắc đáng kính đã cống hiến trọn đời vì giáo hội - đã hóa sinh về cõi vĩnh hằng, tại Trung Hưng Bửu Tòa (Tp. Đà Nẵng), thượng thọ 82 tuổi.

Hiền tỷ Giáo hữu Nguyễn Hương Hồng, thế danh Nguyễn Thị Hồng, sinh năm Canh Thìn (1940) tại xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Xuất thân trong gia đình trung lưu, có truyền thống đạo đức thuần lương, thân sinh là Nguyễn Suyền, thân mẫu là Trương Thị Hợi, Hiền tỷ là con út trong gia đình có 16 người con.

Năm 19 tuổi (1959), Hiền tỷ được gia nhập tu xá Phước Huệ Đàn và trở thành một trong 52 nữ tu đầu tiên của dòng tu Bảo Thọ, chấp nhận đời sống khổ hạnh của một tu sĩ, phát nguyện dấn thân vào con đường tu cầu giải thoát. Chí nguyện dâng trọn tuổi thanh xuân vì lý tưởng phụng đạo, phục vụ nhân sanh, Hiền tỷ đã từng bước vượt qua mọi khó khăn khảo thí, nhiều lần được Ôn Trên điểm hồng danh, nung nấu chí tu:

*“Hồng phải giữ tịnh thanh lòng Đạo,
Việc thế tình đừng tạo đừng vương;
Cứ theo Đạo pháp vịn nương,
Chí tâm sẽ được Thầy thương dắt dìu”.*

(Tịnh Đường ngày 23/4/Giáp Thìn - 1964)

Từ tuổi trưởng thành, Hiền tỷ phát tâm ly gia về lập công tại Hội Thánh, xem nơi đây như ngôi nhà thứ hai của mình, và luôn tận tâm với các nhiệm vụ được giao phó. Vốn là nữ tu năng động, khá giỏi về tính toán, năm 1974 - 1978 Hiền tỷ được Hội Thánh tin tưởng giao làm thủ quỹ của Trung tâm Bảo trợ Thiếu nhi, đồng thời chu toàn nhiệm vụ kinh tài cho Cơ quan Nữ phái. Thời kỳ 1978 - 1990 Hiền tỷ kết hợp với cơ quan chức năng mở xí nghiệp thêu đan xuất khẩu, tạo việc làm cho hơn 400 lao động. Hiền tỷ là thành viên của hội Từ thiện phường Thạch Thang đồng là thành viên của hội Từ thiện thành phố Đà Nẵng. Trong suốt 20 năm, tham gia tổ chức thực hiện và duy trì “Nồi cháo tình thương” giúp bệnh nhân nghèo tại bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng.

Năm 1998, Hiền tỷ được bổ nhiệm làm Vụ phó vụ Từ thiện Sống đạo Cơ quan Nữ phái, kiêm quản lý quán chay Thanh Tâm. Vốn có năng lực quản trị kinh doanh, Hiền tỷ chuyên tâm lo phát triển quán chay vừa giúp Cơ quan Nữ phái có đủ tài chính để giải quyết các đạo sự, tạo nhiều thiện cảm với đồng bào, đồng đạo và chính quyền sở tại.

Hiền tỷ đã thọ nhận pháp tu Tam bảo Hoàn châu, ngày 16/8/ Mậu Thìn (1988), được Hội Thánh cầu phong phẩm vị Lễ sanh. Qua quá trình hành đạo bền bỉ liên tục với nhiều đóng góp thiết thực cho giáo hội, ngày 03/3/Mậu Tý (2008), Hội Thánh cầu phong lên phẩm Giáo hữu.

Trải 63 năm gắn bó với dòng tu Bảo Thọ, Giáo hữu Hương Hồng đã chu toàn các sứ vụ được giao, Hiền tỷ tỏ rõ chí nguyện hành đạo chân thành, nhất tâm và kiên định với con đường mình đã chọn. Hiền tỷ xứng là người Cao Đài có đức tin mạnh mẽ, một chức sắc thừa hành chân tu trên hành trình giải thoát. Nay Giáo hữu Hương Hồng trở về cõi Thiêng Liêng hằng sống. Hiền tỷ tròn xứng là tấm gương sáng trên bước đường giải thoát cho lớp đàn em noi theo:

*“Hồng trần đã dứt rồi duyên nợ,
Được đem mình sống ở nhà tu;
Khuyên con vịn giữ công phu,
Công phu giữ vịn ngao du cảnh bồng”.*

• TANG LỄ GIÁO HỮU PHAN HƯƠNG TÂM



Ngày 04 tháng 4 năm Tân Sửu (15/5/2021), Giáo hữu HP Phan Hương Tâm, chức sắc giáo hóa nữ đồ Thánh thất Hưng Đông - nữ tu giải thoát dòng tu Bảo Thọ, đã qui Tiên tại Thánh thất Hưng Đông xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, thượng thọ 86 tuổi.

Hiền tỷ Giáo hữu Phan Hương Tâm tên thật Phan Thị Tâm, sinh 14/9/Bính Tý (1936) tại làng Giu Nghĩa, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, Quảng Nam. Phụ thân Phan Suất và thân mẫu Võ Thị Hựu vốn là một gia đình thuần nông nhưng giàu nề nếp gia phong.

Hiền tỷ nhập môn đạo Cao Đài ngày 23/12/Kỷ Sửu (1949) tại Thánh thất Hưng Đông. Môi trường sinh hoạt tín ngưỡng đã khai ngộ cho tuổi thanh xuân Hiền tỷ cảm nghiệm sâu sắc nguồn vui của người có đạo. Từ tập tành kinh lễ đến việc học hiểu giáo lý Đại Đạo, căn lành khởi duyên cho Hiền tỷ hướng nguyện vào con đường tu hành. Năm Kỷ Hợi (1959), Hội Thánh cho lập nhà tu Phước Huệ Đàn và mở dòng tu Bảo Thọ dành cho nữ tu giải thoát. Nữ thanh tân Phan Thị Tâm phát nguyện xin nhập dòng tu và trở thành thành viên trong số 52 nữ tu đầu tiên của dòng tu Bảo Thọ. Từ đó, Hiền tỷ chuyên tâm lo học đạo, un đúc ý chí tuân mạng pháp tu và cần mẫn lập hạnh người chơn tu trải đời phụng hiến cho giáo hội.

Năm 1973 vào miền Nam, Hiền tỷ tu học lập công tại tỉnh đạo Đồng Nai (nay thuộc huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Vài năm sau được điều về hành đạo tại Hội Thánh (Tp. Đà Nẵng).

Năm Kỷ Mùi 1979 thọ pháp Tam bảo. Đức Ngộ Đại Tiên khải thị:

*“Tâm thanh tịnh thì gần Tiên Phật,
Thân nhọc nhằn lẽ thật được trông;
Tháng ngày quyết lập lấy công,
Để rồi hưởng phước thông dong Đạo lành”.*

Khoảng 1987, Hiền tỷ xin về quê phụng dưỡng mẹ già và tham gia sinh hoạt tu học tại Họ đạo Hưng Hưng. Tu sĩ Phan Hương Tâm được nhân sinh công cử là đại diện văn phòng Nữ phái Hưng Đông, thường trực tại Thánh thất. Tháng 5/Kỷ Ty (1989) là Lễ sanh giáo hóa nữ đồ Thánh thất Hưng Đông. Những năm 1992 - 1995 Hiền tỷ cùng bốn đạo Hưng Đông đã tích cực và năng nổ góp sức vào công trình xây dựng ngôi tam đài Thánh thất. Bước vào tuổi thất thập, Hiền tỷ nhuốm bệnh, từ năm 2007 xin nghỉ dưỡng. Ngày 03/02/Kỷ Sửu (2009), được Hội Thánh cầu hàm phong phẩm Giáo hữu. Hơn 70 năm mạnh mẽ bước trên hành trình giải thoát, tuổi thanh xuân ngát hương đạo vị, năm tháng trưởng thành hăng say thực hiện lý tưởng phụng đạo, Giáo hữu Phan Hương Tâm không ngại khó nếm trải nhiều gian khổ nhưng chí tu vẫn nhất tâm hướng về một Đức Cao Đài. Nay Hiền tỷ đã giải xong mọi nghiệp chướng, nguyện chơn linh Hiền tỷ hóa sinh về miền Thánh đức, trọn hưởng phúc lành.

• BỒN ĐẠO TẠI QUẢNG NAM GỬI HÀNG VÀO SÀI GÒN ĐỂ TIẾP TẾ CHO BÀ CON BỊ ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID 19

Trong đợt dịch Covid 19 bùng phát lần thứ 4, Sài Gòn là địa phương bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Cuộc sống người dân Sài Gòn trở nên khó khăn, hàng hoá và lương thực khan hiếm do phải thực hiện chủ trương giãn cách xã hội của Thành phố. Thương cảm hoàn cảnh này, nhiều Họ đạo tại khu vực Bắc Quảng Nam đã cấp tốc chuyển hàng tiếp tế cho bà con ở Sài Gòn. Hàng gửi vào gồm gạo, rau, củ, quả, dưa cải muối, bánh tráng, đậu, dầu, bánh tét... là sản phẩm “cây nhà lá vườn” được chính đồng đạo ở Quảng Nam thu hoạch gom đủ một xe tải lớn, ước tính tổng giá trị trên 100 triệu đồng. Thật rất đổi cảm động trước tấm lòng bà con đạo hữu miền Trung, hoàn cảnh kinh tế vốn đã khó khăn càng khó khăn hơn khi phải hứng chịu bao đợt thiên tai, dịch bệnh. Nhưng chư đạo tâm vẫn gom góp, chia sẻ với đồng bào, đồng đạo Sài Gòn lúc này.

Chuyến xe hàng khởi hành ngày 10.6 Tân Sửu, đi nửa đường bị hư nên những loại hàng rau củ tươi phải sang một xe tải khác vận chuyển nhanh để tránh hư hỏng, phần còn lại tiếp tục được gửi đến ngày hôm sau. Việc chuyển hàng hoá từ miền Trung và Nam lúc này cũng cam

go vì phải tuân thủ đúng quy định kiểm soát dịch bệnh ở tất cả các địa phương. Do vậy, chuyến xe lăn bánh cũng mang theo nỗi lo của bốn đạo, mong muốn hàng sớm đến Sài Gòn...

Tiếp nhận hàng hoá và phân phối đến tận gia đình đạo hữu ở Sài Gòn cũng là một việc không dễ dàng. Các khu phố, ngã đường ở Sài Gòn đã bị rào chắn, người dân hạn chế ra đường vì dễ lây nhiễm bệnh và chấp hành quy định về giãn cách xã hội. Mặc dầu rất nỗ lực nhưng khó thực hiện việc phân bổ hàng đến từng nhà đạo hữu. Những loại lương thực bảo quản lâu sẽ được chuyển đến bốn đạo khi điều kiện cho phép, một phần lương thực cũng được trao tặng ngay cho đồng bào trong các khu phố đang gặp khó khăn...

Cũng trong thời gian này, nhiều Hộ đạo tại Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung vẫn đang “nóng lòng” muốn gửi hàng tiếp tế vào Sài Gòn. Tuy nhiên, đến thời điểm này công việc tổ chức vẫn chưa thuận lợi. Xin thông tin để chư đạo tâm cảm thông. Trong hoàn cảnh tai ương của dịch bệnh, nghĩa tình đồng đạo được khấn khít nhau hơn. Xin gửi cho nhau những lời thăm hỏi, động viên và chung lòng cầu nguyện cho tất cả chúng ta được bình an trong sự thương yêu, chở che của Thầy. ☯



DANH SÁCH CÔNG QUẢ ẤN TỔNG SỐNG ĐẠO KỲ 3/2021 TÂN SỬU

Cơ Quan Nữ Phái Hội Thánh

2,000,000

Giáo Sư Hương Trúc 2,000,000

Hộ Đạo Trung Bảo 1,100,000

Đạo tâm Hộ Đạo Trung Bảo 1,100,000

Hộ Đạo Trung Hiền 4,900,000

Đỗ Thị Đạt 700,000

Nguyễn Thị Anh 200,000

Trần Lê Trâm Anh 4,000,000

Hộ Đạo Trung Hòa (Đăklăk)

4,000,000

Hộ Đạo Trung Hòa Đăklăk 1,000,000

Ban Phước Thiện 500,000

Văn phòng Nữ phái 500,000

GD LS Thái Tâm Thanh 500,000

GD CTS Nguyễn Thanh Tùng 500,000

GD Thông sự Trần Đình Hòa 100,000

GD LS Thượng Chương Thanh 200,000

GD LS Nguyễn Xuân Thiện 500,000

GD CTS Nguyễn Văn Thuật 100,000

CTS Trịnh Công Trình 100,000

Hộ Đạo Trung Hội (Bình Định)

1,000,000

Phan Văn Khế 1,000,000

Hộ Đạo Trung Khánh 1,000,000

Hộ Đạo Trung Khánh 1,000,000

Hộ đạo Trung Minh 16,500,000

Phan Minh Phúc 300,000

Trương Đỗ Hồng Nha 300,000

Phan Hồng Hạnh 300,000

Phan Minh Đức 300,000

Mai Hậu 1,000,000

Trương Đình Chiến 1,000,000

Phan Thị Tấn hồi hướng GL phụ mẫu

Phan Thơ và Trần Thị Hoa 1,000,000

Trương Đỗ Hồng Nhi 700,000

Đan Khuyên + Đan Phiên 500,000

Đỗ Thị Rân 200,000

Nguyễn Văn Lúc 200,000

Ngô T Ngọc Anh hồi hướng GL LSHP

Ngô Trân và TT Nguyễn Thị Hồng

500,000

Mai Thị Xuân và các anh chị em hồi

hướng Giác linh Mẹ Huỳnh Thị Liên

và Ông Ngoại, Cậu, Dì. 10,000,000

Lê Hồ Phương Linh 200,000

Hộ Đạo Trung Mỹ 1 300,000

Lễ sanh Hương Ngô 300,000

Hộ Đạo Trung Thành 500,000

Trần Thị Nhớ 100,000

Trang Thị Nguyệt 100,000

Văn Thị Ân 100,000

Ngô Thị Kim Liên 100,000

Ngô Văn Chon 100,000

Hộ Đạo Từ Vân (Quảng Nam)

1,000,000

Hộ Đạo Từ Vân (Quảng Nam) 1,000,000

Hộ Đạo Từ Vân (Sài Gòn) 2,800,000

Giáo Hữu Hương Phong 1,000,000

Nguyễn Thị Minh Nguyệt 500,000

Ban Phước Thiện Hộ Đạo Từ Vân Sg

1,300,000

Các đơn vị khác 3,060,000

Huỳnh Văn Mến-Thánh Thất Lộ Đỏ

200,000

Trương Vĩnh Trâm Anh 500,000

Nguyễn Như Cung (Mỹ) 2,360,000

• Ngắm nghĩ

Thời bệnh chữa bằng thuốc Nghịch bệnh chữa bằng tâm

Văn Tư Tu

Sự hy sinh vì đạo của gia đình bà Mục Cưu vào thời khai giáo Bắc Trung quả là hy hữu. Trong vòng 9 tháng cả nhà có 9 người thì mất đi 7. Mất liên tục, dồn dập và quá đột ngột.

Sự mất mát sinh mạng ấy kèm theo cả gia tài, sản nghiệp của một gia đình dốc lòng hy sinh vì đạo khi đạo mới khai sơn phá thạch tại Quảng Nam quả thực là một thử thách khủng khiếp về đức tin.

Trong sự hoảng sợ của nhiều người trước tai ương khủng khiếp ấy, Ôn Trên cho một lời dạy đủ sức giúp chư tiên bối trách nhiệm thời ấy trụ an: *Thời bệnh chữa bằng thuốc, nghịch bệnh chữa bằng tâm.*

Đây là lời Ôn Trên dạy khi quý tiên bối lập đàn xin cứu chữa cho Kim Quý qua cơn bạo bệnh. Cơn bạo bệnh xảy đến hiện nay liền gợi nghĩ đến lời dạy này.

Chữa nhiều thuốc thì nhiều nước độc sức theo hướng này: nghiên cứu, sản xuất, phân phối với lắm sự khó khăn về nhiều mặt.

Còn chữa bằng tâm thì cái tâm ngày nay đối với loài người đã quá mong manh. Và lại hậu quả đã đến tận chân rồi thì chỉ còn cách nghiệm suy về nhân quả.

Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Chúng sanh gia tăng càng nhiều, Bồ tát càng ngày càng giảm nên thời hiện đại đạo lực của bồ tát không đủ sức tạo nhân lành cho chúng sanh được an lạc.

• Tu Từ Từ

Sàng sảy

Ngọc Anh

Sàng sảy cô nghĩa đen là bằng cách sàng và sảy làm cho gạo sạch trấu, bụi, rác cùng tâm, cảm v.v... Sàng sảy nghĩa bóng là lựa chọn kĩ lưỡng để loại bỏ cái xấu, cái không đạt tiêu chuẩn để giữ lại cái tốt, đáng giá, đáng quý như “hạt gạo trên sàng”.

Trong thời hạ nguơn mặt kiếp này, sự sàng sảy diễn ra không ngừng.

“Hoàn cầu kiếp nạn đến nơi,

Chuyển cơ Thánh đức, thay đời Hạ nguơn”. (TG)

Tai họa đến khắp mọi nơi, mọi cách, không chừa đất nước, dân tộc nào. Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

“Máu xương tàn diệt lẫn nhau,

Sảy sàng cho sạch biết bao tảo tòng. (TG)

...Cuộc đào thải vô cùng to lớn,

Tối mắt mây, rừng rợn tâm cang;

Bịnh Trời phạt ác trừ gian,

Hoàng trướng, ôn dịch, cơ hàn binh đao”. (TG)

Ngoài chiến tranh, hai năm nay thế giới đang oằn mình chịu thiên tai: lũ lụt, hỏa tai, dịch Covid - 19 lan rộng khắp nơi chưa có điểm dừng, vô số người đã chết. Chúng ta đang chịu thử thách cam go, như hạt gạo bị sàng, phải bị chao đảo dữ dội. Chúng ta làm gì để vượt qua kiếp nạn?

Đức Giáo Tông đã dạy:

“Từ đây Lão khuyên chư hiền lớn nhỏ, thầy đồng ăn chay làm lành, tu nhơn tích đức, tụng kinh cầu nguyện luôn luôn, nhà nhà phải vọng tượng Phật Trời thường bữa, thì mớiặng cứu độ trong lúc phong ba. Nếu các người không thực hành đạo đức thì không thể nào qua lọt cửa Long Hoa mà trông ngày thành đạo”.

Đức Chí Tôn dạy:

“Con gắng lên công phu đạo hạnh,

Cơ phân phàm lộc Thánh là đây;

Đường tu vững bước hội này,

Ngày sau con sẽ gặp Thầy Ngọc Kinh”.

Đức Nam Cực Tiên Ông: “Ráng lo tu, tu ọc, tu mau đi đạo hữu”.

Nên hiểu chữ TU trong lời dạy của các đấng Thiêng liêng không chỉ là về thất, ăn chay, tụng niệm mà còn phải thường xuyên tỉnh giác không làm ác, nói bậy, nghĩ xấu tức là tránh tam độc: Tham - Sân - Si; trừ tam nghiệp: Thân - Khẩu - Ý.